



TASCO®

TECHNOLOGY
ENABLED INVESTMENT
ECOSYSTEM

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

📍 | Tòa nhà Tasco, Đường Phạm Hùng,
Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

☎ | 024 6668 6863

✉ | info@tasco.com.vn

🌐 | www.tasco.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2025

NỘI DUNG

1

ĐIỂM NHẤN 2025

- 06 Điểm nhấn 2025
- 16 Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi
- 18 Lịch sử hình thành và phát triển
- 20 Tổng quan doanh nghiệp và lĩnh vực kinh doanh
- 22 Cơ cấu tổ chức, mô hình quản trị
- 24 Hội đồng quản trị
- 27 Ban Kiểm soát
- 28 Ban Tổng Giám đốc

2

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

- 32 Chiến lược phát triển giai đoạn 2025-2030
- 34 Định hướng chiến lược

3

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 42 Tổng quan kinh tế vĩ mô 2025 và dự báo 2026
- 51 Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025
- 56 Tình hình tài chính Công ty
- 60 Kế hoạch kinh doanh năm 2026

4

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- 64 Tổng quan về quản trị tại Tasco
- 68 Quản trị rủi ro
- 72 Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị
- 80 Báo cáo của Ban Kiểm soát
- 82 Thông tin cổ phiếu và cơ cấu cổ đông
- 85 Hoạt động quan hệ cổ đông

5

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 88 Tổng quan về phát triển bền vững
- 92 Báo cáo đánh giá tác động về kinh tế - xã hội - môi trường
- 94 Hoạt động phát triển bền vững tiêu biểu năm 2025
- 106 Phát triển tổ chức và nguồn nhân lực

6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

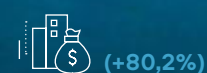
- 114 Thông tin về công ty
- 115 Báo cáo của Ban Điều hành
- 116 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 117 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 120 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 121 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 123 Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

ĐIỂM NHẤN 2025

- 06 Điểm nhấn 2025
- 16 Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi
- 18 Lịch sử hình thành và phát triển
- 20 Tổng quan doanh nghiệp và lĩnh vực kinh doanh
- 22 Cơ cấu tổ chức, mô hình quản trị
- 24 Hội đồng quản trị
- 27 Ban Kiểm soát
- 28 Ban Tổng Giám đốc



Điểm nhấn 2025



(+80,2%)

52.231 TỶ ĐỒNG

Tổng tài sản



(+46,15%)

2.789 TỶ ĐỒNG

EBITDA



(+36,4%)

52.533 TỶ ĐỒNG

Doanh thu hợp cộng



(+20,3%)

36.380 TỶ ĐỒNG

Doanh thu hợp nhất



(+106,8%)

788 TỶ ĐỒNG

Lợi nhuận trước thuế



16.879 TỶ ĐỒNG

Vốn hóa (tại 31/12/2025)



14,2% (THEO VAMA)

Thị phần phân phối ô tô



150 SHOWROOM

Hệ thống phân phối ô tô



~4.300.000 KHÁCH HÀNG

Tổng số khách hàng VETC



75%

Thị phần ETC



134 CÔNG TY CON & CÔNG TY LIÊN KẾT

Các công ty trong hệ thống



136 TRẠM

Số trạm/làn thu phí ETC đã kết nối

765 LÀN

Điểm nhấn 2025

1



Tasco bứt phá doanh thu vượt 2 tỷ USD, công bố tầm nhìn mới và bộ giá trị cốt lõi 3Ts định hướng các hoạt động của toàn hệ thống

Năm 2025, Tasco ghi nhận doanh thu hợp cộng vượt 2 tỷ USD, doanh thu nhất 36.380 tỷ đồng, đạt 120%; lợi nhuận sau thuế hợp nhất 630 tỷ đồng đạt 206% so với năm 2024. Kết quả này đến từ việc tối ưu hóa các mảng kinh doanh cốt lõi, tập trung vào giá trị gia tăng và dòng tiền bền vững. Song hành với đà tăng trưởng, Tasco chính thức công bố tầm nhìn trở thành “Hệ sinh thái đầu tư lấy công nghệ làm nền tảng, kết nối Hạ tầng giao thông – Bảo hiểm – Đầu tư cho dịch vụ thiết yếu và đổi mới sáng tạo”, cùng bộ giá trị cốt lõi 3Ts (Trọng tâm khách hàng - Tinh gọn, Hiệu suất cao - Tốc độ, Quyết liệt). Tầm nhìn và hệ giá trị này hiện là kim chỉ nam, được triển khai quyết liệt trên toàn bộ hệ thống các công ty trực thuộc nhằm mang lại hành trình trải nghiệm an tâm nhất cho khách hàng.

2



Tasco Auto - Hoàn thiện hạ tầng 200+ điểm kinh doanh và các nền tảng cho chu kỳ tăng trưởng dài hạn

Hệ thống hạ tầng của Tasco Auto với mạng lưới 200+ điểm kinh doanh (150 showroom và hơn 70 xưởng dịch vụ Carpla), Hạ tầng nhân sự, ERP- công nghệ vận hành, danh mục sản phẩm và dịch vụ toàn diện từ xe ô tô phổ thông, tới xe sang + (Volvo, Zeekr, Lotus), các dịch vụ hạ nguồn (xưởng dịch vụ 3S, quick services, phụ tùng-phụ kiện, cứu hộ VETC...) đã sẵn sàng cho chu kỳ tăng trưởng mới. Từ 2026, tập trung cho hiệu suất, hiệu quả, chất lượng và trải nghiệm khách hàng an tâm trên nền tảng đa kênh.

3



Bảo hiểm Tasco đạt mốc doanh thu 1.600 tỷ đồng, xác lập vị thế Top 7 công ty dẫn đầu thị trường về bảo hiểm xe cơ giới

Bảo hiểm Tasco ghi nhận mốc tăng trưởng ấn tượng với doanh thu đạt 1.600 tỷ đồng (tăng 140,7% so với cùng kỳ) và hơn 1 triệu đơn bảo hiểm. Kết quả bứt phá này giúp công ty vươn lên Top 7 thị phần bảo hiểm xe cơ giới năm 2025.

Hiện tại, Bảo hiểm Tasco đã hoàn thiện mạng lưới 35 chi nhánh phủ khắp 34 tỉnh thành, cùng hạ tầng công nghệ và đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp. Với nền tảng vận hành vững chắc, công ty đã sẵn sàng cho chu kỳ tăng trưởng quy mô mới, đặt mục tiêu chiến lược lọt vào Top 10 toàn ngành bảo hiểm phi nhân thọ từ năm 2027 và hướng tới vị trí Top 5 vào năm 2030.

4



Khởi công dự án mới, vận hành hiệu quả các bất động sản hiện hữu - động lực cho tăng trưởng hiệu quả của Công ty

Tasco sở hữu lợi thế quỹ đất 210 ha đa phân khúc và hệ thống nghỉ dưỡng cao cấp hiện hữu đang vận hành hiệu quả. Điểm nhấn là dự án Việt Trì Legacy Lakeside (17,3 ha) khởi công tháng 3/2026 tại vị trí đắc địa, cung ứng 92 biệt thự đơn lập giới hạn. Với mật độ xây dựng dưới 60%, dự án ưu tiên không gian xanh và mặt nước, kết hợp tinh hoa thiết kế từ các đơn vị danh tiếng quốc tế như WATG (Mỹ), Noor Design (Anh), LJ-Group để kiến tạo cộng đồng tinh hoa theo phong cách Indochine – Tropical.

Bên cạnh các dự án đầy tiềm năng đang trong lộ trình phát triển như Mercure Sơn Trà (5,8 ha), Sandy Beach Đà Nẵng (17 ha) và khách sạn 5 sao tại Phố Quang (TP.HCM), mảng nghỉ dưỡng hiện hữu cũng ghi nhận những kết quả kinh doanh ấn tượng. Năm 2025, hai khu nghỉ dưỡng hàng đầu là Six Senses Ninh Vân Bay và Ana Mandara Đà Lạt đã mang về doanh thu 467 tỷ đồng với lợi nhuận gộp đạt 282 tỷ đồng (tăng trưởng 19% so với 2024), minh chứng cho năng lực vận hành tối ưu.

Điểm nhấn 2025

5



IFC - thành viên nhóm Ngân hàng thế giới - đầu tư 500 tỷ đồng vào VETC

Tháng 7/2025, IFC đầu tư 500 tỷ đồng (tương đương gần 20 triệu USD) vào VETC thông qua trái phiếu chuyển đổi kỳ hạn 5 năm, lãi suất coupon 5% bằng VNĐ. Với sự hợp tác này, hai bên kỳ vọng sẽ đẩy nhanh hơn các dự án giao thông thông minh mà công ty đang theo đuổi, tăng cường kết nối quốc tế qua sự hỗ trợ của IFC để nâng cao chuẩn mực về sản phẩm, dịch vụ, môi trường. Với vị thế là nền tảng số chuyên biệt phục vụ 100% khách hàng sở hữu ô tô, VETC không chỉ cung cấp dịch vụ thu phí không dừng tại cao tốc, bãi đỗ xe, cảng hàng không mà còn hướng tới số hóa toàn diện: tra cứu phạt nguội, nộp phí bảo trì đường bộ, nhắc lịch đăng kiểm... Từ năm 2025, VETC chính thức cung cấp các dịch vụ như VETC Cứu hộ, VETC Bảo hiểm TNDS với trải nghiệm digital xuyên suốt 100% hành trình — từ tìm hiểu, lựa chọn đến thanh toán và lưu trữ giấy tờ ngay trên nền tảng VETC Digital, giúp cải thiện hiệu quả di chuyển và an toàn cho hàng triệu người dân Việt Nam.

6



Ra mắt VETC Loyalty – Chương trình khách hàng thân thiết toàn diện cho chủ xe tại Việt Nam

VETC Loyalty không chỉ dừng lại ở việc tích điểm, mà được thiết kế như một “la bàn định hướng giá trị”, giúp khách hàng tiếp cận trọn vẹn hệ sinh thái dịch vụ và tiện ích: mỗi giao dịch trở thành một cơ hội tích điểm, mở ra trải nghiệm mới và đặc quyền gia tăng; mỗi tháng, khách hàng được bổ sung thêm nhiều ưu đãi, gia tăng sự tiện lợi và giá trị đồng hành. Từ phân phối ô tô mới với 16 thương hiệu quốc tế, đến nền tảng mua bán xe cũ Carpla, bảo hiểm xe cơ giới, hệ thống thu phí không dừng, e-Parking và nhiều ứng dụng của công nghệ ETC – tất cả đều được quy tụ trong một chương trình duy nhất. Với định hướng này, VETC Loyalty sẽ giúp khách hàng hưởng lợi tối đa từ mọi giao dịch, đồng thời mở rộng khả năng trải nghiệm liền mạch trên toàn bộ hành trình sở hữu và sử dụng ô tô.

7



Tasco Mobility Day và chuỗi hành trình an tâm - công bố kết quả kiểm chứng sức bền 100.000 km thực tế của các dòng xe do Tasco phân phối

Từ tháng 6/2025, Tasco đã triển khai dự án “Hành trình An tâm” – một chương trình kiểm nghiệm chất lượng với các dòng xe do Tasco phân phối như Lynk & Co và Geely. Thay vì các bài thử nghiệm trong phòng Lab, Tasco đưa xe vận hành liên tục qua mọi địa hình và thời tiết khắc nghiệt trên khắp Việt Nam để khẳng định chất lượng sản phẩm.

Sau 6 tháng chạy liên tục bình quân 416 km mỗi ngày, mẫu xe Lynk & Co 06 đã chính thức đạt cột mốc kỷ lục, vượt ngưỡng 100.000km vận hành liên tục – tương đương hơn 8 năm sử dụng thông thường của người tiêu dùng. Kết quả thực tế ghi nhận xe không gặp bất kỳ hỏng hóc nào, thực hiện bảo dưỡng định kỳ theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, minh chứng cho độ bền và sự ổn định vượt trội. Tương tự, chiếc Geely Coolray cũng chạy được hơn 75.000 km, trung bình 375km mỗi ngày. Đây là lời khẳng định mạnh mẽ nhất của Tasco trong việc mang lại “Hành trình An tâm” và trải nghiệm tin cậy xuyên suốt vòng đời sản phẩm cho hàng triệu khách hàng.



Điểm nhấn 2025

8



Chính thức ra mắt thương hiệu Geely tại Việt Nam

Sau khi trở thành đối tác chiến lược của Tập đoàn Geely - Top 8 nhà sản xuất ô tô hàng đầu thế giới, Tasco cho ra mắt thương hiệu Geely Auto tại Việt Nam, công bố hợp tác cùng Đại sứ thương hiệu Chi Pu. Chỉ trong vòng chưa đầy 1 năm kể từ khi ra mắt, Tasco đã đầu tư hoàn thiện hệ thống 54 đại lý chính hãng Geely phủ khắp cả nước; đồng thời ra mắt 03 mẫu xe: Coolray, Monjaro và EX5.

Tháng 3/2026, Geely tiếp tục Geely Việt Nam chính thức ra mắt bộ đôi năng lượng mới: EX2 và EX5 (mẫu xe đạt kỷ lục Guinness về mức tiêu thụ năng lượng thấp), đạt chuẩn an toàn 5 sao Euro NCAP/ANCAP và xác lập kỷ lục Việt Nam (VietKings) với hành trình xăng điện kết hợp dẫn đầu đạt 1.823,7km. Chỉ sau 5 ngày ra mắt, 2 mẫu xe đã đạt số đơn đặt hàng hơn 1.200 xe, khẳng định chất lượng được người tiêu dùng tin tưởng.



9



Lynk & Co ra mắt mẫu xe chiến lược Lynk & Co 08 - Mở rộng dải sản phẩm sang các dòng xe năng lượng mới, thắng lớn tại loạt giải thưởng uy tín

Sau 2 năm ra mắt tại thị trường Việt Nam, Tasco đã xây dựng cho Lynk & Co nền tảng về thương hiệu và hệ thống phân phối vững chắc, với 47 đại lý chính hãng trên toàn quốc. Tasco Auto cũng đã giới thiệu mẫu xe chiến lược Lynk & Co 08 tại thị trường Việt Nam và được vinh danh tại loạt giải thưởng uy tín. Lynk & Co đã đạt cú đúp danh hiệu quan trọng của Car Awards do báo VNExpress tổ chức gồm: danh hiệu Ô tô của năm phân khúc SUV gầm cao cấp D dành cho Lynk & Co 08 EM-P- mẫu xe flagship của thương hiệu và danh hiệu Công nghệ điện hóa của năm cho công nghệ EM-P Super Hybrid. Cùng với đó, Lynk & Co 08 EM-P cũng giành giải thưởng “Hệ thống âm thanh xe hơi của năm” tại Editors’ Choice Awards, giải thưởng thường niên uy tín do Tạp chí Nghe Nhìn Việt Nam và Xe Đời Sống tổ chức.

10



Volvo Cars ra mắt bộ đôi SUV XC60 và Sedan S90 mới ra mắt tại không gian triển lãm Drive. Life.

Lấy cảm hứng từ thông điệp Drive. Life (Lái an toàn. Sống trọn vẹn), triển lãm mở ra một hành trình thị giác và cảm xúc, tái hiện chặng đường lịch sử - nơi di sản tiếp tục được kể lại và lan tỏa bằng những trải nghiệm giàu xúc cảm. Tại triển lãm, Volvo Cars Việt Nam ra mắt XC60 – mẫu xe SUV bán chạy nhất của Volvo trên toàn cầu và mẫu Sedan sang trọng S90 với các trang bị nâng cấp toàn diện. Không chỉ mang ngôn ngữ thiết kế mới mà hai dòng xe này còn tập trung nâng cao trải nghiệm kỹ thuật số cũng như sự tiện nghi trong khoang lái, thể hiện rõ định hướng phát triển và sự quan tâm sâu sắc tới những ai yêu mến thương hiệu.

Điểm nhấn 2025

11



DNP Holding chính thức trở thành công ty con của Tasco, hoàn thiện trụ cột đầu tư vào lĩnh vực dịch vụ thiết yếu và bền vững

DNP Holding trở thành công ty con là bước đi chiến lược của Tasco để hoàn thiện trụ cột đầu tư vào các lĩnh vực thiết yếu như nước sạch, năng lượng tái tạo, y tế, tiêu dùng.

DNP Holding là doanh nghiệp có quy mô doanh thu 10.000 tỷ đồng, tập trung vào các lĩnh vực: nước sạch và môi trường, vật liệu xây dựng, đồ gia dụng cao cấp và bao bì. Công ty sở hữu hệ sinh thái thương hiệu quốc gia uy tín như: Đồng Nai Plastics (ống nhựa), CMC (gạch ốp lát Prato, ngói CMC Galaxy) và Tân Phú Việt Nam (đồ gia dụng cao cấp Inochi). Trong lĩnh vực cốt lõi, DNP sở hữu DNP Water – đơn vị số một Việt Nam về đầu tư và giải pháp ngành nước với sự đồng hành của cổ đông chiến lược Samsung E&A. Hiện DNPW đang vận hành 30 nhà máy với tổng công suất 1,1 triệu m³/ngày đêm. Đặc biệt năm 2025, DNP Water đã khởi công Nhà máy nước thô liên vùng Đồng Tháp - Tây Ninh - Vĩnh Long đầu tiên trên cả nước (giai đoạn 1 đạt 300.000 m³/ngày đêm), mở ra hướng đi căn cơ để giải quyết tình trạng khan hiếm nước ngọt tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

12



Tasco được các tổ chức uy tín xếp hạng thuộc nhóm các doanh nghiệp hàng đầu, tăng trưởng nhanh



Tasco được công nhận thuộc 500 doanh nghiệp lớn nhất Đông Nam Á bởi Tạp chí Fortunes, Top 10 doanh nghiệp ESG ngành xe, Top 100 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam bởi Vietnam Report và top 50 doanh nghiệp nộp ngân sách lớn nhất Việt Nam bởi CafeF List. Đây là sự công nhận bởi các tổ chức uy tín hàng đầu Thế giới và Việt Nam về quy mô, vị thế và những đóng góp cho Quốc gia của Tasco.

TASCO AUTO



Vạn cây số. Trọn an tâm
**HÀNH TRÌNH CƯỜNG ĐỘ CAO
MINH CHỨNG CHO SỰ BỀN BỈ**

600 KM
/NGÀY

04 LẦN
XUYỀN VIỆT

ĐÉO NÚI - ĐỒ THỊ
- CAO TỐC

VETC

TASCO
INSURANCE

CARPLA
SERVICE



GEELY MONJARO
50.000 KM
TƯƠNG ĐƯƠNG HƠN 4 NĂM SỬ DỤNG

LYNK & CO 06
100.000 KM
TƯƠNG ĐƯƠNG HƠN 8 NĂM SỬ DỤNG

GEELY COOLRAY
75.000 KM
TƯƠNG ĐƯƠNG HƠN 6 NĂM SỬ DỤNG

* SỐ LIỆU TÍNH TỚI NGÀY 16/12/2025

Tầm nhìn, Giá trị cốt lõi

TẦM NHÌN

TECHNOLOGY ENABLED INVESTMENT ECOSYSTEM

Hệ sinh thái đầu tư
lấy công nghệ làm nền tảng,
kết nối Hạ tầng giao thông -
Bảo hiểm – Đầu tư
cho dịch vụ thiết yếu
và đổi mới sáng tạo.



T1

Trọng tâm
khách hàng

T2

Tinh - Gọn -
Hiệu suất cao

T3

Tốc độ -
Quyết liệt

GIÁ TRỊ
CỐT LÕI

3T



Lịch sử hình thành và phát triển

GIAI ĐOẠN 1971-2020

THIẾT LẬP NỀN TẢNG

- 1971** Đội Cầu Nam Hà được thành lập - Tiền thân của CTCP Tasco.
- 2008** Cổ phiếu của CTCP Tasco chính thức niêm yết tại TTGDCK Hà Nội.
- 2016** Đưa vào vận hành hệ thống thu phí tự động không dừng VETC.

GIAI ĐOẠN 2021-2024

TÁI CẤU TRÚC TINH GỌN VÀ HIỆU QUẢ

- 2021** Tái cấu trúc mạnh mẽ công ty, thoái vốn các mảng kinh doanh không cốt lõi nhằm tinh gọn bộ máy, tập trung cho lĩnh vực chính.
- 2022** Thành lập Công ty Bảo hiểm Tasco, thành lập Công ty TNHH Tasco Land.
- 2023** Tasco chính thức sở hữu 100% vốn Tasco Auto và doanh thu vượt mốc 1 tỷ USD.
- 2024** Tasco Auto hợp tác chiến lược với Geely Auto (Top 10 OEM toàn cầu), liên doanh đầu tư nhà máy CKD 168 triệu USD. Mitsui & Co., Ltd. - Tập đoàn hàng đầu Nhật Bản, trở thành cổ đông chiến lược của Tasco Auto.

GIAI ĐOẠN 2025-NAY

TẦM NHÌN MỚI

- 2025** Công bố tầm nhìn mới và Giá trị cốt lõi 3T, định hướng chiến lược kinh doanh toàn hệ thống.
Tăng vốn điều lệ lên 10.683 tỷ đồng.
Hợp nhất DNP chính thức trở thành công ty con của Tasco, quy mô doanh thu, tổng tài sản của hệ thống Tasco vượt 2 tỷ USD.

Tổng quan doanh nghiệp và lĩnh vực kinh doanh

Tên giao dịch:

CÔNG TY CỔ PHẦN

TASCO®



Vốn điều lệ:

10.682.855.810.000 ĐỒNG

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0600264117 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần thứ 33, ngày 08/09/2025

Mã Cổ phiếu: HUT

Nơi đăng ký niêm yết: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

Địa chỉ: Tòa nhà Tasco, Đường Phạm Hùng, Từ Liêm, Hà Nội, Việt Nam

Số điện thoại: 024.6668.6863

Website: tasco.com.vn

LĨNH VỰC CỐT LÕI

HẠ TẦNG GIAO THÔNG

TASCO AUTO + CARPLA + VETC + BANKING SERVICES

(Dịch vụ ô tô từ thượng nguồn tới hạ nguồn, dịch vụ giao thông lấy VETC làm nền tảng kết hợp cùng dịch vụ ngân hàng trên hạ tầng vật lý và VETC digital.)

BẢO HIỂM

BẢO HIỂM PHI NHÂN THỌ & NHÂN THỌ

ĐẦU TƯ

DỊCH VỤ THIẾT YẾU (NƯỚC, Y TẾ, DƯỢC PHẨM, TIÊU DÙNG)
CHUYỂN ĐỔI XANH & ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

CỔ ĐỒNG, ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC QUỐC TẾ



ĐỊA BÀN KINH DOANH



>200+

địa điểm kinh doanh,
hiện diện tại 34/34 tỉnh thành trên toàn quốc



136 TRẠM



765 LÀN VETC



150

showroom ô tô



70

xưởng dịch vụ ô tô



33

nhà máy nước



10

nhà máy sản xuất
(Inochi, Vật liệu xây dựng
CMC, Ống nhựa Đồng Nai,
Bao Bì)

Quần Đảo
Trường Sa



210 HA QUỠ ĐẤT

tại các vị trí đặc địa và các resort cao cấp



Cơ cấu tổ chức, mô hình quản trị



Hội đồng quản trị



VŨ ĐÌNH ĐỘ

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Vũ Đình Độ là nhà đầu tư, người đồng sáng lập và đồng hành cùng sự phát triển của các công ty phát triển hạ tầng cấp nước, các công ty sản xuất vật tư hạ tầng ngành nước, sản xuất vật liệu xây dựng... trong hệ thống CTCP DNP Holding. Ông có kiến thức sâu rộng và gần 20 năm kinh nghiệm xây dựng chiến lược phát triển, kiến trúc tổ chức, hoạt động đầu tư và hoạt động quản trị vận hành doanh nghiệp tại các tổ chức lớn của Việt Nam.

Ông Vũ Đình Độ được bầu là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Tasco từ tháng 4 năm 2022.



HỒ VIỆT HÀ

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Hồ Việt Hà đã có gần 25 năm kinh nghiệm đảm nhiệm các chức vụ điều hành cấp cao tại nhiều tổ chức hàng đầu trong nước và quốc tế, trong đó có 10 năm đảm nhiệm chức vụ Giám đốc kiểm toán của Công ty Kiểm toán hàng đầu thế giới như KPMG, AA; Giám đốc Điều hành cấp Tập đoàn tại các tổ chức lớn về dịch vụ du lịch cao cấp, Chủ tịch điều hành về hạ tầng ngành nước tại Việt Nam. Ông Hà có hơn 5 năm điều hành phát triển các chuỗi nhập khẩu và phân phối các dòng xe sang thuộc hệ thống Tasco.

Ông Hồ Việt Hà được bầu làm Phó Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Tasco từ tháng 04 năm 2022.



NGUYỄN DANH HIẾU

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Danh Hiếu đóng vai trò quan trọng trong việc kiến trúc hệ thống và chuyển đổi hệ thống theo hướng số hóa hiện đại nâng cao năng suất và phục vụ mục tiêu kinh doanh trên nền tảng số. Ông Hiếu hiện đang đảm nhiệm vai trò Tổng giám đốc điều hành chuỗi cho thuê xe của Công ty TNHH Stargo.

Ông Nguyễn Danh Hiếu được bầu làm Phó Chủ tịch HĐQT tại Công ty cổ phần Tasco từ tháng 04 năm 2022.



NGUYỄN THẾ MINH

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thế Minh đã có gần 30 năm kinh nghiệm và rất thành công với vị trí Tổng Giám đốc tại các công ty Chứng khoán như: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội, Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime Bank và Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB. Ông Minh có thời gian công tác tại Ngân hàng Công thương Việt Nam và đảm nhận các vị trí lãnh đạo tại một số doanh nghiệp khác. Sau đó, Ông tham gia quản trị chiến lược, điều hành tại các Công ty ngành nước, phát triển hạ tầng và phụ trách hợp tác chiến lược cấp cao tại hệ sinh thái Tasco.

Ông Nguyễn Thế Minh được bầu làm Phó Chủ tịch HĐQT tại Công ty cổ phần Tasco từ tháng 04 năm 2022.



NGÔ ĐỨC VŨ

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Ông Ngô Đức Vũ có bằng Thạc sĩ Quản trị Tài chính Trường Quản lý Châu Âu ESCP (Pháp) và Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh Viện Công nghệ Châu Á, Thái Lan. Trước đây, ông từng là Giám đốc đầu tư CTCP Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam, Tổng Giám đốc CTCP Chứng khoán Sao Việt, Chủ tịch HĐQT CTCP Nhựa Đồng Nai, Tổng Giám đốc, Phó Chủ tịch HĐQT DNP Holding. Trong các năm trở lại đây, Ông Vũ đảm nhiệm vị trí Chủ tịch HĐQT Savico và tham gia điều hành chiến lược tại các đơn vị thành viên lớn trong hệ thống Savico. Với kinh nghiệm lãnh đạo, quản trị tại các công ty lớn, ông Vũ tham gia xây dựng và triển khai chiến lược, nâng cao hiệu suất vận hành của các mảng thuộc trực chiến lược trọng tâm của Tasco.

Ông Ngô Đức Vũ được bầu làm Phó Chủ tịch HĐQT tại Công ty cổ phần Tasco từ tháng 05 năm 2025.



PHAN THỊ THU THẢO

Thành viên Hội đồng Quản trị

Bà Phan Thị Thu Thảo có gần 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực vận hành, đầu tư và kiểm toán, đảm nhiệm các chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty đầu tư đa ngành sản xuất, nước sạch, chức vụ Quản lý danh mục đầu tư tại Vietfund Management và kiểm toán tại KPMG. Bà có hiểu biết sâu rộng trong việc xây dựng tổ chức mô hình công ty Holding, xây dựng chiến lược đầu tư, quản lý đầu tư, phân tích dự báo thị trường, tài chính, vận hành trong các ngành cơ bản của kinh tế Việt Nam. Bà Thảo hiện đang đảm nhiệm vai trò Chủ tịch HĐQT tại Công ty Bảo hiểm Tasco.

Bà Phan Thị Thu Thảo chính thức tham gia vào HĐQT Công ty cổ phần Tasco từ tháng 04 năm 2022.

Hội đồng quản trị



ĐÀM BÍCH THỦY

Thành viên độc lập HĐQT

Bà Đàm Bích Thủy từng nắm giữ chức vụ Chủ tịch trường Đại học Fulbright Việt Nam hơn 08 năm. Trước đó, Bà từng giữ chức vụ Tổng Giám đốc Ngân hàng ANZ Việt Nam, Tổng Giám đốc Ngân hàng quốc tế VIB. Bà Đàm Bích Thủy tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị tại Đại học Harvard và Thạc sỹ Quản trị kinh doanh tại Trường Kinh doanh Wharton, Đại học Pennsylvania.

Bà Đàm Bích Thủy chính thức tham gia HĐQT tại Công ty cổ phần Tasco từ tháng 04/2023.



BÙI QUANG BÁCH

Thành viên độc lập HĐQT

Ông Bùi Quang Bách tốt nghiệp Thạc sỹ kinh tế tại trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Ông từng có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, đảm nhiệm qua các vị trí quản lý cấp cao như Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt; Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn – Hà Nội; Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long; Hiện nay ông đang đảm nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Capella Việt Nam, Công ty CP Chứng khoán Quốc Gia...

Ông Bùi Quang Bách chính thức tham gia HĐQT tại Công ty cổ phần Tasco từ tháng 04/2023.

Ban kiểm soát



NGUYỄN MINH HIẾU

Trưởng Ban kiểm soát

Ông Nguyễn Minh Hiếu là cử nhân Kiểm toán - ĐH Kinh tế quốc dân. Ông Hiếu có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính kế toán, đặc biệt là kinh nghiệm làm kiểm toán viên tại Công ty TNHH Deloitte Việt Nam và kế toán trưởng tại các công ty trong lĩnh vực bất động sản, thương mại dịch vụ, giám đốc tài chính tại các đơn vị kinh doanh, phân phối xuất nhập khẩu xe ô tô.



HOÀNG THỊ SÒA

Thành viên Ban kiểm soát

Bà Hoàng Thị Sòa là cử nhân ngành Pháp luật Kinh tế, Luật sư thuộc Liên đoàn Luật Sư Việt Nam. Bà đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Pháp chế tại các Công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại và đầu tư bất động sản.



TRẦN THỊ LINH

Thành viên Ban Kiểm Soát

Bà Trần Thị Linh là Cử nhân kinh tế, chuyên ngành thuế. Trước khi gia nhập Tasco, Bà Linh đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và quản lý tại các đơn vị kiểm toán như Công ty TNHH DVTC Tài Chính kế toán và Kiểm toán Nam Việt - chi nhánh phía Bắc, quản lý kế toán các đơn vị kinh doanh ô tô...

Ban Tổng Giám đốc



HOÀNG MINH HÙNG

Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Minh Hùng có gần 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực công nghệ thông tin và quản trị doanh nghiệp. Ông từng giữ vị trí Tổng Giám đốc và Chủ tịch HĐQT DNP Water, trực tiếp triển khai thành công các dự án chuyển đổi số tại nhiều doanh nghiệp ngành nước. Ông cũng từng công tác tại FPT IS, phụ trách thiết kế kiến trúc giải pháp và triển khai hệ thống công nghệ trong các lĩnh vực viễn thông, giao thông và hạ tầng thiết yếu. Từ năm 2024, ông đồng hành cùng Tasco trong vai trò điều hành cấp cao của Ủy ban Công nghệ/các công ty khối công nghệ, tập trung nghiên cứu và tối ưu dữ liệu ngành ô tô - giao thông thông minh, phát triển năng lượng xanh, nghiên cứu về robos, ứng dụng AI trong ngành công nghiệp ô tô...

Ông Hoàng Minh Hùng được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tasco từ tháng 06 năm 2025.



NGUYỄN THẾ MINH

Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thế Minh đã có gần 30 năm kinh nghiệm và rất thành công với vị trí Tổng Giám đốc tại các công ty Chứng khoán như: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội, Công ty Cổ phần Chứng khoán Maritime Bank và Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán SHB. Ông Minh có thời gian công tác tại Ngân hàng Công thương Việt Nam và đảm nhận các vị trí lãnh đạo tại một số doanh nghiệp khác. Sau đó, Ông tham gia quản trị chiến lược, điều hành tại các Công ty ngành nước, phát triển hạ tầng và phụ trách hợp tác chiến lược cấp cao tại hệ sinh thái Tasco.

Ông Nguyễn Thế Minh được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc tại Công ty cổ phần Tasco từ tháng 11 năm 2021.



PHẠM ĐỨC MINH

Phó Tổng Giám đốc

Trước khi gia nhập Tasco, ông Phạm Đức Minh đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực xây dựng cầu đường và trực tiếp tham gia chỉ huy, thi công nhiều công trình lớn tại nhiều tỉnh thành Việt Nam. Ông cũng đã có nhiều năm đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại Tasco và các đơn vị thành viên. Hiện Ông Minh tham gia vai trò điều hành, quản trị chiến lược tại các dự án BOT liên doanh/độc lập do hệ thống Tasco làm chủ đầu tư.

Ông Phạm Đức Minh được bổ nhiệm giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc tại Công ty cổ phần Tasco từ năm 2022.



PHAN THỊ THU THẢO

Phó Tổng Giám đốc Vận hành

Bà Phan Thị Thu Thảo có gần 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực vận hành, đầu tư và kiểm toán, đảm nhiệm các chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty đầu tư đa ngành sản xuất, nước sạch, chức vụ Quản lý danh mục đầu tư tại Vietfund Management và kiểm toán tại KPMG. Bà có hiểu biết sâu rộng trong việc xây dựng tổ chức mô hình công ty Holding, xây dựng chiến lược đầu tư, quản lý đầu tư, phân tích dự báo thị trường, tài chính, vận hành trong các ngành cơ bản của kinh tế Việt Nam. Bà Thảo hiện đang đảm nhiệm vai trò Chủ tịch HĐQT tại Công ty Bảo hiểm Tasco.

Bà Phan Thị Thu Thảo được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc vận hành Công ty cổ phần Tasco từ tháng 10 năm 2021.



PHAN THÙY GIANG

Phó Tổng Giám đốc

Bà Phan Thùy Giang là Thạc sĩ chuyên ngành tài chính với gần 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư, tài chính ngân hàng tại các tổ chức lớn. Bà Giang cũng đảm nhiệm các vị trí chủ chốt trong Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành của các công ty thuộc ngành nước và vật liệu xây dựng. Trước khi được bổ nhiệm, Bà Phan Thùy Giang là Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần SVC Holdings, Giám đốc Khối Ngân hàng Đầu tư Tasco và đã có nhiều đóng góp quan trọng trong các dự án lớn trong lĩnh vực tài chính, đầu tư của Công ty cho đến nay. Hiện bà Giang còn đảm nhiệm vai trò Chủ tịch Công ty Tasco Investment phụ trách các vấn đề đầu tư chiến lược cũng như nghiên cứu các sản phẩm tài chính có tính ứng dụng cao khi hợp tác với các ngân hàng thương mại, tổ chức tài chính lớn nhằm gia tăng hiệu quả đầu tư và thu hút nguồn lực tài chính cho toàn hệ thống Tasco.

Bà Phan Thùy Giang được bổ nhiệm vị trí Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tasco kể từ ngày 06/10/2023.



NGUYỄN HẢI HÀ

Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hải Hà là Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh - Đại học Solvay Brussels (Bỉ). Trước khi gia nhập Tasco, ông từng nắm giữ cương vị Chủ tịch Hội đồng Quản trị tại các công ty trong lĩnh vực dịch vụ, thương mại, đầu tư, xây dựng, y tế và gần đây nhất là đảm nhiệm vị trí thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty Savico. Ông Nguyễn Hải Hà cũng có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản trị doanh nghiệp và điều hành hoạt động kinh doanh, hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức lớn.

Ông Nguyễn Hải Hà được bổ nhiệm giữ vị trí Phó Tổng giám đốc tại Công ty cổ phần Tasco kể từ ngày 24/11/2023.



NGUYỄN VĂN HIẾU

Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Hiếu tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội, có hơn 20 năm kinh nghiệm trong các lĩnh vực kiểm toán, đầu tư, tài chính và sản xuất kinh doanh. Sau 3 năm làm kiểm toán viên quốc tế và 5 năm giữ chức Giám đốc tài chính Tập đoàn T&C Holding, ông gia nhập DNP từ năm 2012. Với 16 năm gắn bó tại hệ thống DNP và Tasco, ông đã tham gia điều hành đa dạng lĩnh vực từ vật tư ngành nước, bao bì, bảo hiểm, ô tô, đóng góp quan trọng vào quá trình tái cấu trúc hệ thống với vị trí Phó Tổng Giám đốc Tasco Auto, Phó Chủ tịch HĐQT Bảo hiểm Tasco, Chủ tịch Công ty Carpla Auto Parts.

Ông Nguyễn Văn Hiếu được bổ nhiệm giữ vị trí Phó Tổng giám đốc tại Công ty cổ phần Tasco kể từ ngày 13/01/2026.

CHƯƠNG 02. CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

32 Chiến lược phát triển giai đoạn 2025-2030

34 Định hướng chiến lược



Chiến lược phát triển giai đoạn 2025-2030

TECHNOLOGY ENABLED INVESTMENT ECOSYSTEM



HẠ TẦNG
GIAO THÔNG



BẢO HIỂM



ĐẦU TƯ



Định hướng chiến lược

Trong trung và dài hạn, thị trường ô tô Việt Nam được dự báo sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ với tốc độ CAGR đạt 14% - 15%/năm, dự kiến đạt 1,1 triệu xe vào 2030, khẳng định tiềm năng mạnh mẽ của thị trường ô tô Việt Nam trong khu vực châu Á. Theo đó, các lựa chọn chiến lược của Tasco sẽ hướng đến việc khai thác tiềm năng thị trường và phát huy các thế mạnh cốt lõi của công ty.



HẠ TẦNG GIAO THÔNG

Ra mắt nền tảng số Tasco Mobility - tích hợp toàn diện hệ sinh thái các dịch vụ cho người dùng ô tô:

Phát triển Social Car – VETC+ valued service bao gồm các tiện ích như cứu hộ (RSA), chương trình khách hàng thân thiết (loyalty), sàn thương mại điện tử (marketplace), và phương tiện truyền thông (media); Công nghệ tích hợp: Ứng dụng hệ điều hành kép (Dual OS), trí tuệ nhân tạo trên xe (AI in Car) và hệ thống bản đồ số (Map) nhằm cá nhân hóa trải nghiệm người dùng.

Trên nền tảng hạ tầng đã hoàn thiện, Tasco Auto đã sẵn sàng cho chu kỳ tăng trưởng mới, từ năm 2026 tập trung cho hiệu suất, hiệu quả, chất lượng và trải nghiệm khách hàng an tâm trên nền tảng đa kênh.

- 200+ điểm kinh doanh (150 showroom và hơn 70 xưởng dịch vụ Carpla)
- Hạ tầng nhân sự, ERP - công nghệ vận hành
- Danh mục sản phẩm và dịch vụ toàn diện từ xe ô tô phổ thông, tới xe sang + (Volvo, Zeekr, Lotus)
- Dịch vụ hạ nguồn: hệ thống xưởng dịch vụ Carpla 3S, quick services (Carpla Stop & Go), phụ tùng, phụ kiện, cứu hộ VETC, chuỗi rửa xe tự động và các dịch vụ giá trị gia tăng trên nền tảng số (infotainment, hỗ trợ người lái)...

Nâng cao năng lực làm chủ chuỗi cung ứng toàn diện từ thượng nguồn đến hạ nguồn: Triển khai dự án lắp ráp trong nước (CKD), tối ưu nguồn cung khu vực ASEAN để gia tăng lợi thế cạnh tranh về giá. Hoàn thiện hệ thống CRM liên kết data giữa showroom, xưởng dịch vụ và CRM Auto để nâng cao chất lượng dịch vụ sau bán hàng và chăm sóc khách hàng.

Phát triển hệ thống xưởng dịch vụ Carpla trở thành hệ thống cung cấp dịch vụ sửa chữa – phụ tùng dành cho xe với phụ tùng nhập khẩu chính hãng, nâng cao chất lượng dịch vụ hậu mãi, dịch vụ cho thuê xe và các dịch vụ hạ nguồn (xưởng dịch vụ 3S, quick services, phụ tùng, phụ kiện, rửa xe...). Với năng lực hiện hữu, Tasco có lợi thế liên kết trực tiếp với các OEMs để tích hợp chuỗi cung ứng phụ tùng toàn diện, và mạng lưới phân phối đến hệ thống xưởng dịch vụ/bảo hiểm, đảm bảo tỷ lệ sẵn sàng cung ứng phụ tùng cao nhất trên toàn mạng lưới Showroom/Xưởng dịch vụ.

Mở rộng dải sản phẩm: Mở rộng việc phân phối các sản phẩm ô tô với các mẫu xe mới của các thương hiệu hiện tại cũng như ra mắt các thương hiệu mới như Lotus, Zeekr... để có thêm nhiều sự lựa chọn chất lượng cho Người tiêu dùng, trong đó có những sản phẩm đã được đón nhận rất lớn trên thị trường quốc tế.

Dịch vụ tài chính ngân hàng

Hợp tác với đối tác tài chính, ngân hàng cung cấp giải pháp tài chính linh hoạt cho khách hàng, triển khai các chương trình cho vay mua xe với lãi suất tốt. Thiết kế các sản phẩm tài chính phù hợp với từng phân khúc khách hàng. Tiếp tục phát triển các sản phẩm tài chính vi mô để mở rộng dịch vụ thanh toán giao thông, xăng dầu theo mô hình mua trước - trả sau (Buy Now Pay Later); Hoàn thiện hệ sinh thái thông qua các giải pháp tài chính như Co-lending (cho vay ô tô), BNPL (mua trước trả sau) và thẻ Master Mobility Co-brand với những đặc quyền chuyên biệt cho khách hàng sở hữu và sử dụng xe ô tô.

Định hướng chiến lược

VETC DIGITAL HUB

Nền tảng số chuyên biệt phục vụ 100% khách hàng sở hữu và sử dụng xe ô tô



Trung tâm Digital cho hạ tầng
SMART MOBILITY

4,3 TRIỆU

Khách hàng sử dụng VETC App

03 TRIỆU

Khách hàng dùng ví VETC

VETC là trung tâm kết nối khách hàng với hệ thống hạ tầng vật lý, cung cấp một nền tảng công nghệ tích hợp toàn diện cho hệ sinh thái Tasco và mở rộng cho các nhà cung cấp dịch vụ khác. Không dừng lại ở dịch vụ thu phí tự động (ETC) tại cao tốc, bãi đỗ hay cảng hàng không, VETC đang tiến tới số hóa toàn bộ trải nghiệm giao thông: từ quản lý hồ sơ, tra cứu phạt nguội, thanh toán phí bảo trì đường bộ đến nhắc lịch đăng kiểm và bảo dưỡng. Đặc biệt, từ năm 2025, các dịch vụ như VETC Cứu hộ và Bảo hiểm TNDS đã được triển khai với trải nghiệm số hóa 100%, giúp khách hàng dễ dàng lựa chọn, thanh toán và lưu trữ chứng từ trực tuyến trên cùng nền tảng VETC Digital, tạo ra một hành trình trải nghiệm số xuyên suốt.



Tập trung nâng cao hiệu quả kinh doanh thông qua mô hình tích hợp theo chiều dọc, lấy công nghệ làm nền tảng để phát triển hệ sinh thái dịch vụ ô tô toàn diện, lấy VETC làm nền tảng kết hợp cùng dịch vụ ngân hàng trên hạ tầng vật lý và VETC digital để tạo ra trải nghiệm khách hàng toàn diện (end to end) và an tâm, có tính cá nhân hóa cao.

Định hướng chiến lược



BẢO HIỂM

Bảo hiểm Tasco tập trung cho chu kỳ tăng trưởng quy mô và nâng cao hiệu suất vận hành, đặt mục tiêu đạt TOP 3 thị phần bảo hiểm xe cơ giới trong năm 2026. Từ năm 2027, đạt Top 10 doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ lớn nhất thị trường về doanh thu và Top 5 từ năm 2030.

Thực hiện tái cấu trúc danh mục sản phẩm theo hướng chuyên biệt hóa cho từng phân khúc, dải sản phẩm đa dạng từ bảo hiểm xe cơ giới, tài sản kỹ thuật, con người như: Tasco Auto Sure, Tasco Business, Tasco Prosure, Tasco Choice, nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.

Chuyển đổi số toàn diện: Triển khai các giải pháp công nghệ số trong quản trị và vận hành, rút ngắn thời gian cấp đơn bảo hiểm và giải quyết bồi thường.

Mạng lưới dịch vụ tích hợp: khai thác mạng lưới hỗ trợ với dịch vụ cứu hộ 24/7, kết nối trực tiếp với hệ thống bảo lãnh và sửa chữa rộng khắp bao gồm: Hơn 200 điểm kinh doanh và showroom thuộc hệ thống Tasco Auto; Hơn 650 garage liên kết trên toàn quốc, mang đến sự an tâm và tiện lợi tối đa cho khách hàng.



ĐẦU TƯ



Phát huy thế mạnh của công ty hàng đầu về phát triển các dự án ngành nước, giải quyết bài toán căn cơ và cấp thiết về nguồn nước qua việc khởi công Dự án Vùng 1 (công suất 300.000 - 600.000 m³/ngày đêm) tại ĐBSCL và hoàn thành nhà máy nước Trảng Bàng vào giữa năm 2026. Công ty duy trì tiến độ triển khai 1-2 dự án chiến lược về nguồn nước mỗi năm, kết hợp vận hành hệ thống điện mặt trời và pin lưu trữ BESS giúp tiết giảm 45-50% điện năng tiêu thụ, giảm phát thải, bảo vệ môi trường.

Về sản xuất, tổ hợp nhà máy 18ha tại KCN Đất Đỏ đã chính thức vận hành, thay thế cơ sở tại Biên Hòa. Đây là nền tảng sản xuất trọng điểm cho Nhựa Đồng Nai, bao bì và gia dụng cao cấp Inochi. Quy mô mới giúp tập trung hóa sản xuất, nâng cao năng lực vận hành, đáp ứng các đơn hàng sản lượng lớn và tiêu chuẩn kỹ thuật khắt khe.



Bất động sản: Dự án Việt Trì Legacy Lakeside quy mô 17,3 ha khởi công tháng 3/2026 tại vị trí đắc địa nổi trục Hùng Vương – Lạc Long Quân, gồm 92 biệt thự đơn lập (~300 m²/căn). Công trình hội tụ các đơn vị tư vấn hàng đầu thế giới như WATG (Mỹ), Noor Design (Anh) và LJ-Group, kết hợp tiêu chuẩn quốc tế với phong cách Indochine – Tropical. Với mật độ xây dựng dưới 60%, dự án ưu tiên không gian xanh, mặt nước và hệ tiện ích cao cấp đồng bộ, hình thành cộng đồng tinh hoa riêng tư và khác biệt. Dự án tạo doanh thu và lợi nhuận sớm, bảo đảm dòng tiền cho giai đoạn đầu.

Ngoài ra, Công ty sẽ triển khai tốc độ, quyết liệt để hoàn thành các thủ tục Pháp lý dự án Đơn vị ở 1 (ĐVO1) Xuân Phương, một số dự án bất động sản khác trong quỹ đất hiện hữu và tăng cường hợp tác đầu tư với chủ đầu tư tại Dự án Chi Đông để tháo gỡ các khó khăn pháp lý nhằm triển khai Dự án, tạo quy mô và giá trị gia tăng lớn cho phát triển dài hạn.

Mảng bất động sản nghỉ dưỡng tập trung nâng cao hiệu quả khai thác Six Senses Ninh Vân Bay và Ana Mandara Đà Lạt, lấy chuẩn mực vận hành 5 sao quốc tế làm DNA lan tỏa toàn hệ thống. Ngoài ra, ưu tiên khai thác tối ưu các tài sản của hệ thống, trong đó Mercure Sơn Trà và Sandy Beach là 2 dự án đặc biệt, sở hữu những quỹ đất có bờ biển và địa hình đẹp nhất khu vực, kết hợp giữa đất dịch vụ nghỉ dưỡng.



CÁC GIẢI PHÁP VỀ QUẢN TRỊ - CÔNG NGHỆ - HỢP TÁC

Triển khai ứng dụng My Tasco - số hóa quản trị và lan tỏa mạnh mẽ văn hóa 3T

Quản trị mục tiêu: Xây dựng hệ thống KPIs chi tiết đến từng cơ sở và từng cá nhân cụ thể; Vận hành & Tuân thủ: Đảm bảo sự tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình và quy định nội bộ; Phát triển nguồn lực: Tập trung phát triển con người, công tác đào tạo và lan tỏa mạnh mẽ văn hóa 3T (Trọng tâm khách hàng - Tinh gọn, Hiệu suất cao - Tốc độ, Quyết liệt).

Tối ưu hóa công nghệ

Đẩy mạnh ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) để tăng năng suất lao động và tối ưu chi phí quản lý doanh nghiệp. Tối ưu hóa hiệu suất toàn hệ thống thông qua triển khai OKR/KPI trên toàn hệ thống để tăng năng suất lao động và tăng trưởng lợi nhuận. Thu hút nhân tài, phát triển con người, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp. Triển khai mô hình quản trị hiện đại để tối ưu vận hành, nâng cao tính minh bạch và hiệu quả ra quyết định.

Mở rộng hợp tác trong nước và quốc tế, thu hút nguồn vốn đầu tư dài hạn tạo nền tảng phát triển bền vững

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế thông qua quan hệ đối tác chiến lược với các tập đoàn hàng đầu như Mitsui & Co., IFC, Samsung E&A và Geely để tối ưu hóa chuỗi giá trị và chuẩn hóa hệ thống theo tiêu chuẩn quốc tế.

Tập trung cùng với các nhà đầu tư triển khai Dự án đầu tư xây dựng mở rộng cao tốc TP.HCM - Trung Lương - Mỹ Thuận theo phương thức PPP, với mục tiêu đảm bảo tiến độ, kiểm soát chi phí và áp dụng các giải pháp kỹ thuật phù hợp cho tuyến cao tốc quy mô lớn, phức tạp bậc nhất khu vực phía Nam.

CHƯƠNG
03 BÁO CÁO
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 42 Tổng quan kinh tế vĩ mô 2025 và dự báo 2026
- 51 Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025
- 56 Tình hình tài chính Công ty
- 60 Kế hoạch kinh doanh năm 2026



Tổng quan kinh tế vĩ mô 2025 và dự báo 2026



KINH TẾ THẾ GIỚI

Theo ước tính của Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), năm 2025 kinh tế toàn cầu đạt mức tăng trưởng khoảng 3%, phù hợp với dự báo đưa ra từ đầu năm.

Điểm nhấn đáng chú ý trong năm là làn sóng tăng thuế quan trên diện rộng, khiến căng thẳng thương mại giữa các nền kinh tế lớn leo thang. Diễn biến này làm gia tăng lo ngại về nguy cơ suy giảm kinh tế toàn cầu, kéo theo làn sóng điều chỉnh giảm dự báo tăng trưởng tại nhiều quốc gia.

Tuy nhiên, trên thực tế, cú sốc thuế quan không gây ra sự suy giảm nhanh và sâu như lo ngại ban đầu. Hoạt động kinh tế tại nhiều nền kinh tế lớn và mới nổi vẫn duy trì tương đối ổn định; trong khi mức độ bất định chính sách, dù còn ở mức cao, đã giảm đáng kể so với thời điểm căng thẳng nhất.

Bước sang năm 2026, IMF dự báo tăng trưởng GDP toàn cầu đạt 3,3%, các tổ chức OECD và World Bank dự báo lần lượt là 2,9% và 2,6%. Tuy nhiên, diễn biến địa chính trị đã thay đổi đáng kể từ cuối tháng 2/2026, khi Mỹ và Israel tiến hành các cuộc tấn công vào Iran, khiến Iran đóng cửa Eo biển Hormuz - tuyến đường vận chuyển ~20% nguồn cung dầu và LNG toàn cầu. Đây là sự gián đoạn nguồn cung lớn nhất trong lịch sử thị trường dầu mỏ toàn cầu theo đánh giá của Cơ quan năng lượng quốc tế (IEA). Giá dầu Brent đã từng tăng từ 72 USD/thùng vượt 120 USD/thùng trong tháng 3, dao động quanh 110 USD/thùng vào đầu tháng 4/2026. Nhiều tổ chức quốc tế đồng thuận dự báo rằng các kịch bản hiện nay đều dẫn đến chi phí cao hơn và tăng trưởng toàn cầu chậm hơn nếu xung đột leo thang.

KINH TẾ VIỆT NAM



514 TỶ USD

Tổng sản phẩm quốc nội (GDP) của Việt Nam

8,02% so với năm 2024

+18,2%

Xuất nhập khẩu năm 2025

27,62 TỶ USD

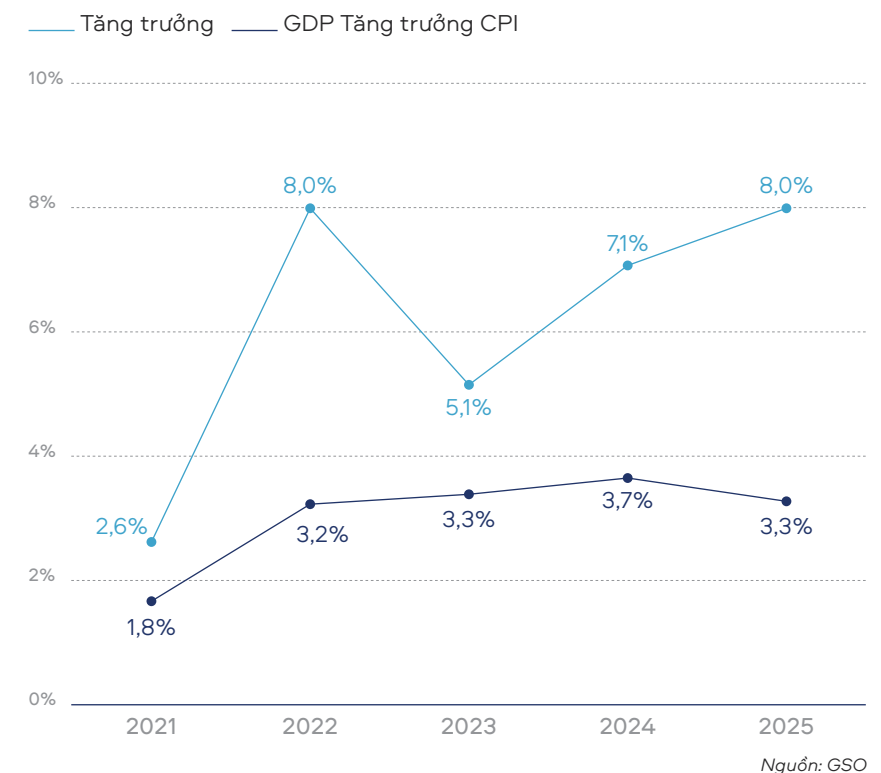
Vốn FDI thực hiện

>930 TỶ USD

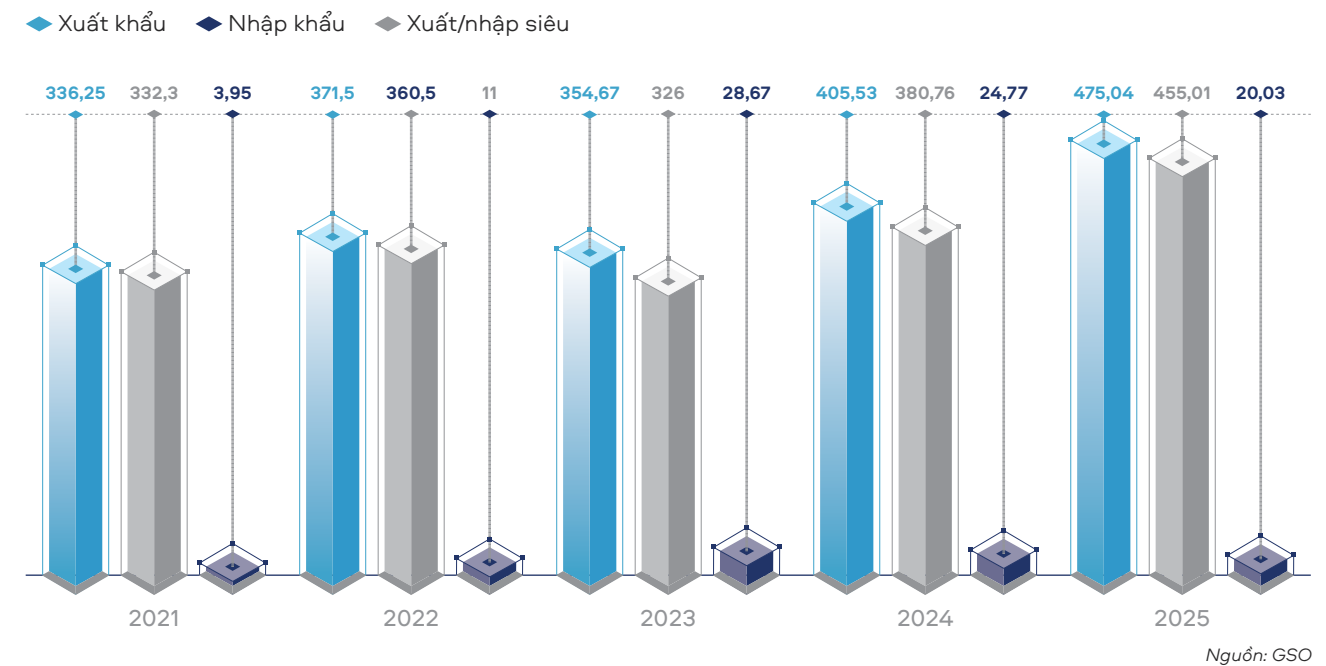
Quy mô thương mại quốc tế

Năm 2025, kinh tế Việt Nam ghi nhận tăng trưởng GDP đạt 8,02%, thuộc nhóm các nền kinh tế có mức tăng trưởng cao trong khu vực và trên thế giới. Quy mô GDP ước đạt hơn 514 tỷ USD. Lạm phát được kiểm soát ở mức 3,31%, góp phần duy trì ổn định kinh tế vĩ mô. Tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) vào Việt Nam trong năm đạt 38,4 tỷ USD, trong đó vốn FDI thực hiện đạt 27,62 tỷ USD, cho thấy niềm tin của nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục được củng cố. Quy mô thương mại quốc tế đạt mức kỷ lục trên 930 tỷ USD, đưa Việt Nam vào nhóm 20 quốc gia có kim ngạch thương mại lớn nhất thế giới.

Tăng trưởng GDP & CPI



Quy mô xuất nhập khẩu của Việt Nam



Tổng quan kinh tế vĩ mô 2025 và dự báo 2026



Dự báo GDP năm 2026

10%

Tăng trưởng GDP

5.400-
5.500 USD

Thu nhập bình quân đầu người

Dựa trên các mục tiêu kinh tế - xã hội được Quốc hội thông qua tháng 11/2025, Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng GDP tối thiểu 10% cho năm 2026, với thu nhập bình quân đầu người hướng tới ngưỡng 5.400-5.500 USD. Quý I/2026, GDP ước tăng 7,83% - kết quả tích cực trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều bất ổn. Tuy nhiên, Cục Thống kê lưu ý rằng để đạt mục tiêu tăng trưởng hai con số cả năm, GDP các quý còn lại phải duy trì trên 10,5% - một thách thức đáng kể, đặc biệt khi xung đột Trung Đông đang tạo áp lực lan tỏa lên giá năng lượng, thương mại và dòng vốn quốc tế.

Để hiện thực hóa mục tiêu này, tăng trưởng cần được dẫn dắt bởi bốn động lực đồng bộ. i) Đầu tư công đóng vai trò then chốt, tập trung vào các siêu dự án hạ tầng chiến lược - đường vành đai, năng lượng, logistics - với tỷ lệ đầu tư toàn xã hội kỳ vọng nâng lên vùng 34-36% GDP, tạo lực kéo cho đầu tư tư nhân quy mô lớn. ii) Tiêu dùng nội địa được hỗ trợ qua chính sách tài khóa và tiền tệ linh hoạt trong bối cảnh lạm phát còn kiểm soát được. iii) Xuất khẩu và FDI chất lượng cao tiếp tục là động lực ngoại sinh quan trọng, khi Việt Nam chuyển trọng tâm từ thu hút vốn theo số lượng sang ưu tiên các dự án gắn với công nghệ, đổi mới sáng tạo và liên kết chuỗi giá trị trong nước. iv) Chuyển đổi số và AI là động lực mới nổi, góp phần nâng cao năng suất lao động và khai thác hiệu quả các hiệp định thương mại tự do đang có hiệu lực.

Về trung và dài hạn, dự địa tăng trưởng bền vững sẽ phụ thuộc ngày càng lớn vào các động lực mới như kinh tế số, kinh tế xanh và đặc biệt là cải thiện năng suất lao động; trong kịch bản năng suất lao động xã hội tăng khoảng 8-9% mỗi năm, kết hợp với mở rộng đầu tư và thị trường, mục tiêu tăng trưởng cao không chỉ mang tính tham vọng mà có thể đạt được trên nền tảng thực chất và bền vững hơn.



THỊ TRƯỜNG Ô TÔ VIỆT NAM NĂM 2025

Thị trường ô tô Việt Nam năm 2025 ghi nhận một chu kỳ tăng trưởng mạnh mẽ, với doanh số bán xe đạt mức cao kỷ lục, phản ánh sự phục hồi và mở rộng rõ nét của nhu cầu tiêu dùng nội địa.



604.134 XE (+22%)

Tổng lượng ô tô tiêu thụ năm 2025

8%-10%

Dự báo 2026, thị trường ô tô trong nước được kỳ vọng duy trì đà tăng trưởng

Theo số liệu tổng hợp từ Hiệp hội các nhà sản xuất ô tô Việt Nam (VAMA), VinFast và Hyundai Thành Công (chưa bao gồm các hãng xe Trung Quốc), tổng lượng xe tiêu thụ toàn thị trường đạt 604.134 chiếc, tăng 22,22% so với năm 2024 (494.300 chiếc), đồng thời vượt qua đỉnh lịch sử năm 2022 – giai đoạn thị trường bùng nổ hậu Covid-19.

Đáng chú ý, hai năm ghi nhận doanh số cao nhất của ngành ô tô đều trùng với giai đoạn tăng trưởng GDP ở mức cao nhất trong vòng một thập kỷ. Cụ thể, năm 2025 GDP Việt Nam tăng 8,02% so với năm trước, chỉ thấp hơn mức tăng 8,12% của năm 2022. Điều này cho thấy mối tương quan chặt chẽ giữa tăng trưởng kinh tế vĩ mô và nhu cầu tiêu dùng các tài sản có giá trị lớn như ô tô.

Với quy mô tiêu thụ nêu trên, Việt Nam đã vươn lên nhóm 5 thị trường ô tô lớn nhất Đông Nam Á, chỉ xếp sau Indonesia và Malaysia, tiệm cận Thái Lan và vượt Philippines, qua đó khẳng định vai trò ngày càng quan trọng trong bản đồ tiêu thụ ô tô khu vực.

Xét theo cơ cấu doanh số, các doanh nghiệp thành viên VAMA tiếp tục giữ vai trò chủ đạo với tổng lượng bán đạt 375.736 xe, tăng 10,5% so với năm 2024 và chiếm 62,2% thị phần. Nhóm này bao gồm nhiều thương hiệu quốc tế lớn như Toyota, Ford, Mitsubishi, Honda, cùng các nhà sản xuất xe du lịch và xe thương mại khác, phản ánh sự ổn định của phân khúc xe truyền thống. Về xe điện, VinFast bàn giao 175.099 xe điện trong năm 2025, tương đương khoảng 29% thị phần.

Năm 2025 cũng đánh dấu sự gia tăng hiện diện của các thương hiệu ô tô Trung Quốc. Không chỉ giới hạn ở hoạt động phân phối xe nhập khẩu, nhiều hãng đã công bố chiến lược dài hạn, bao gồm nghiên cứu lắp ráp trong nước hoặc đầu tư xây dựng nhà máy. Xu hướng này phản ánh chiến lược mở rộng toàn cầu của các nhà sản xuất Trung Quốc, trong đó Đông Nam Á – đặc biệt là Việt Nam – được xem là thị trường trọng điểm nhờ tiềm năng tăng trưởng và môi trường đầu tư thuận lợi.

Bước sang năm 2026, thị trường ô tô Việt Nam được dự báo tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực, với quy mô tiêu thụ vượt 650.000 xe và hướng tới mốc 1 triệu xe vào năm 2030. Động lực tăng trưởng chính đến từ sự bùng nổ của xe điện (BEV) và xe hybrid (HEV), trong đó các thương hiệu Trung Quốc được kỳ vọng đóng vai trò dẫn dắt. Cạnh tranh về giá ngày càng gay gắt, hạ tầng trạm sạc được mở rộng nhanh chóng và sự phát triển của công nghệ xe định nghĩa bằng phần mềm (SDV) đang trở thành tiêu chuẩn mới, thúc đẩy quá trình chuyển dịch từ xe động cơ đốt trong sang xe xanh. Đáng chú ý, xe hybrid được xem là phân khúc chuyển tiếp quan trọng nhờ hưởng ưu đãi thuế tiêu thụ đặc biệt, góp phần hỗ trợ lộ trình điện hóa của thị trường. Theo các dự báo từ Euromonitor International, thị trường xe điện Việt Nam sẽ tăng trưởng nhanh hơn mức trung bình khu vực, với tỷ trọng xe điện trong tổng doanh số xe dự kiến đạt tỷ lệ cao hơn ASEAN.

Nguồn: VAMA + HTC + Vinfast

Tổng quan kinh tế vĩ mô 2025 và dự báo 2026



DỊCH VỤ THU PHÍ KHÔNG DỪNG

Tính đến cuối năm 2025, hệ thống thu phí tự động không dừng (ETC) tại Việt Nam đã được triển khai rộng khắp và đạt mức độ phổ cập cao, với hơn 6,6 triệu phương tiện đã dán thẻ và sử dụng dịch vụ. Quy mô này bao phủ gần như toàn bộ số lượng ô tô đang lưu thông trên các tuyến cao tốc và các trạm thu phí trên toàn quốc. Điểm nhấn quan trọng của thị trường ETC trong năm 2025 là việc áp dụng quy định từ ngày 01/10/2025 bắt buộc các chủ phương tiện sử dụng làn thu phí không dừng phải chuyển đổi tài khoản ETC sang tài khoản giao thông liên thông với các phương thức thanh toán không dừng tiền mặt, như ví điện tử hoặc thẻ ngân hàng. Trường hợp không hoàn tất chuyển đổi, phương tiện sẽ không được phép lưu thông qua các trạm thu phí ETC.



6,6 TRIỆU
Phương tiện dán thẻ



171
Trạm thu phí



931
Làn thu phí không dừng



Việc chuyển đổi tài khoản thu phí không dừng sang tài khoản giao thông kết nối với các phương thức thanh toán không dừng tiền mặt mang lại nhiều lợi ích cốt lõi cho phát triển giao thông thông minh. Tài khoản giao thông có tính linh hoạt cao, cho phép liên kết trực tiếp với ví điện tử, thẻ ngân hàng, hỗ trợ nạp tiền, thanh toán tự động và quản lý chi phí tập trung trên một nền tảng. Đồng thời, cơ chế này góp phần nâng cao tính minh bạch tài chính, giúp theo dõi, xác minh và đối soát giao dịch chính xác giữa người dùng, doanh nghiệp và cơ quan quản lý. Việc thúc đẩy thanh toán không dừng tiền mặt cũng phù hợp xu hướng kinh tế số, giảm thời gian qua trạm và mở rộng các tiện ích giao thông – đô thị thông minh.

Việc chuyển đổi sang tài khoản giao thông không chỉ là điều chỉnh về mặt kỹ thuật hay quản lý, mà còn là tiền đề thiết yếu để triển khai mô hình thu phí không dừng không barie (free-flow tolling) tại Việt Nam. So với tài khoản thu phí truyền thống mang tính trả trước, tài khoản giao thông liên kết với các phương thức thanh toán không dừng tiền mặt cho phép xử lý giao dịch theo thời gian thực hoặc hậu thanh toán, giảm rủi ro lỗi giao dịch và nâng cao trải nghiệm người dùng. Đồng thời, việc chuẩn hóa tài khoản giao thông còn tạo nền tảng dữ liệu để mở rộng sang các dịch vụ đô thị thông minh khác (bãi đỗ, xăng, dịch vụ đô thị), qua đó hỗ trợ quá trình hiện đại hóa và số hóa hạ tầng giao thông quốc gia.

Trong bối cảnh Việt Nam đẩy mạnh số hóa hạ tầng giao thông và mở rộng thanh toán điện tử, năm 2026 được dự báo sẽ là giai đoạn bản lề cho sự phát triển giao thông thông minh ở quy mô lớn, với trọng tâm là hệ thống tài khoản giao thông thống nhất và các nền tảng thu phí không dừng. Khi dữ liệu giao thông được chuẩn hóa, hệ thống quản lý có điều kiện tích hợp sâu các công nghệ ICT như Big Data, AI và IoT nhằm giám sát lưu lượng, tối ưu hóa vận tải hành khách – hàng hóa và hỗ trợ điều hành theo thời gian thực. Trong giai đoạn trung hạn 2026–2030, các đô thị lớn như Hà Nội và TP.HCM dự kiến sẽ đẩy mạnh mô hình giao thông thông minh đa phương thức (metro, BRT, xe chia sẻ), trong đó tài khoản giao thông đóng vai trò trung tâm thanh toán và truy cập dịch vụ. Với vị thế là một trong những nhà cung cấp dịch vụ ETC chủ chốt, VETC được kỳ vọng tiếp tục giữ vai trò hạt nhân trong vận hành hệ thống thu phí không dừng, triển khai thu phí không barie trên các tuyến cao tốc trọng điểm và mở rộng hệ sinh thái thanh toán giao thông. Dữ liệu do VETC quản lý không chỉ phục vụ thu phí mà còn hỗ trợ dự báo ùn tắc, hoạch định bảo trì hạ tầng và xây dựng chính sách phí linh hoạt, qua đó góp phần giảm ùn tắc, tiết kiệm nhiên liệu, giảm phát thải và thúc đẩy quá trình hiện đại hóa giao thông quốc gia.

Tổng quan kinh tế vĩ mô 2025 và dự báo 2026



THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM

Năm 2025, tổng doanh thu phí bảo hiểm ước đạt 237.211 tỷ đồng, tăng 3,96%. Theo số liệu báo cáo sơ bộ của các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, tổng doanh thu phí bảo hiểm năm 2025 ước đạt hơn 86.400 tỷ đồng, tăng hơn 10% so với năm 2024 và năm 2026 dự kiến tăng lên khoảng 97.500 tỷ đồng, tương ứng mức tăng trưởng trên 12%. Đây là tín hiệu tích cực nếu đặt trong bối cảnh toàn ngành vừa trải qua giai đoạn siết chặt pháp lý, tái cấu trúc kênh phân phối và điều chỉnh sản phẩm.



237.211 TỶ ĐỒNG

Tổng doanh thu phí bảo hiểm năm 2025



86.400 TỶ ĐỒNG (+10%)

Doanh thu phí Bảo hiểm phi nhân thọ



250.133 TỶ ĐỒNG

Dự báo doanh thu phí bảo hiểm năm 2026

Lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ tiếp tục khẳng định vai trò trụ cột khi duy trì tăng trưởng 2 con số, mở rộng độ bao phủ bảo hiểm, qua đó đóng góp quan trọng vào kết quả chung toàn ngành, với doanh thu phí bảo hiểm gốc đạt trên 84.000 tỷ đồng, tăng 11,34%. Bảo hiểm sức khỏe tiếp tục khẳng định vai trò trụ cột và là động lực tăng trưởng chủ đạo của thị trường bảo hiểm phi nhân thọ, với doanh thu năm 2025 ước đạt trên 31.200 tỷ đồng và kế hoạch năm 2026 vượt mốc 36.000 tỷ đồng. Tăng trưởng được thúc đẩy bởi nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng gia tăng, chi phí y tế leo thang và xu hướng chuyển dịch từ hình thức chi trả trực tiếp sang các cơ chế chia sẻ rủi ro dài hạn thông qua bảo hiểm. Song song đó, bảo hiểm xe cơ giới vẫn giữ vị thế là một trong những mảng đóng góp doanh thu lớn và tạo nền tảng tăng trưởng ổn định cho khối phi nhân thọ.

Trong dài hạn, thị trường vẫn còn nhiều dư địa phát triển nhờ năm động lực chính. Thứ nhất, đầu tư hạ tầng và công nghệ tăng mạnh, đặc biệt trong các lĩnh vực năng lượng, giao thông và logistics, mở rộng nhu cầu bảo hiểm tài sản – kỹ thuật và gián đoạn kinh doanh. Thứ hai, biến đổi khí hậu thúc đẩy sự phát triển của bảo hiểm tham số và các mô hình PPP trong quản lý rủi ro thiên tai. Thứ ba, tỷ lệ thâm nhập bảo hiểm còn thấp, nhất là ở khối doanh nghiệp vừa và nhỏ, tạo dư địa cho các chương trình tái bảo hiểm có kỷ luật định phí cao và vận hành bền vững hơn. Thứ tư, xu hướng đa dạng hóa rủi ro trong khu vực Đông Nam Á mở ra cơ hội hợp tác đồng tái bảo hiểm. Cuối cùng, việc triển khai khung quản lý vốn theo mô hình RBC tại Việt Nam đang khuyến khích doanh nghiệp bảo hiểm tối ưu hóa cấu trúc tái bảo hiểm và nâng cao chất lượng bảo vệ.

Dựa trên các động lực trên, năm 2026, Tasco Insurance có kế hoạch triển khai các sản phẩm cá nhân hóa đến từng nhóm khách hàng như: Tasco Auto Sure - nhóm khách hàng cá nhân, Tasco Business - nhóm khách hàng hộ kinh doanh vận tải, Tasco Prosure - nhóm khách hàng tổ chức kinh doanh vận tải và Tasco Choice - nhóm khách hàng sử dụng dịch vụ Carpla. Với nhóm sản phẩm mới, Tasco Insurance đặt mục tiêu đạt vị trí thứ 11 toàn ngành và top 3 doanh thu bảo hiểm xe cơ giới.

Tổng quan kinh tế vĩ mô 2025 và dự báo 2026



THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN

Năm 2025 được xem là giai đoạn bản lề của thị trường bất động sản Việt Nam, khi bộ ba luật quan trọng gồm Luật Đất đai 2024, Luật Kinh doanh bất động sản 2023 và Luật Nhà ở 2023 lần đầu tiên được áp dụng đồng bộ, xuyên suốt ngay từ đầu năm. Cùng với đó, nhiều nghị quyết, nghị định và thông tư hướng dẫn được ban hành, từng bước tháo gỡ các vướng mắc pháp lý, tạo nền tảng cho thị trường vận hành minh bạch và bền vững hơn.

Theo đó, thị trường bất động sản năm 2025 ghi nhận đà tăng trưởng khá rõ nét với nguồn cung mới sơ bộ tăng khoảng 50% so với năm 2024. Đáng chú ý, quy mô nguồn cung đang tiến gần mốc “đỉnh” của năm 2018 khi hàng loạt dự án được phê duyệt mới và tái khởi động... Theo thống kê của Hiệp hội môi giới bất động sản Việt Nam (VARIS), tổng cung bất động sản nhà trong 9 tháng 2025 ở đã vượt qua mốc 100.000 sản phẩm, cao hơn 22% so với cả năm 2024, trong đó có hơn 86.000 sản phẩm mới, cao gấp 1,3 lần năm trước. Theo đó, 9 tháng năm 2025, tỷ lệ hấp thụ trên nguồn cung mở bán mới đạt 68%, tương đương với hơn 58.000 giao dịch thành công, gấp đôi cùng kỳ năm 2024.

Dựa trên số liệu DKRA Consulting, thị trường bất động sản nghỉ dưỡng Việt Nam năm 2025 đang cho thấy dấu hiệu hồi phục rõ rệt khi nguồn cung chào bán vượt 13.000 sản phẩm, tăng khoảng 25% so với năm trước, trong đó lượng mở bán mới tăng 33%, phản ánh niềm tin của chủ đầu tư đang dần quay trở lại. Dù lượng tiêu thụ khoảng 4.000 sản phẩm vẫn còn khiêm tốn so với quy mô nguồn cung, mức tăng từ 1,3 đến gần 2 lần so với cùng kỳ 2024 cho thấy thanh khoản đã cải thiện đáng kể, cho thấy tâm lý nhà đầu tư đang ấm dần lên sau giai đoạn trầm lắng. Diễn biến này gắn chặt với bối cảnh kinh tế vĩ mô ổn định hơn, mặt bằng lãi suất hạ nhiệt và đặc biệt là sự phục hồi mạnh mẽ của ngành du lịch Việt Nam trong năm 2025, khi lượng khách và nhu cầu lưu trú – nghỉ dưỡng gia tăng. Nhìn chung, thị trường bất động sản nghỉ dưỡng đang bước vào giai đoạn hồi phục ban đầu, hưởng lợi trực tiếp từ tăng trưởng kinh tế và du lịch, dù vẫn cần thêm thời gian để cân bằng cung – cầu và phục hồi bền vững.

Kết quả hoạt động kinh doanh 2025

ĐVT: tỷ đồng

KẾT QUẢ KINH DOANH TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Doanh thu hợp cộng năm 2025 đạt

36,4% so với năm trước **52.533**

Doanh thu hợp nhất năm 2025 đạt

36.380 20% so với năm 2024

Lợi nhuận sau thuế hợp nhất hoàn thành vượt kế hoạch lợi nhuận đã được ĐHCĐ thường niên 2025 thông qua

Gấp 2 lần năm 2024 **630**

Nếu loại trừ ảnh hưởng của việc phân bổ lợi thế thương mại và giá trị đánh giá lại tài sản, lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt

993



Kết quả tích cực nêu trên đạt được nhờ các động lực chính:

- 1 Hiệu quả hoạt động kinh doanh cốt lõi tiếp tục được cải thiện, đặc biệt tại các mảng có đóng góp doanh thu lớn, cụ thể lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2025 đạt 3.373 tỷ, tăng 699 tỷ so với năm 2024.
- 2 Hiệu quả từ việc tái cấu trúc danh mục đầu tư, tập trung vào các lĩnh vực mang lại giá trị gia tăng và dòng tiền bền vững; iii) Triển khai các chương trình Kaizen, tối ưu chi phí và nâng cao hiệu quả vận hành, qua đó từng bước cải thiện biên lợi nhuận trong dài hạn.

Kết quả hoạt động kinh doanh 2025

Dù thị trường còn nhiều thách thức, kết quả này cho thấy Công ty đã linh hoạt thích ứng và tận dụng hiệu quả xu hướng phục hồi của ngành ô tô trong năm qua, đồng thời đạt được các kết quả quan trọng trong các mảng kinh doanh cốt lõi, cụ thể như sau:

1

HẠ TẦNG GIAO THÔNG THÔNG MINH VÀ DỊCH VỤ Ô TÔ (MOBILITY)

Hoàn thiện hạ tầng, sẵn sàng cho tầm nhìn dài hạn

Hệ thống hạ tầng của Tasco Auto với mạng lưới 200+ điểm kinh doanh (150 showroom và hơn 70 xưởng dịch vụ Carpla), Hạ tầng nhân sự, ERP- công nghệ vận hành, pipelines sản phẩm và dịch vụ toàn diện từ xe ô tô phổ thông, tới xe sang + (Volvo, Zeekr, Lotus), các dịch vụ hạ nguồn (xưởng dịch vụ 3S, quick services, phụ tùng-phụ kiện, cứu hộ VETC...) đã sẵn sàng. Từ 2026, tập trung cho hiệu suất, hiệu quả, chất lượng và trải nghiệm khách hàng an tâm trên nền tảng đa kênh.

Nhờ việc hệ sinh thái Mobility đã hoàn thiện hạ tầng, sẵn sàng cho tầm nhìn dài hạn, mà trụ cột Mobility (bao gồm Tasco Auto, VETC, Carpla, Banking service) đã đạt quy mô Doanh thu hợp cộng 38.048 tỷ đồng, tăng 3,6% so với năm trước, cụ thể:



Tasco Auto



Năm 2025, Tasco Auto ghi nhận

37.375 TỶ ĐỒNG
doanh thu



Sản lượng tiêu thụ

37.639 XE

Thị phần 14,2% (theo VAMA).

Tasco Auto cũng ra mắt thương hiệu Geely tại Việt Nam và mở rộng dải sản phẩm dòng xe năng lượng mới sau khi trở thành đối tác chiến lược của Tập đoàn Geely - Top 7 nhà sản xuất ô tô hàng đầu thế giới. Chỉ trong vòng chưa đầy 1 năm kể từ khi ra mắt, Tasco Auto đã đầu tư hoàn thiện hệ thống 54 đại lý chính hãng Geely phủ khắp cả nước; đồng thời ra mắt 03 mẫu xe: Coolray, Monjaro và EX5 (xe thuần điện), sẽ ra mắt mẫu xe tiềm năng mới là EX5 EM-I (xe Phev), EX2 (xe thuần điện) trong tháng 3/2026. Thương hiệu Lynk & Co cũng mở rộng với 47 đại lý và ra mắt mẫu xe chiến lược Lynk & Co 08 tại thị trường Việt Nam, nâng dải sản phẩm lên 6 mẫu gồm: Lynk & Co 01, 03, 05, 06, 08, 09.

Đối với xe sang do Tasco nhập khẩu và phân phối trên toàn quốc, Volvo Cars tiếp tục khẳng định vị thế Top 4 xe sang được yêu thích trên thị trường, đồng thời ra mắt bộ đôi ra mắt XC60 – mẫu xe SUV bán chạy nhất của Volvo trên toàn cầu và mẫu Sedan sang trọng S90 với các trang bị nâng cấp toàn diện. Theo đó, dải sản phẩm Volvo tại Việt Nam bao gồm các dòng xe Mild Hybrid (XC90, XC60, XC40), Plug-in Hybrid (XC90 Recharge, XC60 Recharge, S90 Recharge) và xe thuần điện (EC40).



VETC – Digital Hub:
Nền tảng số chuyên biệt phục vụ 100% khách hàng sở hữu và sử dụng xe ô tô



4,3 TRIỆU

Khách hàng VETC

03 TRIỆU

Khách hàng dùng ví VETC

Dịch vụ tài chính, ngân hàng: bổ sung dịch vụ tài chính để đảm bảo hành trình an tâm toàn diện cho khách hàng.

VETC đã trở thành trung tâm Digital cho hạ tầng Smart Mobility với 4,3 triệu khách hàng on apps, 3 triệu khách hàng dùng ví VETC trên tổng số 6 triệu khách hàng sở hữu và sử dụng xe ô tô tại Việt Nam.

VETC là trung tâm kết nối khách hàng với hệ thống hạ tầng vật lý, nơi khách hàng có thể sử dụng một nền tảng công nghệ cho tất cả các sản phẩm dịch vụ của Tasco và mở rộng cho các nhà cung cấp dịch vụ khác. Hiện nay, khách hàng không chỉ sử dụng VETC cho dịch vụ thu phí không dừng trên đường cao tốc, mà còn sử dụng cho các dịch vụ bãi đậu xe, cảng hàng không, tích điểm loyalty cho chi tiêu giao thông, VETC cứu hộ, VETC trách nhiệm dân sự với trải nghiệm digital xuyên suốt 100% hành trình, từ tìm hiểu, lựa chọn, mua, thanh toán, lưu trữ giấy tờ trên cùng nền tảng VETC Digital. Năm 2025, VETC đạt 666 tỷ đồng doanh thu, tăng 35% so với cùng kỳ. VETC duy trì vị thế dẫn đầu với 75% thị phần, kết nối 136 trạm, 765 làn cao tốc trên toàn quốc. Hệ thống VETC xử lý quy mô giao dịch bình quân 1,8 triệu giao dịch mỗi ngày, cao điểm lên đến 2,3 triệu giao dịch/ngày, tổng cộng có hơn 700 triệu giao dịch trong năm 2025. VETC cũng ra mắt VETC cứu hộ, kết nối tổng đài 24/7 với phương tiện cứu hộ và hơn 300 đối tác, phủ 100% xã, phường trên cả nước.

Đặc biệt trong giai đoạn mưa lũ và thiên tai tại nhiều địa phương, VETC Cứu hộ đã tham gia điều phối nguồn lực, hỗ trợ người dân và phương tiện trong các điều kiện khắc nghiệt, cứu hộ miễn phí khu vực đồng bào bị ảnh hưởng bởi bão lũ, thiên tai

Công ty cũng hoàn thiện hệ sinh thái thông qua việc hợp tác với các Ngân hàng, tổ chức tài chính để cung cấp các giải pháp tài chính như Co-lending (cho vay ô tô), BNPL (mua trước trả sau) và thẻ Co-branded Mobility Mastercard với những đặc quyền chuyên biệt cho khách hàng sở hữu và sử dụng xe ô tô, qua đó cung cấp thêm dịch vụ tài chính cho khách hàng của Tasco để khách hàng có hành trình an tâm toàn diện. Năm 2025, tổng dư nợ cho vay mua xe của Tasco đạt hơn 5.000 tỷ đồng. Trong 3 năm tới, mảng tài chính sẽ có dự địa lớn để phát triển, kỳ vọng đóng góp đáng kể vào kết quả kinh doanh của công ty trong các năm tới.

Kết quả hoạt động kinh doanh 2025

2

MẢNG BẢO HIỂM

Ghi nhận mức tăng trưởng đột phá



Với tổng phí bảo hiểm ghi nhận đạt 1.564 tỷ đồng (tăng 141% so với năm 2024), tương ứng hơn 1 triệu hợp đồng được khai thác trong năm. Đà tăng trưởng nhanh giúp Bảo hiểm Tasco vươn lên top 7 thị phần bảo hiểm xe cơ giới năm 2025 với mạng lưới 35 chi nhánh trên toàn quốc chỉ sau hơn 2 năm hoạt động. Với mạng lưới chi nhánh hoạt động 34/34 tỉnh thành, hạ tầng công nghệ, nhân sự đã hoàn thiện, Bảo hiểm Tasco sẵn sàng cho chu kỳ tăng trưởng quy mô và nâng cao hiệu suất vận hành, cũng như tiếp tục đầu tư hệ thống hạ tầng công nghệ, chuyển đổi số toàn diện.



TOP 7

thị phần bảo hiểm xe cơ giới năm 2025 với mạng lưới

35

chi nhánh trên toàn quốc

3

MẢNG ĐẦU TƯ

Hoạt động đầu tư đã vào chu kỳ hiệu quả



Đặc biệt, sau khi DNP chính thức trở thành công ty con của Tasco đã mang lại các nguồn lực tốt khi các khoản đầu tư tại các đơn vị DNP đã đi vào giai đoạn tăng trưởng hiệu quả, đã được khẳng định rõ nét trong kết quả kinh doanh năm 2025 và các năm tiếp theo. Năm 2025, trụ cột Investment đạt doanh thu 1.583 tỷ đồng, trong đó việc hợp nhất DNP Holding từ tháng 12/2025, đóng góp khoảng 1.171 tỷ đồng doanh thu vào kết quả của hệ thống.



1.583 TỶ ĐỒNG

Doanh thu Trụ cột Investment năm 2025



Bất động sản:
Động lực cho tăng trưởng hiệu quả của Công ty



467 TỶ ĐỒNG

Doanh thu từ các khu nghỉ dưỡng

>282 TỶ ĐỒNG

Lợi nhuận gộp

19% so với năm 2024

Dự án Đô thị Việt Trì Legacy Lakeside-17ha tại trung tâm Phú Thọ khởi công 01/03/2026, sẽ hoàn thiện thủ tục để bắt đầu triển khai xây dựng từ năm 2027. Với chủ trương và các nghị quyết tháo gỡ các dự án BT, Công ty tập trung hoàn thiện pháp lý cho dự án Đơn Vị ở 1 - Xuân Phương 31,4 ha để triển khai trong các năm tới.

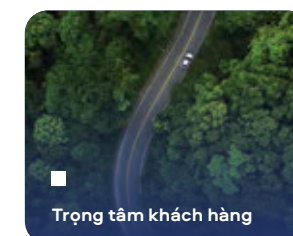
Ngoài ra, với lợi thế sở hữu quỹ đất 210 ha gồm các dự án BĐS đô thị nhà ở, thương mại dịch vụ, nghỉ dưỡng, quỹ đất phát triển showroom, cùng 2 khu nghỉ dưỡng cao cấp hàng đầu Việt Nam là Six Senses Ninh Vân Bay và Ana Mandara Đà Lạt đang hoạt động, cũng như 1 số dự án các như dự án tiềm năng khác như dự án Mercure Sơn Trà 5,8 ha, Dự án Khách sạn 5* 104 Phố Quang Thành phố Hồ Chí Minh, diện tích: 2.539,7 m², dự án Sandy Beach Đà Nẵng quy mô 17 Ha. Các dự án bất động sản đang được Công ty tiếp tục hoàn thiện pháp lý, triển khai thực hiện cũng như có thể xem xét tái cơ cấu thoái bớt danh mục đầu tư. Bất động sản dự kiến trở thành động lực cho tăng trưởng hiệu quả của Công ty trong giai đoạn 2026-2030.

Năm 2025, trong lĩnh vực bất động sản nghỉ dưỡng doanh thu từ các khu nghỉ đạt 467 tỷ đồng, lợi nhuận gộp đạt hơn 282 tỷ đồng, tăng trưởng 19% so với năm 2024. Kết quả này đến từ chiến lược vận hành tối ưu, kiểm soát chi phí hiệu quả và tận dụng đà phục hồi của ngành du lịch Việt Nam.

Các mảng kinh doanh khác

Trong năm 2025, hoạt động thu phí tại các trạm BOT ghi nhận doanh thu đạt 718 tỷ đồng, mang lại dòng tiền ổn định cho hệ thống. Trong những năm tới, chính sách điều chỉnh giá phí theo lộ trình cùng xu hướng hồi phục vận tải tiếp tục là động lực hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh BOT của Tasco. Cũng trong năm 2025, Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 2166/QĐ-BXD phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng mở rộng cao tốc TP.HCM - Trung Lương - Mỹ Thuận theo phương thức PPP, tổng mức đầu tư hơn 36.000 tỷ đồng. Dự án sẽ khởi công trong quý 4/2025 và dự kiến hoàn thành, đưa vào khai thác vào năm 2028. Liên danh nhà đầu tư được chỉ định thực hiện dự án là Công ty cổ phần Tasco, Công ty cổ phần Tập đoàn Đèo Cả, Công ty cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM, Tổng công ty Đầu tư Xây dựng Hoàng Long - CTCP, Công ty TNHH một thành viên Dịch vụ và Đầu tư CII. Dự án mở rộng cao tốc TP.HCM - Trung Lương - Mỹ Thuận được triển khai như một giải pháp chiến lược cấp bách nhằm hoàn thiện tuyến hạ tầng trọng điểm và giải quyết dứt điểm tình trạng quá tải nghiêm trọng, tạo đòn bẩy cho sự phát triển của toàn vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Liên danh nhà đầu tư là những doanh nghiệp có kinh nghiệm trong lĩnh vực hạ tầng giao thông, đủ năng lực để triển khai dự án quy mô lớn, yêu cầu kỹ thuật cao và tổ chức thi công phức tạp này.

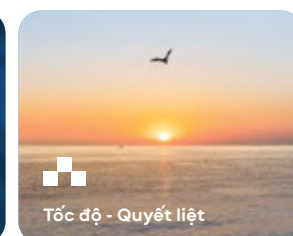
Với những nền tảng hạ tầng các mảng của Công ty đã hoàn thiện, Tasco đã sẵn sàng tập trung hiện thực hóa tầm nhìn xây dựng một hệ sinh thái đầu tư lấy công nghệ làm nền tảng, cùng quyết tâm xây dựng văn hóa 3T



Trọng tâm khách hàng



Tinh - Gọn - Hiệu suất cao



Tốc độ - Quyết liệt

Tình hình tài chính công ty

TÌNH HÌNH TÀI SẢN/ NGUỒN VỐN

Tài sản của Tasco bao gồm các tài sản có giá trị cao như hạ tầng thu phí điện tử không dừng VETC, hạ tầng BOT, quỹ đất trung tâm thương mại, quỹ đất trung tâm thành phố lớn, bất động sản nghỉ dưỡng,...

Tổng tài sản/nguồn vốn của Tasco năm 2025 đạt 52.231 tỷ đồng, tăng 80% so với năm 2024, đến từ việc đưa DNP Holding trở thành công ty con.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

ĐVT: Tỷ đồng

Bảng cân đối kế toán		Tỷ lệ tăng trưởng Năm 2025			
Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	Giá trị	Tỷ lệ	
A Tài sản ngắn hạn	27.859	12.304	15.555	126%	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4.843	2.876	1.967	68%	
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.725	568	1.157	204%	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	14.752	5.494	9.258	169%	
IV. Hàng tồn kho	5.936	3.177	2.759	87%	
V. Tài sản ngắn hạn khác	603	189	413	218%	
B Tài sản dài hạn	24.372	16.683	7.689	46%	
I. Các khoản phải thu dài hạn	1.390	1.274	116	9%	
II. Tài sản cố định	13.091	7.096	5.996	85%	
III. Bất động sản đầu tư	1.350	1.391	(41)	-3%	
IV. Tài sản dở dang dài hạn	2.892	2.279	613	27%	
V. Đầu tư tài chính dài hạn	1.217	999	219	22%	
VI. Tài sản dài hạn khác	4.431	3.645	786	22%	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	52.231	28.987	23.244	80%	
C Nợ phải trả	34.289	17.436	16.852	97%	
I. Nợ ngắn hạn	17.615	8.876	8.739	98%	
II. Nợ dài hạn	16.674	8.561	8.113	95%	
D Vốn chủ sở hữu	17.942	11.551	6.391	55%	
I. Vốn chủ sở hữu	17.942	11.551	6.391	55%	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-	-		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	52.231	28.987	23.244	80%	

ĐVT: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024
Tổng tài sản/Tổng nguồn vốn	52.231	28.987
Tài sản ngắn hạn	27.859	12.304
Tài sản dài hạn	24.372	16.683
Doanh thu thuần	36.317	30.229
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	517	295
Lợi nhuận khác	271	130
Lợi nhuận trước thuế	788	426
Lợi nhuận sau thuế	630	305

ĐVT: Lần

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	1,58	1,39
Hệ số khả năng thanh toán nhanh (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,24	1,03
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,66	0,60
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,91	1,51
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/HTK BQ)	7,23	9,72
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,70	1,04
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số LN sau thuế/Doanh thu thuần	1,74%	1,01%
Hệ số LN sau thuế/Vốn CSH bình quân	5,08%	1,83%
Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	1,21%	1,05%
Hệ số LN từ hoạt động KD/Doanh thu thuần	1,42%	0,98%

Xét về khả năng thanh toán Tình hình tài chính của Công ty ghi nhận nhiều tín hiệu tích cực từ các chỉ số quan trọng. Hệ số khả năng thanh toán nhanh và thanh toán ngắn hạn đều tăng so với năm 2024, trong đó hệ số thanh toán nhanh đạt mức an toàn (≥ 1), đảm bảo khả năng trả nợ ngắn hạn.

Về cơ cấu vốn Hệ số nợ/VCSH thay đổi do hợp nhất với DNP Holding - doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất, tỷ lệ nợ /VCSH ở mức 1,9 lần phù hợp với chiến lược mở rộng kinh doanh của công ty.

Về khả năng sinh lời Song song với tăng trưởng về quy mô, các chỉ tiêu hiệu quả sinh lời cũng ghi nhận sự cải thiện rõ rệt. Biên lợi nhuận ròng đạt 1,7%, tăng 0,7 điểm phần trăm so với năm 2024, phản ánh chất lượng tăng trưởng được nâng cao. Kết quả này chủ yếu đến từ (i) định hướng tái cơ cấu danh mục đầu tư theo hướng ưu tiên các mảng có giá trị gia tăng cao và dòng tiền ổn định; (ii) việc triển khai đồng bộ các sáng kiến Kaizen nhằm kiểm soát chi phí và tối ưu hiệu quả vận hành. Theo đó, ROE bình quân tăng 2,78 lần, từ 1,83% lên 5,08%, ROA bình quân tăng nhẹ, từ 1,05% lên 1,21%.

ROE cải thiện mạnh trong 2025, cùng kế hoạch lợi nhuận 2026 tăng trưởng 38%, là tín hiệu tích cực cho thấy Tasco đang bước vào giai đoạn chuyển dịch từ đầu tư mở rộng sang khai thác hiệu quả trên nền tảng hạ tầng đã hoàn thiện. Trong giai đoạn 2026–2030, đóng góp lợi nhuận từ các mảng kinh doanh cốt lõi — dịch vụ ô tô, hạ tầng giao thông, bảo hiểm và đầu tư — dự kiến tiếp tục tăng trưởng ổn định, trong khi danh mục bất động sản bước vào giai đoạn triển khai và ghi nhận doanh thu, lợi nhuận theo lộ trình, mang lại nguồn lực bổ sung đáng kể cho hệ thống. Sự kết hợp giữa nền tảng vận hành được củng cố và các nguồn lợi nhuận mới được kích hoạt tạo dư địa cải thiện hiệu quả sinh lời bền vững trong trung và dài hạn.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Trong năm 2025, Ban Tổng Giám đốc đã tiếp tục tập trung củng cố nền tảng tổ chức nhằm đảm bảo hệ thống vận hành hiệu quả trong bối cảnh quy mô hoạt động ngày càng mở rộng. Các nội dung triển khai trong năm tập trung vào việc kiện toàn mô hình tổ chức, phát triển đội ngũ, cải tiến hiệu quả vận hành tại các đơn vị và chuẩn bị nền tảng quản trị cho giai đoạn phát triển tiếp theo của hệ sinh thái đầu tư.

1

Kiện toàn kiến trúc tổ chức

Trong năm 2025, Tasco tiến hành rà soát mô hình tổ chức tại các đơn vị trọng điểm, từ đó hoàn thiện các quy chế phân quyền và cơ chế quản trị theo hướng làm rõ trách nhiệm và tăng tính chủ động cho từng đơn vị; giúp các đơn vị chủ động hơn trong vận hành kinh doanh, đồng thời vẫn đảm bảo sự thống nhất trong các nguyên tắc quản trị chung của hệ thống.

Hệ thống cấp bậc và chức danh được chuẩn hóa nhằm hình thành một khung tham chiếu chung cho quản trị nhân sự trong toàn hệ thống, tạo nền tảng cho công tác quy hoạch nhân sự, thiết kế chính sách đãi ngộ và triển khai các chương trình phát triển đội ngũ trong các năm tiếp theo. Trong năm 2025, khung này được triển khai theo lộ trình tại các đơn vị và dự kiến sẽ được áp dụng thống nhất trong năm 2026.

Các nền tảng quản trị dữ liệu nhân sự và báo cáo điều hành cũng được triển khai đồng bộ hơn thông qua việc chuyển đổi số các hệ thống quản trị nội bộ. Đến cuối năm 2025, phần lớn các đơn vị trong hệ thống đã được kết nối vào nền tảng quản trị dữ liệu tập trung, giúp chuẩn hóa báo cáo và cải thiện khả năng theo dõi vận hành của Tập đoàn.

Đến cuối năm 2025, phân hệ quản lý tổ chức trên nền tảng Tasco HROD đã vận hành ổn định tại 11/12 đơn vị lớn, tạo cơ sở dữ liệu nhân sự tập trung và đồng bộ mẫu báo cáo quản trị. Việc chuẩn hóa dữ liệu giúp công tác điều hành của HĐQT và Ban Điều hành có thông tin chính xác, kịp thời hơn.

2

Cải tiến vận hành và tái cấu trúc đơn vị

Trong năm, Tasco bắt đầu triển khai khung quản trị hiệu suất thông qua hệ thống OKR/KPI tại một số đơn vị trong hệ thống. Việc triển khai bước đầu này nhằm chuẩn bị cho việc áp dụng rộng hơn trong năm 2026, qua đó từng bước chuyển các định hướng chiến lược của Tập đoàn thành các chỉ tiêu vận hành cụ thể và tăng cường khả năng theo dõi kết quả hoạt động theo định kỳ.

Song song với việc xây dựng nền tảng tổ chức, nhiều chương trình cải tiến và rà soát vận hành đã được triển khai trong năm 2025 nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.

Các chương trình rà soát tổng thể được thực hiện tại nhiều đơn vị trong hệ thống nhằm đánh giá mô hình kinh doanh, cơ cấu tổ chức và hiệu quả sử dụng nguồn lực. Trên cơ sở đó, một số điều chỉnh được thực hiện liên quan đến cơ chế chi phí, cơ cấu nhân sự và quy trình vận hành tại đơn vị.

Hoạt động cải tiến theo hướng Kaizen được triển khai thông qua rà soát chi phí vận hành, tối ưu cơ cấu tổ chức tại một số bộ phận, đàm phán lại chi phí thuê mặt bằng và điều chỉnh quy trình làm việc. Những cải tiến này có sự phối hợp giữa các đơn vị trong hệ thống, giúp tận dụng tốt hơn nguồn lực sẵn có và từng bước nâng cao hiệu quả quản trị.

Bên cạnh các hoạt động cải tiến, các lĩnh vực kinh doanh đang được đầu tư phát triển tiếp tục được tăng cường nguồn lực về đội ngũ nhằm xây dựng năng lực vận hành cho các trụ cột kinh doanh mới của hệ thống.

3

Công bố thông tin - quản trị minh bạch

Công tác công bố thông tin được thực hiện đầy đủ, kịp thời, trung thực theo đúng quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Đồng thời, Công ty đẩy mạnh hoạt động quan hệ cổ đông, thường xuyên tổ chức các buổi gặp gỡ, trao đổi với nhà đầu tư, quỹ đầu tư, công ty chứng khoán và chuyên gia phân tích và tham gia các sự kiện đầu tư quốc tế lớn như Vietnam Access Day 2025, nhằm tăng cường tính minh bạch và kết nối thị trường.

Hoạt động kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro tiếp tục được tăng cường thông qua việc xây dựng hệ thống quy định, quy trình kiểm soát chặt chẽ các hoạt động và giao dịch trong Công ty. Quy chế phân quyền được thiết lập rõ ràng, minh bạch, đảm bảo có cơ chế kiểm tra, giám sát chéo giữa các bộ phận, phòng ban và đơn vị. Công ty cũng định kỳ kiểm tra, giám sát hoạt động nghiệp vụ nhằm đảm bảo tuân thủ pháp luật, đồng thời ngăn ngừa, kiểm soát xung đột lợi ích phát sinh.



Kế hoạch kinh doanh 2026 và các giải pháp thực hiện



54.980

TỶ ĐỒNG

Doanh thu hợp nhất Kế hoạch 2026
51% so với năm 2025

Trong bối cảnh 2026 dự báo tiếp tục còn nhiều thách thức, Tasco đã xây dựng Kế hoạch kinh doanh bám sát tình hình thực tế, đảm bảo theo hướng linh hoạt, thực tiễn, đảm bảo tăng trưởng bền vững, tối ưu hiệu suất và thích ứng nhanh với thị trường.



GEELY EX5

1.599

TỶ ĐỒNG



Lợi nhuận hợp nhất trước thuế
kế hoạch 2026

61% so với năm 2025



LYNK & CO 08

(*) LNTT trước phân bổ GW, FV.

CHƯƠNG

04. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- 64 Tổng quan về quản trị tại Tasco
- 68 Quản trị rủi ro
- 72 Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị
- 80 Báo cáo của Ban Kiểm soát
- 82 Thông tin cổ phiếu và cơ cấu cổ đông
- 85 Hoạt động quan hệ cổ đông



Tổng quan về Quản trị tại Tasco

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Xem mục **Cơ cấu tổ chức, mô hình quản trị**
tại Chương I Báo cáo thường niên Tasco 2025.

NGUYÊN TẮC QUẢN TRỊ

Tại Tasco, Quản trị Công ty được xác định là một trong những yếu tố then chốt để đảm bảo tăng trưởng hiệu quả, phát triển bền vững trong dài hạn.

Để tối đa hóa giá trị doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo Tasco không chỉ quan tâm đến mục tiêu thúc đẩy hoạt động kinh doanh nhằm tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận trong ngắn hạn, mà đã từng bước tập trung nâng cao năng lực quản trị theo thông lệ quốc tế để đảm bảo khai thác các nguồn lực hiệu quả, thu hút nguồn vốn đầu tư vào doanh nghiệp và tạo ra các giá trị bền vững trong dài hạn.

Công ty cam kết thực hành quản trị Công ty tuân thủ theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành. Công ty đang tham chiếu, hoàn thiện, áp dụng theo các thông lệ quản trị tốt như Bộ nguyên tắc Quản trị Công ty dành cho Công ty đại chúng Việt Nam, Nghị định 155/2020/NĐ-CP, Thông tư 116/2020/TT-BTC, Thông tư 68/2024/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC, tích hợp các tiêu chuẩn về phát triển bền vững (ESG) vào hoạt động của doanh nghiệp... nhằm xây dựng một hệ thống quản trị vững mạnh để kiểm soát, giám sát các hoạt động của doanh nghiệp trên nguyên tắc trách nhiệm, minh bạch và hiệu quả, giảm thiểu rủi ro cho doanh nghiệp.



Tổng quan về Quản trị tại Tasco

XÂY DỰNG QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ

Để vận hành hiệu quả mô hình quản trị, Tasco đã xây dựng và ban hành hệ thống các quy chế quản trị nội bộ nhằm tạo ra một cơ chế quản trị tinh gọn và xuyên suốt để kiểm soát, giám sát hoạt động của doanh nghiệp một cách chuyên nghiệp, minh bạch và hiệu quả, đồng thời kiểm soát xung đột lợi ích, góp phần đảm bảo lợi ích của cổ đông và các bên liên quan. Công ty đã ban hành và áp dụng nhiều chính sách nội bộ, cụ thể như sau:

1

Xây dựng Quy tắc ứng xử và Đạo đức kinh doanh

Quy tắc về ứng xử và Đạo đức kinh doanh được Tasco triển khai theo Quyết định ban hành ngày 20/9/2022, theo đó nêu rõ:

- Chính sách về Đạo đức kinh doanh của Tasco nhằm đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty được tiến hành một cách trung thực và có trách nhiệm. Do đó, toàn hệ thống cam kết không chấp nhận các hành vi gian lận và vi phạm các quy tắc đạo đức kinh doanh của Công ty dưới bất kỳ hình thức nào. Đồng thời, Tasco luôn nỗ lực hành động một cách chuyên nghiệp, công bằng, liêm chính và có đạo đức trong các giao dịch và mối quan hệ kinh doanh.
- Công ty luôn luôn tôn trọng tính trung thực, liêm chính và minh bạch trong kinh doanh. Yêu cầu nhân viên thực hiện các tiêu chuẩn đạo đức kinh doanh cao nhất và mong đợi điều tương tự từ các đối tác kinh doanh với Công ty.

2

Chính sách chống tham nhũng, chống hối lộ

- Tasco luôn ủng hộ và vận dụng các chính sách chống tham nhũng, hối lộ do nhà nước ban hành cũng như nỗ lực áp dụng dưới mọi hình thức nhằm thúc đẩy các hoạt động kinh doanh trong sạch hơn.
- Tasco quy định về việc không đưa hoặc nhận hối lộ dưới mọi hình thức.

3

Vận hành hệ thống quản trị kế hoạch - mục tiêu theo OKR

Áp dụng và duy trì Hệ thống báo cáo theo OKR (Mục tiêu - Kết quả chính) trong toàn hệ thống, gắn kết giữa mục tiêu từ Công ty - các Khối - các Phòng và từng cán bộ nhân viên Công ty, từ đó giúp quản trị, giám sát và đảm bảo được các thành viên trong Công ty đang bám sát định hướng chung, ưu tiên thực hiện những mục tiêu trọng điểm của Công ty.

4

Chính sách minh bạch thông tin

Hoạt động công bố thông tin được thực hiện đầy đủ, kịp thời, trung thực theo đúng quy định của pháp luật và các quy định, quy chế của Sở giao dịch chứng khoán và Ủy ban chứng khoán nhà nước. Bên cạnh đó, đẩy mạnh và chú trọng công tác Quan hệ cổ đông, thường xuyên gặp gỡ, trao đổi với các nhà đầu tư, quỹ đầu tư, các nhà môi giới, chuyên gia phân tích của các công ty chứng khoán.



5

Hệ thống kiểm soát nội bộ và chính sách kiểm soát giao dịch nội bộ

- Tasco triển khai kiểm soát các hoạt động, quy trình nghiệp vụ thông qua chức năng kiểm soát nội bộ nhằm đảm bảo tuân thủ pháp luật, kiểm soát xung đột lợi ích, phát hiện và xử lý các vi phạm tạo môi trường kinh doanh trong sạch, minh bạch.
- Kiểm soát nội bộ được Tasco thực hiện theo các hình thức sau: Xây dựng hệ thống quy định, quy trình nhằm kiểm soát toàn bộ các hoạt động, giao dịch của Công ty, đảm bảo sự phân quyền rõ ràng, minh bạch và có sự kiểm tra chéo giữa các bộ phận/phòng ban/đơn vị để đảm bảo tính minh bạch.
- Xây dựng Điều lệ Kiểm soát nội bộ áp dụng trên toàn hệ thống với sứ mệnh tăng cường và bảo vệ các giá trị của tổ chức bằng việc thực hiện các hoạt động kiểm toán và tư vấn kiểm soát theo định hướng rủi ro và khách quan. Giúp Công ty đạt được các mục tiêu bằng cách áp dụng cách tiếp cận có hệ thống, có nguyên tắc để đánh giá và cải thiện sự hiệu quả của các quy trình quản trị doanh nghiệp, quản lý rủi ro và kiểm soát nội bộ.
- Xây dựng Quy trình Kiểm toán nội bộ nhằm đưa ra các nội dung công việc thực hiện hoạt động Kiểm toán nội bộ tại các bộ phận/Đơn vị thành viên trong Công ty, giúp các Kiểm soát viên có thể thực hiện chính xác và hiệu quả nội dung công việc của mình một cách thống nhất, có hệ thống và có nguyên tắc.
- Quy định trách nhiệm, sự phối hợp của các Khối/phòng/ban liên quan đảm bảo kiểm soát vấn đề chi phí và sử dụng chi phí, tăng cường hiệu quả hoạt động kiểm soát chi phí nội bộ và nâng cao tính minh bạch.

6

Về kiểm soát giao dịch với bên liên quan

HĐQT quy định chính sách khung hạn mức giao dịch giữa Công ty với các bên có liên quan để đảm bảo, kiểm soát hạn mức giao dịch theo đúng quy định.

Quản trị rủi ro

NGUYÊN TẮC

Tasco xác định quản trị rủi ro là hoạt động song hành và đóng vai trò quan trọng với hoạt động của Công ty. Rủi ro luôn đi kèm với cơ hội do đó Quản trị rủi ro không chỉ tập trung vào giảm thiểu rủi ro thiệt hại mà còn dựa trên các cơ sở phân tích, đánh giá và dự đoán các rủi ro trong tương lai để đưa ra các quyết định, chiến lược phát triển phù hợp.



Quản trị rủi ro tại Tasco được thực hiện dựa trên các nguyên tắc sau:

1

Quản trị rủi ro được thực hiện một cách toàn diện trên tất cả các hoạt động sản kinh doanh, đồng thời xác định rõ vai trò, trách nhiệm của tất cả các đơn vị thành viên, bộ phận/phòng ban và các thành viên đối với chiến lược quản trị rủi ro của Tập đoàn.

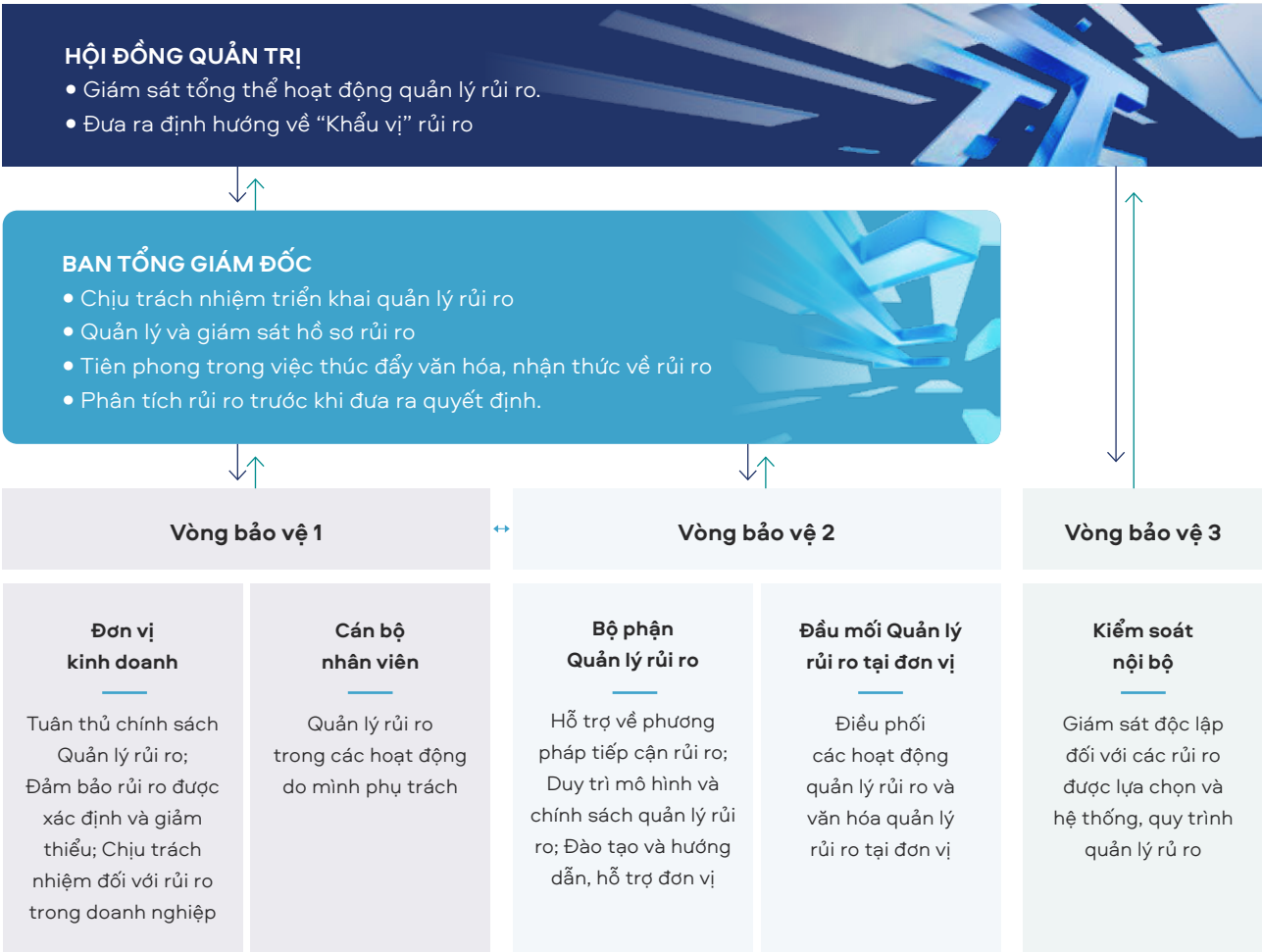
2

Các rủi ro sẽ được nhận diện, đánh giá và sắp xếp theo thứ tự ưu tiên dựa trên mức độ ảnh hưởng, khả năng xảy ra.

3

Thực hiện truyền thông nội bộ về chiến lược quản trị rủi ro đến tất cả nhân sự từ quản lý cấp cao đến các thành viên trong Tập đoàn. Đảm bảo tất cả các thành viên đều hiểu và nhận thức chính xác về chiến lược quản trị rủi ro.

CẤU TRÚC QUẢN TRỊ RỦI RO



QUY TRÌNH QUẢN LÝ RỦI RO



Quản trị rủi ro

CÁC RỦI RO CHÍNH VÀ BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ

Xu hướng:

↔ Trung bình

↗ Cao

Trong quá trình hoạt động, Tasco luôn chủ động thực hiện công tác dự báo, phân tích sự thay đổi của môi trường kinh doanh, để nắm bắt các yếu tố rủi ro và cơ hội có khả năng ảnh hưởng đến việc ra quyết định của Tasco để có biện pháp quản trị phù hợp. Các rủi ro được nhận diện, đánh giá định kỳ và được báo cáo kịp thời đến Ban điều hành và Hội đồng quản trị, đảm bảo việc kiểm soát hiệu quả những ảnh hưởng của rủi ro đến kết quả hoạt động kinh doanh và danh tiếng của Công ty.



RỦI RO CHIẾN LƯỢC



Loại rủi ro: Rủi ro phát triển bền vững

Nhận diện rủi ro: Rủi ro có thể phát sinh từ các yếu tố, tác động đến sự phát triển bền vững của Công ty.

Biện pháp:

- Chiến lược phát triển kinh doanh luôn ưu tiên các mục tiêu phát triển bền vững.
- Theo dõi các chỉ số tài chính, phi tài chính.



Loại rủi ro: Rủi ro vĩ mô, nhu cầu sụt giảm

Nhận diện rủi ro: Rủi ro có thể phát sinh do nhu cầu tiêu dùng của thị trường giảm sút, dẫn đến giảm doanh số và lợi nhuận của Công ty.

Biện pháp:

- Lập kế hoạch mục tiêu tổng thể cho từng giai đoạn.
- Cụ thể hóa mục tiêu đến từng đơn vị thành viên, bộ phận, phòng ban.
- Thực hiện chiến lược tinh gọn.
- Ưu tiên thực hiện phát triển theo chiều sâu đối với các hoạt động cốt lõi, thế mạnh của Công ty.



Loại rủi ro: Rủi ro đứt gãy chuỗi cung ứng

Nhận diện rủi ro: Rủi ro có thể phát sinh do gián đoạn, không đảm bảo nguồn cung ứng cho hoạt động kinh doanh.

Biện pháp:

- Lập kế hoạch cụ thể đối với nhu cầu về vật tư, thiết bị phục vụ cho hoạt động kinh doanh.
- Thường xuyên theo dõi và bám sát biến động của thị trường để kịp thời điều chỉnh.
- Chủ động trao đổi, đàm phán với các nhà cung cấp để đa dạng nguồn cung ứng.



Loại rủi ro: Rủi ro danh tiếng

Nhận diện rủi ro: Rủi ro có thể phát sinh do các thông tin, tin tức tiêu cực gây bất lợi, ảnh hưởng đến danh tiếng, thương hiệu của Công ty.

Biện pháp:

- Xây dựng quy chế và quy trình xử lý khủng hoảng truyền thông.
- Giám sát, theo dõi các tin tức, bài viết từ cơ quan báo chí, khách hàng, đối thủ cạnh tranh, người lao động..
- Tổ chức, đào tạo, truyền thông đến các Cán bộ Lãnh đạo trong Tập đoàn về xử lý khủng hoảng truyền thông.



RỦI RO TÀI CHÍNH



Loại rủi ro: Rủi ro mất cân đối dòng tiền

Nhận diện rủi ro: Rủi ro có thể phát sinh do khả năng tính toán, dự báo dòng tiền không chính xác gây mất cân đối về dòng tiền, gây áp lực về khả năng thanh toán.

Biện pháp:

- Lập kế hoạch dòng tiền, kế hoạch ngân sách cụ thể cho từng bộ phận, từng hoạt động và từng khoảng thời gian (tuần, tháng, năm).
- Theo dõi và bám sát dòng tiền thực tế phát sinh để có cập nhật lại kế hoạch dòng tiền cho phù hợp.
- Lập kế hoạch huy động vốn bám sát nhu cầu, đảm bảo thanh khoản.



RỦI RO TUÂN THỦ



Loại rủi ro: Rủi ro không tuân thủ Quy định, quy trình

Nhận diện rủi ro: Rủi ro có thể phát sinh do cán bộ, nhân viên không thực hiện đúng theo các quy định, quy trình của Công ty, dẫn đến thiệt hại hoặc ảnh hưởng tiêu cực đến Công ty (chất lượng sản phẩm, dịch vụ, ảnh hưởng đến uy tín, danh tiếng).

Biện pháp:

- Cập nhật và sửa đổi hệ thống quy trình phù hợp với tình hình thực tế.
- Tổ chức đào tạo, truyền thông đến toàn bộ cán bộ công nhân viên về các giá trị văn hóa, đạo đức trong doanh nghiệp.
- Thực hiện kiểm tra, giám sát định kỳ về tính tuân thủ.



Loại rủi ro: Rủi ro không tuân thủ đúng các quy định của Nhà nước có liên quan

Nhận diện rủi ro: Rủi ro có thể phát sinh do vi phạm hoặc nắm bắt không đầy đủ, không kịp thời các quy định của Nhà nước liên quan đến các hoạt động kinh doanh.

Biện pháp:

- Cập nhật và đào tạo thường xuyên về các chính sách, văn bản của Nhà nước có liên quan đến hoạt động kinh doanh: Văn bản, chính sách thuế, Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán...
- Bộ phận pháp chế kiểm soát vấn đề pháp lý có liên quan đến toàn bộ hoạt động của Công ty.



RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG



Nhận diện rủi ro: Rủi ro có thể phát sinh do tác động hai chiều của biến đổi khí hậu đến hoạt động của công ty hoặc tác động của công ty đối với môi trường xã hội.

Biện pháp:

Rủi ro về môi trường liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty là không cao. Tuy nhiên, Công ty luôn chú trọng việc tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan đến yếu tố môi trường bằng các giải pháp cụ thể như:

- Thực hiện đánh giá tác động môi trường trước khi thực hiện các dự án;
- Xây dựng các định mức chi phí để tiết kiệm việc tiêu thụ năng lượng trong văn phòng...

Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025



Thành viên và cơ cấu Hội đồng Quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
1	Ông Vũ Đình Độ	Chủ tịch HĐQT	0	0
2	Ngô Đức Vũ	Phó Chủ tịch HĐQT	0	0
3	Ông Hồ Việt Hà	Phó Chủ tịch HĐQT	2.400.000	0,224%
4	Ông Nguyễn Danh Hiếu	Phó Chủ tịch HĐQT	0	0
5	Ông Nguyễn Thế Minh	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	12.000	0,001%
6	Bà Phan Thị Thu Thảo	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	0	0
7	Ông Bùi Quang Bách	Thành viên độc lập HĐQT	0	0
8	Bà Đàm Bích Thủy	Thành viên độc lập HĐQT	0	0

Đánh giá chung về hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2025

Trong năm 2025,
Hội đồng quản trị
(HĐQT) bao gồm

08

THÀNH VIÊN

trong đó có 02 thành
viên độc lập, các thành
viên HĐQT được ĐHĐCĐ
bầu và hoạt động theo
nhiệm kỳ 2022 - 2027.

HĐQT luôn đảm bảo các quy định về số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT quy định tại Điều lệ Công ty từng thời kỳ. Hoạt động của HĐQT được duy trì theo Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty, được phân công cụ thể cho các thành viên để thẩm tra các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT để HĐQT ra quyết định, đồng thời giám sát chỉ đạo, đôn đốc Ban Tổng Giám đốc Công ty triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

HĐQT Công ty đã làm việc với tinh thần trách nhiệm và minh bạch trong công tác quản trị, tuân thủ đúng các quy định đối với Công ty đại chúng.

HĐQT Công ty đã duy trì và tổ chức nhiều cuộc họp định kỳ, bất thường qua nhiều phương thức khác nhau theo đúng quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty để kịp thời đưa ra các quyết định/nghị quyết liên quan đến việc tổ chức và hoạt động của Công ty. Các quyết định của HĐQT tại các cuộc họp đều được HĐQT thông qua theo nguyên tắc đa số, biên bản cuộc họp được lập đầy đủ, kịp thời, đúng quy định.

Trong năm 2025, HĐQT luôn bám sát diễn biến thực tế hoạt động kinh doanh của Công ty, linh hoạt chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc để đưa Công ty vượt qua thách thức và đạt được kết quả khả quan, cụ thể như sau:

1

Về công tác hoạch định chiến lược, hoạt động đầu tư

Năm 2025, HĐQT đã phát huy vai trò dẫn dắt trong việc chỉ đạo xây dựng các mục tiêu, chiến lược và kế hoạch kinh doanh với trọng tâm đẩy mạnh các giải pháp chiến lược nhằm nâng cao hiệu quả trong quản trị, điều hành doanh nghiệp, khai thác thế mạnh của toàn hệ thống. Trong đó, tiêu biểu nhất là quyết định dịch chuyển chiến lược, tập trung cho tầm nhìn trở thành **“Hệ sinh thái đầu tư, lấy công nghệ làm nền tảng, kết nối hạ tầng giao thông thông minh, bảo hiểm, đầu tư cho dịch vụ thiết yếu và đổi mới sáng tạo”**.

Bám sát các nội dung đã thông qua của ĐHĐCĐ thường niên 2025, HĐQT đã thống nhất các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh của năm làm định hướng cho Ban TGD triển khai.

2

Về công tác quản trị

Nâng cao chất lượng quản trị công ty phù hợp với quy định hiện hành và thông lệ quốc tế, trong năm 2025, HĐQT đã nâng cao năng lực, cải thiện hoạt động quản trị về chất và lượng, cụ thể:

- HĐQT duy trì hoạt động thường xuyên phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty, 100% thành viên tham gia 20 cuộc họp HĐQT trong năm, đảm bảo yêu cầu về số lượng cuộc họp cũng như số thành viên tham dự để đáp ứng tính pháp lý và hiệu quả cuộc họp.
- HĐQT thực hiện tốt vai trò của mình, theo đó vai trò của thành viên không điều hành được thể hiện rõ đảm bảo tối đa quyền lợi của cổ đông thiểu số.
- HĐQT giám sát việc thực hiện của Ban TGD đối với các quyết định của HĐQT và Nghị quyết ĐHĐCĐ.

Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị

3


Về công tác chỉ đạo, giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc


Hội đồng quản trị thường xuyên theo dõi hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc để đảm bảo tuân thủ và phù hợp các nội dung của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị đã ban hành trong năm 2025. Theo đó, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và giám sát các nội dung sau:

- Giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh và các chỉ tiêu kế hoạch đã đặt ra trong năm 2025.
- Giám sát đảm bảo hoàn thành, nộp và công bố thông tin đúng thời hạn Báo cáo tài chính bán niên và năm 2025 đã kiểm toán và Báo cáo thường niên năm 2025, Báo cáo tài chính Quý 1, Quý 2, Quý 3 và Quý 4 năm 2025.
- Chủ trì, chỉ đạo và tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 vào ngày 31/05/2025 theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty để thông qua các Báo cáo hoạt động của HĐQT và BKS năm 2024; thông qua các phương án phân phối lợi nhuận 2024 và kế hoạch kinh doanh năm 2025....
- Chủ trì, chỉ đạo và tổ chức việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản vào tháng 09 – tháng 10 năm 2025 theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty để thông qua việc tiếp tục chuyển nhượng cổ phần hoán đổi cho nhà đầu tư mới và miễn chào mua công khai.
- Giám sát, chỉ đạo công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch, kịp thời theo đúng quy định pháp luật;
- Đôn đốc và theo dõi tiến độ thực hiện kế hoạch kinh doanh và tiến độ thực hiện các dự án đầu tư trong năm 2025;
- Đẩy mạnh xây dựng văn hóa doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành.

4

Kết quả giám sát


52.533 TỶ ĐỒNG
Doanh thu hợp cộng (+36%)


36.380 TỶ ĐỒNG
Doanh thu hợp nhất (+20%)

Năm 2025, mặc dù hoạt động kinh doanh đối mặt với nhiều thách thức từ vĩ mô, Ban Tổng Giám đốc và ban lãnh đạo Tasco đã linh hoạt trong quản trị điều hành, tận dụng các cơ hội thị trường, giúp công ty hoàn thành những nhiệm vụ quan trọng.

Về kết quả kinh doanh

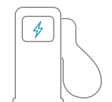
Về kết quả kinh doanh trên Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty ghi nhận doanh thu hợp nhất năm 2025 đạt 36.380 tỷ tăng 20% so với năm 2024. Doanh thu hợp cộng cả năm ước tính đạt 52.533 tỷ đồng, tăng 36% so với năm trước. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 630 tỷ, tăng hơn 2 lần (106,8%) so với năm 2024, hoàn thành vượt kế hoạch ĐHĐCĐ thường niên thông qua.

Kết quả tích cực nêu trên đạt được nhờ:

- Hiệu quả hoạt động kinh doanh cốt lõi tiếp tục được cải thiện, đặc biệt tại các mảng có đóng góp doanh thu lớn, cụ thể lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2025 đạt 3.373 tỷ đồng, tăng 699 tỷ so với năm 2024.
- Hiệu quả từ việc tái cấu trúc danh mục đầu tư, tập trung vào các lĩnh vực mang lại giá trị gia tăng và dòng tiền bền vững;
- Triển khai các chương trình Kaizen, tối ưu chi phí và nâng cao hiệu quả vận hành, qua đó từng bước cải thiện biên lợi nhuận trong dài hạn.



5,07 TỶ ĐỒNG
Hỗ trợ đồng bào và cán bộ nhân viên chịu ảnh hưởng bởi thiên tai



45 TRẠM SẠC XE ĐIỆN
Hưởng tới 150 điểm sạc tại các showroom, xưởng dịch vụ trong hệ thống

Về việc thực hiện các mục tiêu môi trường, xã hội

Công ty tiếp tục phát huy và nâng cao ý thức đóng góp cho sự phát triển bền vững của xã hội và khuyến khích sự tham gia của cán bộ nhân viên trong hệ thống. Trong năm 2025, dưới sự chỉ đạo sát sao của HĐQT và Ban Tổng giám đốc, toàn hệ thống Tasco đã triển khai mạnh mẽ các hoạt động hỗ trợ cộng đồng và thúc đẩy kinh tế xanh:

- Huy động** tổng cộng **5,07 tỷ đồng** hỗ trợ đồng bào và cán bộ nhân viên chịu ảnh hưởng bởi thiên tai. Trong đó, đơn vị đã trực tiếp trao tặng **1 tỷ đồng** tại Gia Lai và **500 triệu đồng** qua Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh Khánh Hòa để khắc phục hậu quả bão lũ.
- Cứu hộ khẩn cấp:** Đội phản ứng nhanh **VETC RSA** đã thực hiện cứu hộ và kéo xe miễn phí cho các phương tiện gặp sự cố ngập lụt tại các điểm nóng Thái Nguyên, Bắc Giang, tiếp nhận cao điểm gần **300 cuộc gọi** mỗi ngày, hỗ trợ đảm bảo vận chuyển nhu yếu phẩm đến với người dân nhanh nhất.
- Hiện thực hóa các mục tiêu Net Zero:** Tiếp tục tối ưu hóa thu phí không dừng và các giải pháp thanh toán thông minh, không dùng tiền mặt (E-parking, xăng dầu, cảng hàng không...), giúp xã hội tiết kiệm chi phí vận hành, in vé, nhân lực, hiệu suất, giảm phát thải, bảo vệ sức khỏe cộng đồng.
- Năng lượng xanh:** Tasco đã và đang triển khai lắp đặt **45 trạm sạc xe điện**, hướng tới **150 điểm sạc tại các showroom, xưởng dịch vụ trong hệ thống** và triển khai các giải pháp năng lượng mặt trời, tích trữ năng lượng (BESS). Những nỗ lực này không chỉ giúp giảm chi phí vận hành cho các nhà máy và khách hàng mà còn góp phần quan trọng vào mục tiêu giảm phát thải nhà kính quốc gia.

5

Kết quả thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2025

- Công ty đã hoàn thành các thủ tục tại UBCKNN và các cơ quan nhà nước có liên quan đối với việc chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ và đã báo cáo về tiến độ sử dụng vốn/số tiền thu được từ đợt chào bán cho UBCKNN theo đúng quy định của pháp luật.
- Với Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2025 (theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản) thông qua việc tiếp tục chuyển nhượng cổ phần hoán đổi cho nhà đầu tư mới và miễn chào mua công khai: ĐHĐCĐ Công ty đã chấp thuận việc tiếp tục chuyển nhượng cổ phần hoán đổi cho nhà đầu tư mới và miễn chào mua công khai. Theo đó, Công ty Cổ phần Tasco Holding (tên cũ: Công ty Cổ phần VII Holding) đã tiến hành nhận chuyển nhượng một phần số cổ phần của các cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết số 01/2024 và Nghị quyết số 01/2025 đã được ĐHĐCĐ Công ty thông qua.
- Trong năm 2025, Công ty không tiếp tục thực hiện tờ trình về việc niêm yết trái phiếu phát hành ra công chúng đã được cổ đông thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2024. Do đó, HĐQT đã dừng các công việc có liên quan tới việc niêm yết trái phiếu phát hành ra công chúng theo Nghị quyết trên.
- Bên cạnh đó, HĐQT cùng Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành việc thực hiện các nội dung khác theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm tài chính 2025: lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập, chi trả thù lao HĐQT, sửa đổi tên viết tắt và bổ sung ngành nghề kinh doanh của Công ty, tăng vốn điều lệ của Công ty ...

Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị

Tổng kết các cuộc họp và các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị



Trong năm 2025,
HĐQT tiến hành

20
cuộc họp và ban hành
28
Nghị quyết

Chủ yếu về các vấn đề sau đây:

- Hoạt động đầu tư, kinh doanh theo định hướng chiến lược: Ban hành các Nghị quyết, quyết định thông qua việc tái cấu trúc, tăng vốn, thoái vốn tại một số công ty con để thuận lợi hoạt động, Thông qua việc cập nhật hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng; Thông qua kết quả đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2024 và tăng vốn điều lệ; Triển khai phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2024; Thông qua việc triển khai các nội dung chuyển nhượng cổ phần cho nhà đầu tư mới - đợt 2...
- Hệ thống quản trị: Hoàn thành đầy đủ và đúng hạn các Báo cáo quản trị năm 2025; công bố thông tin đầy đủ khi giao dịch với người có liên quan; Lựa chọn đơn vị kiểm toán các Báo cáo tài chính của năm tài chính 2025; giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ và các quy định về công bố thông tin, đảm bảo công bằng cho các Cổ đông.
- Quan hệ cổ đông: Triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 và tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản năm 2025 theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Các hoạt động khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Ngoài các phiên họp định kỳ và bất thường, HĐQT còn thường xuyên giao ban công việc hàng tuần, hàng tháng để kiểm tra, đánh giá công việc của HĐQT và giám sát việc thực hiện của Ban Tổng Giám đốc trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT ban hành đều dựa trên sự thống nhất cao của các thành viên. Từng thành viên HĐQT đã nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ quản trị hoạt động doanh nghiệp theo đúng định hướng phát triển, hành động vì lợi ích cổ đông và vì sự phát triển chung của doanh nghiệp.

Về Báo cáo các giao dịch có liên quan của Công ty

Ngày 02/01/2025, HĐQT đã ban hành Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐQT thông qua chủ trương thực hiện các giao dịch với Người có liên quan của Công ty. Trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật, trong năm 2025, Công ty đã tiến hành giao dịch với các bên liên quan bao gồm các công ty con thông qua hoạt động đầu tư, cung cấp/

sử dụng dịch vụ, mua bán hàng hóa của Công ty và các Công ty con theo quy định; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp. Thông tin về các giao dịch cụ thể đã được Công ty báo cáo chi tiết tại Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025.

Hoạt động của thành viên độc lập HĐQT

Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập HĐQT

Năm 2025, cơ cấu thành viên HĐQT của Công ty có 02/08 thành viên đáp ứng các tiêu chí là Thành viên độc lập HĐQT. Các Thành viên độc lập HĐQT tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, tham gia ý kiến, biểu quyết độc lập về các vấn đề, quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT. Các thành viên độc lập HĐQT của Công ty đủ năng lực, kinh nghiệm chuyên môn và đáp ứng

đúng các tiêu chí theo quy định. Bên cạnh đó, Các thành viên độc lập HĐQT tham gia đầy đủ, tích cực vào hoạt động hoạch định, kiểm soát tuân thủ, phản biện chiến lược, đảm bảo tốt các thông lệ quản trị công ty chuẩn mực, thực hiện đúng vai trò, trách nhiệm, góp phần đảm bảo việc ra quyết định được khách quan, độc lập.

Báo cáo đánh giá của thành viên độc lập HĐQT

Đánh giá về hoạt động của HĐQT Công ty trong năm 2025, thành viên độc lập HĐQT nhận định chung như sau:

Về cơ cấu tổ chức và các cuộc họp HĐQT

- Toàn bộ các thành viên HĐQT đều tham gia đầy đủ và tích cực vào hoạt động hoạch định, kiểm soát tuân thủ, phản biện chiến lược, đảm bảo tốt các thông lệ quản trị công ty chuẩn mực;
- HĐQT đã tổ chức 20 phiên họp theo đúng nguyên tắc, quy định về trình tự thủ tục triệu tập và ra quyết định;
- Các vấn đề liên quan đến chiến lược kinh doanh, chiến lược tài chính, văn hóa doanh nghiệp, xây dựng hệ thống quản lý...đều được thảo luận, kiểm soát chặt chẽ giữa HĐQT và Ban TGD.

Về công tác quản trị và giám sát

- HĐQT đã tuân thủ các quy định về quản trị công ty, triệu tập các cuộc họp định kỳ và bất thường nhằm kịp thời chỉ đạo, ban hành các quyết định phù hợp với tình hình thực tế.
- Thành viên HĐQT giữ chức danh trong Ban TGD thường xuyên tham dự các cuộc họp định kỳ và bất thường của Ban TGD. HĐQT đã thực hiện đúng vai trò, trách nhiệm trong việc chỉ đạo, hỗ trợ, giám sát Ban TGD thực hiện các nội dung đã được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, đồng thời hài hòa lợi ích của Công ty.

Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2026

Bước sang năm 2026, Tasco đã hoàn tất giai đoạn chuẩn bị về hạ tầng để sẵn sàng bứt phá. Với tâm thế quyết liệt, HĐQT định hướng tập trung vào việc tối ưu hóa hiệu suất và nâng cao trải nghiệm khách hàng dựa trên nền tảng công nghệ và hệ giá trị cốt lõi 3Ts.



SMART MOBILITY: Hoàn thiện hạ tầng sẵn sàng cho tầm nhìn dài hạn

HĐQT tập trung chỉ đạo cộng hưởng các nguồn lực để tối ưu hóa chuỗi giá trị và trải nghiệm khách hàng:

- **Tasco Auto & Carpla:** Sau khi hoàn thiện mạng lưới 200+ điểm kinh doanh, trọng tâm năm 2026 là nâng cao hiệu suất vận hành và chất lượng dịch vụ. Đẩy mạnh khai thác danh mục sản phẩm đa dạng từ phổ thông đến hạng sang (Volvo, Zeekr, Lotus) và các dịch vụ hạ nguồn (xưởng 3S, Carpla stop & go, cứu hộ VETC, phụ tùng-phụ kiện). Mục tiêu cốt lõi là tạo ra hành trình an tâm cho khách hàng trên mọi điểm chạm, dựa trên nền tảng công nghệ đồng bộ.
- **VETC – Digital Hub:** Kiên định lộ trình trở thành nền tảng số chuyên biệt cho 100% chủ sở hữu xe ô tô. VETC đóng vai trò là trung tâm kết nối, giúp khách hàng số hóa toàn bộ các nhu cầu giao thông từ thu phí không dừng, bãi đỗ xe đến các tiện ích như đăng kiểm, bảo trì-bảo dưỡng và lưu trữ giấy tờ trên một nền tảng duy nhất.
- **Dịch vụ Tài chính:** Hoàn thiện hệ sinh thái thông qua các giải pháp tài chính số như Co-lending, BNPL (mua trước trả sau) và thẻ Master Mobility Co-brand. Mô hình này giúp chia sẻ lợi nhuận bền vững với các ngân hàng đối tác, đồng thời cung cấp các đặc quyền chuyên biệt nhằm gia tăng sự gắn kết của khách hàng mà không cần trực tiếp sở hữu giấy phép.



BẢO HIỂM

Tận dụng mạng lưới chi nhánh đã phủ khắp 34/34 tỉnh thành và hạ tầng công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu suất. Mục tiêu đưa Bảo hiểm Tasco vào Top 10 từ năm 2027 và định hướng vào Top 5 Công ty bảo hiểm phi nhân thọ hàng đầu từ năm 2030, tạo giá trị gia tăng lớn cho chiến lược dài hạn của tập đoàn.



ĐẦU TƯ

Các khoản đầu tư chiến lược tại DNP Holding đã đi vào giai đoạn tăng trưởng, hiệu quả, đóng góp rõ nét vào kết quả kinh doanh chung của toàn hệ thống từ năm 2025. Tiếp tục định hướng vào các lĩnh vực thiết yếu như nước sạch, y tế và năng lượng tái tạo (giải pháp tích trữ BESS), phù hợp với cam kết về trách nhiệm môi trường; Khai thác tối ưu sự tăng trưởng từ các đơn vị thành viên, đặc biệt là tại DNP Holding, đảm bảo các chỉ số tài chính đóng góp thực chất vào kết quả kinh doanh hợp nhất.

Đẩy mạnh tiến độ các dự án bất động sản trọng điểm sau khi đã hoàn thiện hồ sơ pháp lý: Dự án Việt Trì Legacy Lakeside (17ha, Phú Thọ) khởi công tháng 3/2026, triển khai bán hàng và có nguồn thu ngay từ năm 2026. Dự án Chi Đông (40 ha, Mê Linh, Hà Nội): Hoàn thiện các bước chuẩn bị dựa trên quy hoạch 1/500 điều chỉnh, sẵn sàng cho công tác triển khai xây dựng từ năm 2027. Dự án Xuân Phương (31,4ha): Chỉ đạo, phối hợp với Ban điều hành đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện pháp lý trong năm 2026 dựa trên các cơ chế tháo gỡ khó khăn cho các dự án BT.

Báo cáo của Ban Kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ
1	Ông Nguyễn Minh Hiếu	Trưởng Ban kiểm soát	0	0
2	Bà Hoàng Thị Soa	Thành viên Ban kiểm soát	0	0
3	Bà Trần Thị Linh	Thành viên Ban kiểm soát	0	0

Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và Cổ đông

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết
1	Ông Nguyễn Minh Hiếu	Trưởng BKS	02/02	100%	100%
2	Bà Hoàng Thị Soa	Thành viên BKS	02/02	100%	100%
3	Bà Trần Thị Linh	Thành viên BKS	01/02	100%	

Năm 2025, BKS đã hoàn thành việc giám sát HĐQT, Ban Tổng Giám đốc ở nhiều hoạt động, bao gồm:

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025: BKS đã theo dõi chặt chẽ tiến độ triển khai và ghi nhận Ban lãnh đạo Công ty đã và đang thực hiện đúng kế hoạch đề ra trong Nghị quyết.
- Thẩm định báo cáo tài chính hàng quý, báo cáo soát xét 6 tháng đầu năm 2025 và Báo cáo tài chính năm kiểm toán: Thông qua hoạt động của Phòng Kế toán, Bộ phận kiểm toán nội bộ, trao đổi trực tiếp với kiểm toán độc lập trong các đợt soát xét năm 2025 để kịp thời cập nhật, đánh giá kết quả kiểm toán trước khi Công ty phát hành báo cáo ra công chúng.
- Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông.
- Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát, đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

- BKS đã chủ động phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong công tác kiểm tra, giám sát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; thường xuyên trao đổi thông tin và tài liệu liên quan.
- BKS đóng góp ý kiến với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.
- HĐQT và Ban Tổng Giám đốc tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT NĂM 2025



Thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2025, trên cơ sở kế hoạch chi trả thù lao cho HĐQT và BKS năm 2025 đã được ĐHĐCĐ phê duyệt và ủy quyền cho HĐQT xem xét thực hiện. Thông tin chi tiết được trình bày tại Thuyết minh số VIII (mục Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt) trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 (đã được kiểm toán) tại Chương VI Báo cáo thường niên Tasco 2025.

Thông tin cổ phiếu và cơ cấu cổ đông

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cơ cấu cổ đông theo
 Danh sách cổ đông tại
 ngày chốt 25/09/2025
 do Tổng Công ty lưu
 ký và bù trừ chứng
 khoán Việt Nam
 cung cấp.



Phân loại cổ đông theo tỷ lệ sở hữu

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên (cổ đông lớn)	302.564.000	28,32%
2	Cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ dưới 5% trở xuống (cổ đông nhỏ)	765.721.581	71,68%

Phân loại cổ đông theo tiêu chí tổ chức và cá nhân

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Cổ đông là các tổ chức	17.908.059	1,68%
2	Cổ đông là cá nhân	218.688	0,02%

Phân loại cổ đông trong nước và nước ngoài

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Cổ đông trong nước	1.056.406.712	98,89%
2	Cổ đông nước ngoài	11.878.869	1,11%
	Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa	49%	

Phân loại cổ đông Nhà nước và các cổ đông khác

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Cổ đông Nhà nước	0	0%
2	Cổ đông khác	1.068.285.581	100%

TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Thời gian	Lý do tăng vốn	Giá trị phát hành (đồng)	Tổng vốn sau phát hành (đồng)
6/2000	Thời điểm cổ phần hóa		7.000.000.000
4/2003	Phát hành cổ phiếu thưởng từ quỹ đầu tư phát triển cho cổ đông hiện hữu	3.000.000.000	10.000.000.000
4/2003	<ul style="list-style-type: none"> Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên. Phát hành cổ phiếu thưởng từ quỹ đầu tư phát triển cho cổ đông hiện hữu. 	6.000.000.000	16.000.000.000
8/2007	<ul style="list-style-type: none"> Phát hành cho cổ đông hiện hữu; Chia cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu; Phát hành cho những người ứng vốn cho dự án xử lý rác thải TP. HCM; Phát hành cho đối tác chiến lược; Phát hành cho cán bộ chủ chốt trong Công ty và các công ty con. 	39.000.000.000	55.000.000.000
12/2009	<ul style="list-style-type: none"> Phát hành cho cổ đông hiện hữu Phát hành cho cổ đông chiến lược Phát hành cho CBCNV Công ty và các công ty con 	80.000.000.000	135.000.000.000
3/2010	Tăng vốn chủ sở hữu do phát hành cổ phiếu	214.976.000.000	349.976.000.000
21/05/2013	Tăng vốn chủ sở hữu do trả cổ tức năm 2011 + 2012 bằng cổ phiếu	69.994.710.000	419.970.710.000
07/06/2013	Chuyển đổi trái phiếu HUT - CB2012 thành cổ phiếu	226.504.200.000	646.474.910.000
07/04/2014	Tăng vốn chủ sở hữu do phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho cổ đông chiến lược	200.000.000.000	846.474.910.000
30/12/2014	Chuyển đổi trái phiếu HUT- CB2013 thành cổ phiếu	100.000.000.000	946.474.910.000
10/04/2015	Tăng vốn chủ sở hữu do phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho đối tác chiến lược	200.000.000.000	1.146.474.910.000
10/06/2015	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm cho cổ đông hiện hữu	137.572.420.000	1.284.047.330.000
01/06/2016	Tăng vốn chủ sở hữu do phát hành cổ phiếu ra công chúng	400.126.830.000	1.684.174.160.000
25/09/2016	Giá trị chuyển đổi trái phiếu HUTCB2015 thành cổ phiếu	79.120.000.000	1.763.294.160.000
20/06/2017	Cổ tức năm 2016 trả bằng cổ phiếu (7%) cho cổ đông	141.054.970.000	1.904.349.130.000
03/08/2017	Tăng vốn do phát hành tăng 50.000.000 cổ phiếu - Winstar góp	500.000.000.000	2.404.349.130.000
25/09/2017	Giá trị chuyển đổi trái phiếu HUTCB2015 thành cổ phiếu (lần 2)	106.240.000.000	2.510.589.130.000
07/12/2018	Cổ tức năm 2017 trả bằng cổ phiếu (7%) cho cổ đông	175.730.520.000	2.686.319.650.000
17/12/2021	Tăng vốn chủ sở hữu do phát hành cổ phiếu riêng lẻ	800.000.000.000	3.486.319.650.000
15/09/2023	Tăng vốn chủ sở hữu do phát hành cổ phiếu riêng lẻ	5.438.800.000.000	8.925.119.650.000
08/09/2025	Tăng vốn chủ sở hữu do chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu	8.925.119.650.000	10.682.855.810.000

Thông tin cổ phiếu và cơ cấu cổ đông

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ: Không

CHỨNG KHOÁN GIAO DỊCH TẠI THỊ TRƯỜNG NƯỚC NGOÀI: Không

CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC: Không

TỶ LỆ SỞ HỮU CỔ PHẦN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Họ và tên	Chức vụ tại Công ty/ Mỗi quan hệ đối với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu tại thời điểm hiện tại	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu tại thời điểm hiện tại
1	Hồ Việt Hà	Phó Chủ tịch HĐQT	2.400.000	0,224%
2	Nguyễn Thế Minh	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	12.000	0,001%
3	Phạm Đức Minh	Phó Tổng Giám đốc	36.000	0,003%
4	Nguyễn Hải Hà	Phó Tổng Giám đốc	10.000	0,001%
5	Công ty Cổ phần Tasco Holding (tên cũ: Công ty Cổ phần VII Holding)	Người có liên quan của người nội bộ (Ông Vũ Đình Độ là Chủ tịch HĐQT (kiêm Người đại diện pháp luật) tại Công ty Cổ phần Tasco Holding)	320.485.000	30%

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
1	Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia	Người có liên quan của người nội bộ (Ông Bùi Quang Bách là Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia)	0	0%	3.500.000	0,33%	Mua
2	Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia	Người có liên quan của người nội bộ (Ông Bùi Quang Bách là Thành viên HĐQT của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc Gia)	3.500.000	0,33%	0	0%	Bán
3	Công ty Cổ phần Tasco Holding (tên cũ: Công ty Cổ phần VII Holding)	Người có liên quan của người nội bộ (Ông Vũ Đình Độ là Chủ tịch HĐQT (kiêm Người đại diện pháp luật) tại Công ty Cổ phần Tasco Holding)	0	0%	320.485.000	30%	Mua
4	Ông Phạm Đức Minh	Người nội bộ	30.000	0,003%	36.000	0,003%	Mua
5	Ông Hồ Việt Hà	Người nội bộ	2.000.000	0,224%	2.400.000	0,224%	Mua



HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

Trong năm 2025, Phòng Quan hệ Nhà đầu tư (IR) của Tasco đã triển khai đồng bộ nhiều hoạt động trọng tâm với mục tiêu nâng cao tính minh bạch và chủ động trong đối thoại.



Một trong những ưu tiên hàng đầu là nâng cao chất lượng công bố thông tin ra thị trường. Tasco không chỉ tuân thủ nghiêm túc các quy định về công bố thông tin định kỳ và bất thường, mà còn chủ động chia sẻ những định hướng chiến lược quan trọng của công ty. Các tài liệu như báo cáo tài chính, bản tin nhà đầu tư và thông tin cập nhật được đăng tải công khai tại chuyên mục **“Quan hệ Cổ đông”** trên website chính thức: **www.tasco.com.vn**, đảm bảo mọi cổ đông – cá nhân hay tổ chức, trong nước hoặc quốc tế – đều được tiếp cận thông tin một cách minh bạch và công bằng.

Bên cạnh đó, Tasco chủ động tổ chức các buổi gặp gỡ nhà đầu tư dưới cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến. Đây là cơ hội để công ty không chỉ truyền tải thông tin một cách đầy đủ và kịp thời mà còn lắng nghe ý kiến, giải đáp thắc mắc và tiếp nhận phản hồi từ cộng đồng đầu tư – qua đó củng cố lòng tin và sự đồng hành lâu dài.

Trong năm qua, Tasco đã chủ động tăng cường hoạt động kết nối với cộng đồng nhà đầu tư thông qua việc mời tham dự và đồng hành tại các sự kiện trọng điểm của doanh nghiệp và đối tác chiến lược, qua đó nâng cao mức độ minh bạch, củng cố niềm tin thị trường và truyền tải rõ nét hơn câu chuyện tăng trưởng của Tập đoàn trong giai đoạn tái cấu trúc. Tiêu biểu, Tasco đã tổ chức các chương trình Mobility day, corporate tour, site visit, các sự kiện ký kết hợp tác, phân phối xe mới, ra mắt dịch vụ RSA cứu hộ toàn quốc, để giúp Nhà đầu tư, cổ đông và các bên liên quan như báo chí, đối tác hiểu hoạt động kinh doanh thực tế của Tasco, đồng thời chứng kiến những bước tiến quan trọng trong chiến lược mở rộng hệ sinh thái kinh doanh ô tô và dịch vụ di chuyển thông minh.

Thông qua các chuỗi sự kiện này, nhà đầu tư có cơ hội trực tiếp tiếp cận chiến lược hợp tác với đối tác quốc tế, mô hình phân phối – bán lẻ, cũng như định hướng phát triển chuỗi giá trị khép kín từ phân phối xe, dịch vụ hậu mãi đến các giải pháp tài chính – bảo hiểm. Việc “trải nghiệm thực tế” sản phẩm và mô hình vận hành giúp nhà đầu tư đánh giá đầy đủ hơn năng lực triển khai chiến lược, mức độ sẵn sàng của hệ thống bán lẻ và triển vọng thương mại hóa trong trung – dài hạn.

Kế hoạch năm 2026, Tasco đặt mục tiêu tiếp tục tham gia các sự kiện đầu tư lớn do các định chế tài chính hàng đầu tổ chức, đồng thời nâng cao chất lượng thông tin công bố, đảm bảo phản hồi nhanh chóng trước mọi yêu cầu từ nhà đầu tư và giới phân tích.



CHƯƠNG

05.

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 88 Tổng quan về phát triển bền vững
- 92 Báo cáo đánh giá tác động về kinh tế - xã hội - môi trường
- 94 Hoạt động phát triển bền vững tiêu biểu năm 2025
- 106 Phát triển tổ chức và nguồn nhân lực

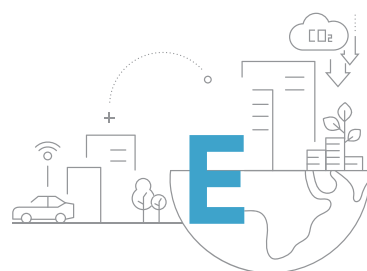
Tổng quan về phát triển bền vững tại Tasco

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tasco theo đuổi sứ mệnh xây dựng một chuỗi dịch vụ toàn diện, hướng đến việc giải quyết các thách thức xã hội và hiện thực hóa tầm nhìn “Trở thành Hệ sinh thái đầu tư lấy công nghệ làm nền tảng, kết nối Hạ tầng giao thông - Bảo hiểm - Đầu tư cho dịch vụ thiết yếu và đổi mới sáng tạo”. Chúng tôi đặt trọng tâm vào tăng trưởng kinh tế song hành cùng bảo vệ môi trường, trách nhiệm xã hội và quản trị doanh nghiệp tinh gọn, hiệu quả, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững trong dài hạn.



Trên cơ sở đó, hoạt động phát triển bền vững của Tasco tập trung vào các định hướng sau:

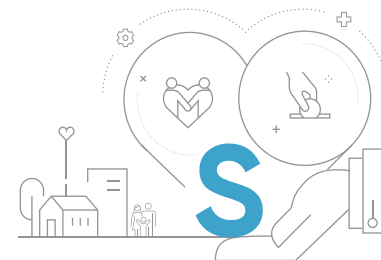


Bảo vệ môi trường và xanh hóa hoạt động kinh doanh



Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo (AI) nhằm số hóa các hoạt động để giảm thiểu tác động đến môi trường;

Xanh hóa hoạt động kinh doanh thông qua nâng cao hiệu suất và hiệu quả sử dụng năng lượng, giảm mức tiêu hao năng lượng trong hoạt động kinh doanh.



Thực hiện trách nhiệm với cộng đồng xã hội



Thực hiện trách nhiệm xây dựng cộng đồng bền vững thông qua việc kiến tạo chuỗi dịch vụ toàn diện từ hạ tầng giao thông thông minh, dịch vụ ô tô, tài chính, bảo hiểm, nghỉ dưỡng tái tạo sức lao động và đầu tư cho tương lai vì sự an toàn và sức khỏe con người, lấy con người làm trung tâm, từ đó góp phần bảo đảm sự bình an và phát triển cộng đồng bền vững;

Tích cực triển khai các hoạt động xã hội, từ thiện để giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn.



Quản trị tinh gọn, hiệu quả



Áp dụng các mô hình tổ chức quản trị hiện đại, linh hoạt; tối ưu hóa bộ máy quản trị và nguồn lực đầu tư cho các lĩnh vực mũi nhọn và có ưu thế;

Tích hợp các vấn đề Quản trị - Xã hội và Môi trường trong hoạt động kinh doanh, đánh giá chuỗi giá trị và quản trị rủi ro hoạt động.



Tổng quan về phát triển bền vững tại Tasco

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

HÃY BẮT ĐẦU TỪ NHỮNG
HÀNH ĐỘNG NHỎ
ĐỂ TẠO NÊN NHỮNG
THAY ĐỔI LỚN

LỘ TRÌNH
HƯỚNG ĐẾN



2030

Mục tiêu cắt giảm
20%

lượng phát thải khí nhà kính
vào năm 2030

2050

Mục tiêu phát thải ròng bằng
0%

Net Zero vào năm 2050



Hành động

- Tiết giảm khí thải CO₂ ra môi trường
- Bảo vệ môi trường
- Sử dụng tiết kiệm giấy
- Sử dụng tiết kiệm năng lượng (điện, nước)
- Sử dụng tiết kiệm tài nguyên nước

Giải pháp

- Trồng thêm cây xanh, cây cảnh. Sử dụng dịch vụ thu phí không dừng, giảm ùn tắc và phát thải ra môi trường
- Sử dụng chất liệu thân thiện với môi trường, bảo vệ đa dạng sinh học (các loài động vật, thực vật tự nhiên tại Six Senses Ninh Vân Bay, Ana Mandara Đà Lạt...)
- Áp dụng nguyên tắc 3R (Reduce - Reuse - Recycle). Ứng dụng công nghệ RFID để bỏ vé giấy khi thu phí, tận dụng in 2 mặt...
- Sử dụng thiết bị tiết kiệm năng lượng. Tắt công tắc khi không sử dụng
- Tái sử dụng nguồn nước sinh hoạt



Báo cáo đánh giá tác động liên quan đến kinh tế - xã hội - môi trường của Tasco

Tasco xác định doanh nghiệp chỉ có thể phát triển bền vững khi gắn kết mục tiêu tăng trưởng kinh tế, quản trị doanh nghiệp với thực hiện đóng góp cho phát triển xã hội và bảo vệ môi trường. Nếu không kết hợp các mục tiêu, doanh nghiệp khó có thể phát triển bền vững do sẽ phải gánh chịu tác động từ sự bất ổn và mất cân đối về kinh tế, xã hội và môi trường.

Nhằm hiện thực hóa các mục tiêu về phát triển bền vững, trong năm 2025, Ban Tổng Giám đốc Tasco đã bám sát theo định hướng của Hội đồng Quản trị, tích cực chỉ đạo triển khai các hoạt động ESG song hành với đảm bảo hoàn thành các mục tiêu kinh doanh.

Các tác động về kinh tế, xã hội, môi trường được chúng tôi xem xét và đánh giá trên các khía cạnh sau:



TÁC ĐỘNG VỀ KINH TẾ

- Hoạt động kinh doanh ổn định và tăng trưởng, đóng góp cho sự phát triển kinh tế chung, tạo ra giá trị gia tăng cho cổ đông, người lao động và đóng góp trở lại cho nền kinh tế.
- Tiết giảm chi phí cho nền kinh tế và xã hội từ việc tiết kiệm thời gian lưu thông của người và hàng hóa, tiết kiệm nhiên liệu, tăng tuổi thọ của xe; chi phí in vé và các chi phí khác.

Giá trị kinh tế tạo ra

52.533 TỶ VNĐ ↑ +36%
Doanh thu hợp cộng toàn hệ thống

630 TỶ VNĐ ↑ +107%
Lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ 2024.

609,7 TỶ VNĐ
Số thuế nộp vào ngân sách nhà nước, thuộc top các công ty nộp thuế lớn nhất.

Tiết kiệm chi phí cho nền kinh tế

443 TRIỆU USD
Hệ thống thu phí ETC đã tiết giảm cho xã hội tổng chi phí lên tới gần 443 triệu USD

Trong đó: Giảm 191.860 tấn CO₂, tiết kiệm 60.816 tấn nhiên liệu, 93,3 triệu giờ lao động và 37,3 triệu giờ tuổi thọ phương tiện.

Dự phóng đến năm 2030, giá trị kinh tế mà hệ thống ETC mang lại cho xã hội dự kiến tăng 1,77 lần (kịch bản cơ sở) và 2,21 lần (kịch bản tích cực) so với năm 2023.

TÁC ĐỘNG VỀ XÃ HỘI

- Tạo công ăn việc làm, giúp người dân ổn định cuộc sống.
- Chung tay hỗ trợ khắc phục hậu quả thiên tai, giúp các khu vực bị ảnh hưởng sớm tái thiết sau thiên tai.
- Phát triển dịch vụ cứu hộ toàn quốc, giúp cộng đồng an tâm trong hành trình di chuyển

Phát triển cộng đồng bền vững

13.002 VIỆC LÀM

Tạo ra công ăn việc làm cho cộng đồng

Ủng hộ

5,07 TỶ VNĐ

tới MTTQ, người dân và cán bộ nhân viên trong hệ thống tại Khánh Hòa, Gia Lai, Đắk Lắk bị thiệt hại nặng trong đợt mưa bão tháng 11/2025, góp phần hỗ trợ khắc phục hậu quả, sớm ổn định cuộc sống và tái thiết sau thiên tai.

Đầu tư hệ thống hơn

300 XE VETC CỨU HỘ

và chính thức đi vào vận hành Trung tâm Cứu hộ Toàn quốc 24/7 trên toàn quốc, tạo điểm tựa an toàn cho người dân và tài xế trên mọi cung đường, nhất là khi gặp sự cố bất ngờ hoặc thiên tai.

TÁC ĐỘNG VỀ MÔI TRƯỜNG

- Giảm phát thải ra môi trường thông qua các giải pháp giao thông số thông minh
- Thúc đẩy chuyển đổi sang sử dụng năng lượng mới
- Bảo vệ các cá thể và bảo tồn môi trường tự nhiên.

Bảo vệ môi trường và xanh hóa hoạt động kinh doanh

253 MẢNH SAN HỒ ĐƯỢC CẤY GHÉP

thêm 4 khung san hô và 2 bồn ươm san hô được trồng mới trên vịnh Ninh Vân

15.300 CÂY XANH

được trồng mới trong năm 2025

211 CÁ THỂ VỌC

được bảo tồn, tăng gấp đôi trong vòng 5 năm qua.

10.590 KG

rác được thu gom

1.000+ HỌC SINH ĐỊA PHƯƠNG

được hưởng lợi từ chương trình giáo dục

Giảm thiểu khí thải ô nhiễm môi trường

Ước tính giảm khoảng

407.036 TẤN CO₂

phát thải ra môi trường khi áp dụng hệ thống thu phí tự động ETC tại Việt Nam và mở rộng sang các giải pháp thu phí không tiền mặt như VETC eparking, đỗ xăng dầu,...

Hoạt động phát triển bền vững tiêu biểu năm 2025

Tasco đóng góp cho sự phát triển bền vững của cộng đồng, xã hội thông qua việc tập trung cho sự kết nối bền vững và hiện thực hóa thông qua các lĩnh vực cụ thể, khuyến khích sự tham gia của cán bộ nhân viên trong hệ thống.

Chúng tôi ưu tiên đầu tư
cho 03 hoạt động trọng tâm:



1

PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM, DỊCH VỤ BỀN VỮNG

Lấy chất lượng sản phẩm và dịch vụ làm nền tảng cho sự phát triển bền vững, Tasco tập trung nguồn lực vào phát triển chuỗi dịch vụ ô tô và hạ tầng giao thông thông minh, thanh toán số hướng đến các giải pháp an toàn, hiệu quả cho xã hội.

Thu phí không dừng VETC - Giảm phát thải và tiết giảm hàng nghìn tỷ đồng chi phí cho xã hội mỗi năm

Là đơn vị tiên phong triển khai và vận hành thu phí không dừng tại Việt Nam, VETC luôn xác định sứ mệnh đóng góp tích cực vào việc xây dựng hạ tầng giao thông thông minh tại Việt Nam, mang lại lợi ích thiết thực cho xã hội. Những kết quả ấn tượng mà hệ thống VETC đang vận hành đã mang lại các kết quả cụ thể: giảm đáng kể thời gian di chuyển, loại bỏ tình trạng tắc nghẽn giao thông tại các trạm thu phí, giảm mức tiêu thụ nhiên liệu và giảm lượng khí thải tương đương CO₂. Qua đó, hiệu quả vận chuyển, môi trường và sức khỏe cộng đồng được cải thiện rõ rệt.



75%

thị phần ETC tại Việt Nam

136

Trạm thu phí kết nối

765

Làn thu phí trên các tuyến huyết mạch

Theo nghiên cứu của Giáo sư, Tiến sĩ Vũ Minh Khương - Giảng viên Trường Chính sách công Lý Quang Diệu, Đại học Quốc gia Singapore (NUS), năm 2023 là năm đầu tiên triển khai đầy đủ ETC trên đường cao tốc tại Việt Nam, tổng lượng khí thải CO₂ giảm được lên tới 191.860 tấn, nhờ giảm 60.816 tấn xăng và nhiên liệu diesel tiêu thụ tại các trạm thu phí. Cùng năm đó, xã hội tiết kiệm được 93,3 triệu giờ cho nhân lực và 37,3 triệu giờ cho tuổi thọ của phương tiện. Xét về giá trị tương đương bằng tiền, Báo cáo chỉ ra tổng chi phí tiết kiệm được cho xã hội trong năm 2023 qua bốn thước đo - năng lượng, nhân lực, tuổi thọ phương tiện và chi phí vận hành - lên tới 442,7 triệu USD (tương đương hơn 11.000 tỷ VNĐ). So với thời điểm bắt đầu thúc đẩy ETC năm 2019, lợi ích của việc giảm lượng khí thải tương đương CO₂ và tổng tiết kiệm tương đương tiền đã tăng 14 lần. Tính chung cả giai đoạn 2019-2023, giá trị lợi ích mà Việt Nam thu được từ việc triển khai ETC tương đương giá trị gần 1 tỷ USD.

Hoạt động phát triển bền vững tiêu biểu năm 2025

Thu phí không dừng VETC - Giảm phát thải và tiết giảm hàng nghìn tỷ đồng chi phí cho xã hội mỗi năm



Áp dụng thu phí tự động ETC tại Việt Nam có thể giúp giảm

2,3 TRIỆU TẤN KHÍ THẢI CO₂

Tiết kiệm

727 NGHÌN TẤN XĂNG VÀ DẦU DIESEL

465 TRIỆU USD

chi phí vận hành cho việc thu phí

Ước tính cả giai đoạn 2019-2030, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng việc áp dụng thu phí tự động ETC tại Việt Nam có thể giúp giảm 2,3 triệu tấn khí thải CO₂, tiết kiệm 727 nghìn tấn xăng và dầu diesel, hơn 1 tỷ giờ nhân lực, 445 triệu giờ tuổi thọ phương tiện và 465 triệu USD chi phí vận hành cho việc thu phí. Tính theo giá trị tương đương tiền, tổng lợi ích kinh tế mang lại cho xã hội trong giai đoạn nêu trên khoảng 5,3 tỷ USD.

Dù còn gặp nhiều khó khăn, VETC vẫn không ngừng nỗ lực mang lại những giải pháp tổng thể về hạ tầng giao thông thông minh, đóng góp tích cực cho xã hội. Hiện nay, VETC có mạng lưới kết nối 136 trạm - 765 làn thu phí, phục vụ 4,4 triệu chủ xe và xử lý bình quân 1,8 triệu giao dịch mỗi ngày, cao điểm lên đến 2,3 triệu giao dịch/ngày, tổng cộng có hơn 700 triệu giao dịch trong năm 2025.

Ngày nay, khách hàng không chỉ sử dụng VETC cho dịch vụ thu phí không dừng trên đường cao tốc, bãi đậu xe, cảng hàng không, tích điểm loyalty cho chi tiêu giao thông, mà còn đang hướng tới số hoá toàn bộ giấy tờ giao thông, tra cứu phạt nguội, thanh toán các khoản phí, lệ phí liên quan tới giao thông, nộp phí báo trì đường bộ, nhắc lịch bảo trì-bảo dưỡng, đăng kiểm, bảo hiểm trách nhiệm dân sự,...; Từ 2025, VETC đã và đang cung cấp dịch vụ như VETC cứu hộ, VETC TNDS với trải nghiệm digital xuyên suốt 100% hành trình, từ tìm hiểu, lựa chọn, mua, thanh toán, lưu trữ giấy tờ trên cùng nền tảng VETC Digital.

VETC mở rộng ứng dụng RFID vào bãi đỗ xe thông minh và các dịch vụ thanh toán không tiền mặt



Tiếp nối thành công của dịch vụ thu phí điện tử không dừng (ETC) theo công nghệ RFID, VETC tiếp tục mở rộng ứng dụng ETC vào bãi đỗ xe thông minh (E-Parking). Tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh hiện có hơn 300 điểm thu phí đậu xe không dùng tiền mặt, bao gồm bãi đỗ ô tô và xe máy. Hệ thống đã ghi nhận hơn 500.000 lượt giao dịch, với 100% thanh toán qua ví VETC & mã QR.

Bên cạnh đó, sau khi VETC được Ngân hàng Nhà nước cấp phép cung cấp dịch vụ trung gian thanh toán, ví điện tử, Công ty đã tích hợp thanh toán đa dịch vụ trên Ví. Theo đó, Ví điện tử VETC không chỉ hỗ trợ thanh toán phí trên cao tốc & bãi đỗ xe, mà còn mở rộng trả phí vào cổng sân bay, bến tàu, mua xăng dầu, nhiên liệu & tiêu dùng bán lẻ. Sự phát triển của hệ thống ETC là tất yếu để hiện đại hóa cơ sở hạ tầng giao thông đường bộ. Thông qua giảm tắc nghẽn, giảm lượng khí thải và nâng cao hiệu quả hoạt động, hệ thống ETC cung cấp các giải pháp bền vững cho những thách thức về di chuyển trong và ngoài đô thị.

Trong thời gian tới, VETC sẽ tối ưu hạ tầng ETC hiện có để nâng cao chất lượng dịch vụ trung gian thanh toán, đặt nền móng cho mô hình bỏ barie, bỏ trạm thu phí, chỉ sử dụng thiết bị ETC trên giá long môn, tương tự hệ thống tại Đài Loan & Singapore. Chủ phương tiện có thể trả sau, thanh toán online theo nhu cầu, góp phần thúc đẩy đô thị thông minh, hiện đại và tiện lợi hơn cho người dân.

Đưa xe năng lượng mới về Việt Nam - Thúc đẩy xu hướng giao thông xanh

Trong bối cảnh các thách thức từ biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng, chất lượng không khí đang suy giảm thì xu hướng điện hóa và “di chuyển xanh” đang lan tỏa nhanh chóng trong ngành ô tô trên toàn cầu. Chính phủ các nước đưa ra những quy định về việc thay đổi loại phương tiện từ thuần xăng, dầu sang điện hóa như xe hybrid và xe thuần điện để giảm thiểu tác động đến môi trường. Trên toàn cầu, các nhà sản xuất ô tô đang nhanh chóng triển khai các công nghệ xe điện mới, tập trung vào việc kiểm soát chi phí và nâng cao trải nghiệm của người dùng xe điện, đặc biệt là hạ tầng, công nghệ sạc, pin.

Là hệ thống phân phối và dịch vụ ô tô lớn nhất tại Việt Nam, Tasco đã nhìn nhận và chuẩn bị cho xu thế điện hóa trong lĩnh vực ô tô. Tiếp nối làn sóng điện hóa, năm 2025, Tập đoàn đã mở rộng hiện diện trong phân khúc xe năng lượng mới với mẫu xe thuần điện Geely EX5 và xe plug-in hybrid như Lynk & Co 08 và có kế hoạch đưa thêm các mẫu xe mới như Geely EX2 và EX5 EM-i về Việt Nam, từng bước khẳng định định hướng phát triển danh mục sản phẩm đa dạng, đón đầu xu thế dịch chuyển xanh của thị trường.

Với vị thế là hệ thống phân phối và dịch vụ ô tô lớn nhất tại Việt Nam, Tasco luôn chủ động tiên phong trong lộ trình điện hóa phương tiện giao thông. Trong năm 2025, Tập đoàn đã ghi dấu ấn mạnh mẽ khi mở rộng danh mục sản phẩm sang phân khúc xe năng lượng mới (NEV) với các dòng xe thuần điện tiêu biểu như Geely EX5 và xe Plug-in Hybrid (PHEV) như Lynk & Co 08. Lộ trình này sẽ tiếp tục được đẩy mạnh trong năm 2026 thông qua việc ra mắt các mẫu xe chiến lược như Geely EX2 và EX5 EM-i và chính thức phân phối thương hiệu xe điện cao cấp Zeekr, khẳng định cam kết của Tasco trong việc đa dạng hóa hệ sinh thái sản phẩm và đón đầu xu hướng dịch chuyển xanh tại thị trường Việt Nam.



Hoạt động phát triển bền vững tiêu biểu năm 2025

2

XÂY DỰNG CỘNG ĐỒNG BỀN VỮNG

Là một trong những doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam, bên cạnh các hoạt động phát triển kinh doanh, Tasco cũng luôn mong muốn được chung tay sẻ chia những khó khăn, mang đến những giá trị tốt đẹp cho cộng đồng. Đây cũng là định hướng chung của công ty, được hiện thực hóa thông qua những hành động thiết thực, giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn trong cuộc sống.

VETC triển khai hoạt động cứu hộ giao thông



VETC hiện đã hoàn tất đầu tư, sở hữu tổng

300 XE CỨU HỘ

là đơn vị sở hữu đội xe cứu hộ lớn nhất cả nước.

Trong năm 2025, VETC chính thức triển khai và mở bán gói dịch vụ cứu hộ giao thông từ ngày 25/8, qua đó từng bước xây dựng hệ sinh thái dịch vụ hỗ trợ người dùng trên các tuyến đường bộ. Chỉ trong bốn tháng đầu vận hành, chương trình đã ghi nhận 548 trường hợp hỗ trợ thực tế tính đến ngày 31/12/2025, thể hiện vai trò tích cực của VETC trong việc đồng hành cùng cộng đồng lái xe. Đặc biệt, trong đợt hỗ trợ nhân đạo tại Thái Nguyên vào tháng 10/2025, đội ngũ cứu hộ đã tiếp nhận hơn 300 yêu cầu hỗ trợ, huy động gần 20 nhân sự tham gia liên tục trong 72 giờ, kịp thời cứu hộ khoảng 100 phương tiện gặp sự cố. Bên cạnh đó, trong tháng 11/2025 tại Nha Trang, hệ thống cũng đã thực hiện kéo và hỗ trợ cứu hộ 55 phương tiện, góp phần đảm bảo an toàn giao thông và hỗ trợ người dân trong các tình huống khẩn cấp. Bước sang năm 2026, VETC hiện đã hoàn tất đầu tư, sở hữu tổng 300 xe cứu hộ - là đơn vị sở hữu đội xe cứu hộ lớn nhất cả nước. VETC sẽ tiếp tục mở rộng quy mô, dịch vụ hoạt động, nâng cao độ phủ dịch vụ và từng bước khẳng định vai trò là một mảnh ghép quan trọng trong hệ sinh thái giao thông an toàn, kịp thời và hiệu quả, mang lại giá trị cho khách hàng.



Chung tay hỗ trợ đồng bào vùng bão lũ



5,07 TỶ ĐỒNG

Tổng giá trị đóng góp, chung tay hỗ trợ đồng bào vùng bão lũ

Trước những thiệt hại nghiêm trọng do bão lũ gây ra tại khu vực miền Trung và Tây Nguyên, Tasco đã phát động chương trình kêu gọi ủng hộ trên toàn hệ thống từ. Chỉ sau 30 giờ kêu gọi, chương trình đã tiếp nhận hơn 4,4 tỷ đồng từ cán bộ nhân viên và các đơn vị thành viên, thể hiện tinh thần sẻ chia, sự đồng lòng và trách nhiệm cộng đồng của người Tasco.

Ngay trong những giờ phút khẩn cấp, công tác giải ngân được triển khai nhanh chóng với 600 triệu đồng được chuyển đi trong đợt hỗ trợ đầu tiên nhằm kịp thời giúp đỡ người dân và cán bộ công viên trong hệ thống tại vùng bị ảnh hưởng.

Ngay sau đó, Tasco đã dành 2,8 tỷ đồng để ủng hộ người dân thông qua Ủy ban MTTQ tại các tỉnh Gia Lai, Đắk Lắk và Khánh Hòa, cùng nhiều nhu yếu phẩm thiết yếu; đồng thời hỗ trợ 122 cán bộ nhân viên trong hệ thống bị thiệt hại, với tổng số tiền 522 triệu đồng.

Tổng giá trị đóng góp của chương trình đạt 5,07 tỷ đồng, trong đó 4,8 tỷ đồng được phân bổ cho công tác hỗ trợ người dân tại các khu vực chịu ảnh hưởng bởi bão lũ. Không chỉ mang ý nghĩa hỗ trợ kịp thời về vật chất, hoạt động này còn là sự nối dài của tinh thần nhân văn, trách nhiệm xã hội và cam kết đồng hành mà Tasco luôn theo đuổi trong quá trình phát triển.



Hoạt động phát triển bền vững tiêu biểu năm 2025



Tiếp lửa đến trường cho
150
học sinh H'Mông
tại Trường TH&THCS số 2
Hồng Ca

Nằm ở một trong những khu vực xa nhất của xã Hưng Khánh, tỉnh Lào Cai (trước đây là xã Hồng Ca, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái), trường TH&THCS số 2 Hồng Ca được người ta biết đến hơn một năm trước bởi câu chuyện thầy và trò phải di dời khẩn cấp ngay trước thềm năm học 2024-2025 vì nguy cơ sạt lở. Cả quả đồi phía sau trường có nguy cơ ập xuống, xóa sổ toàn bộ cơ sở vật chất, đe dọa tính mạng của thầy cô và gần 500 em học sinh người H'Mông. Hiện thầy và trò của trường Hồng Ca phải đi học nhờ tại trường Mầm non thôn Hồng Lâu cách nơi học cũ hơn 2km. Chỗ học mới khiến nhiều em học sinh phải đến ở trọ nhà người dân gần trường để có thể đi học. Đi học nhờ cũng khiến cho bếp ăn bán trú không đủ điều kiện để duy trì, buộc các em nhỏ phải mang theo cơm nguội đến trường để ăn trưa. Có em phải tự lo liệu bữa ăn trong điều kiện thiếu thốn, không đảm bảo chất dinh dưỡng và an toàn vệ sinh. Với nhiều em học sinh có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, thì việc có cơm để mang đến ăn trưa đã cũng là sự nỗ lực của cả gia đình.

Ghi nhận những khó khăn ấy, CTCP Tasco đã tài trợ 150 phần quà trị giá hơn 200 triệu đồng để hỗ trợ cho các em học sinh có hoàn cảnh khó khăn. Tasco tặng gạo để các con nấu và mang đến trường trong suốt năm học 2024 – 2025. Ngoài ra còn tặng vở viết và tài trợ chi phí cho các hạng mục thiết yếu như: giấy kiểm tra, tiền nước uống... Đặc biệt, để các con luôn có những bữa trưa ấm nóng, đảm bảo vệ sinh, công ty cũng tài trợ 150 bộ hộp cơm giữ nhiệt của thương hiệu Inochi... Chúng tôi tin rằng, với sự nỗ lực không ngừng của thầy trò nơi đây, cùng sự tiếp sức từ cộng đồng, những hạt mầm tri thức trên vùng cao rồi sẽ đơm hoa, kết trái – bằng chính nghị lực và khát vọng vươn lên từ gian khó.



BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ XANH HÓA HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình trạng ô nhiễm môi trường ở nước ta tiếp tục diễn biến phức tạp với nhiều “điểm nóng”, nhất là các khu vực có tốc độ đô thị hóa nhanh, làm nảy sinh nhiều vấn đề liên quan đến chất lượng cuộc sống và phát triển bền vững. Ý thức rõ vai trò của doanh nghiệp, Tasco luôn tuân thủ nghiêm túc các chỉ tiêu chất lượng và quản lý các vấn đề về môi trường một cách toàn diện.

Hoạt động phát triển bền vững tiêu biểu năm 2025

Tasco –
Hành động vì môi trường &
Bảo tồn hệ sinh thái tự nhiên

211 CÁ THỂ

Voọc Chà Vá Chân Đen
được bảo tồn.

Cấy ghép thành công

253 MẢNH SAN HỒ

Tổng số rạn san hô
khung dọc vịnh Ninh Vân

48 KHUNG

Tasco hướng đến việc kiến tạo một cuộc sống thông minh, an toàn, bền vững cho thế hệ hôm nay và mai sau. Vì vậy, chúng tôi luôn tôn trọng thiên nhiên, gìn giữ lịch sử và phát triển hài hòa với điều kiện đặc thù của Việt Nam.

Các nguyên tắc bảo tồn và phát triển bền vững được áp dụng chặt chẽ tại các khu nghỉ dưỡng cao cấp như Six Senses Ninh Vân Bay & Ana Mandara Đà Lạt, đảm bảo sự cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ hệ sinh thái.

Tại các khu nghỉ dưỡng Six Senses Ninh Vân Bay, chúng tôi áp dụng các nguyên tắc bảo tồn, tôn trọng thiên nhiên và phát triển hài hòa với hệ sinh thái địa phương thông qua các hành động cụ thể:

- Quỹ Phát Triển Bền Vững (thành lập từ 2015) hỗ trợ các hoạt động bảo vệ môi trường, phát triển hệ sinh thái.
- Bảo tồn đa dạng sinh học trên cạn: Hợp tác với Green Viet, bảo tồn Voọc Chà Vá Chân Đen, tăng gấp đôi số lượng từ 109 cá thể (2020) lên 211 cá thể (2025) và duy trì ổn định cho đến nay.
- Bảo tồn san hô: Cấy ghép thành công 253 mảnh san hô, tạo mới 4 khung san hô, 2 bàn ươm san hô, nâng tổng số rạn san hô lên 48 khung dọc vịnh Ninh Vân.
- Phát hiện loài hoa mới: “Six Senses turmeric” – loài hoa nghệ quý hiếm được phát hiện trong dự án Bảo vệ đa dạng sinh học bán đảo Hòn Hèo và đặt tên theo khu nghỉ dưỡng. Khám phá này không chỉ giúp nâng cao nhận thức về sự đa dạng sinh học trên đảo mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ và bảo tồn một loài cây hoa quý hiếm mới trên thế giới.

Tại Ana Mandara Villas Dalat Resort & Spa, khu nghỉ dưỡng lưu giữ được hệ sinh thái nguyên bản của Đà Lạt. Các nhà khoa học đã phát hiện nhiều loài thực vật quý, đặc biệt là địa y, chỉ sống và sinh trưởng mạnh trong môi trường không hóa chất, không ô nhiễm khí bụi. Đây là những sinh vật đã trở thành chỉ thị của môi trường, cho thấy công tác công tác chăm sóc, bảo vệ môi trường tự nhiên rất tốt của khu nghỉ.

Khu nghỉ dưỡng áp dụng biện pháp bảo vệ môi trường bền vững, chỉ sử dụng phương pháp cơ học thay vì thuốc bảo vệ thực vật. Bên cạnh đó, 100% phương tiện di chuyển trong khu vực sử dụng xe điện, giúp giảm thiểu khí thải, duy trì sự cân bằng và phát triển hài hòa với thiên nhiên.



Hoạt động phát triển bền vững tiêu biểu năm 2025



Tiết kiệm nước, kiểm soát chất lượng nước thải và giảm thiểu rác thải

Trong mọi công tác thi công, xây dựng hay vận hành dịch vụ, sản xuất, Tasco luôn chú trọng đến công tác tiết kiệm, ưu tiên sử dụng nguồn nước tự nhiên và kiểm soát nghiêm ngặt nguồn thải cũng như chất lượng nước thải ra ngoài môi trường

Ở các khu nghỉ dưỡng, tiêu biểu là Six Senses Ninh Vân Bay, Tasco đã và đang thử nghiệm thành công các phương pháp tái chế, tận dụng rác thải để tái sử dụng trong các hoạt động sản xuất và vận hành, hướng đến mô hình Zero Waste, trở thành một trong những khu nghỉ dưỡng không sử dụng nhựa từ năm 2020.

- Toàn bộ nước uống tinh khiết được sản xuất trực tiếp tại khu nghỉ dưỡng bằng công nghệ RO (thẩm thấu ngược) và được đóng chai thủy tinh có thể tái sử dụng. Six Senses Ninh Vân Bay còn cung cấp hệ thống lọc giúp hơn 10.000 em nhỏ tại các tỉnh Khánh Hòa và Lâm Đồng được tiếp cận nguồn nước uống sạch mỗi ngày.
- Sản xuất 11.000 lít nước/tháng, sử dụng 130.000 chai thủy tinh, giúp giảm 4 tấn nhựa thải ra môi trường.
- CBCNV công ty giảm 3% lượng nước & rác thải sinh hoạt/người mỗi năm nhờ phong trào tiết kiệm nước.

Nhằm nâng cao nhận thức về phát triển bền vững, khu nghỉ dưỡng tổ chức các workshop thủ công như làm xà phòng, trang sức từ nhựa, bông tẩy da chết từ thảo mộc, thu hút sự hưởng ứng tích cực từ khách lưu trú. Ngoài ra, các lớp chuyên sâu về pha chế sản phẩm làm đẹp từ nguyên liệu tự nhiên cũng diễn ra thường xuyên, sử dụng nguồn nguyên liệu được thu hái trực tiếp từ vườn hữu cơ của khu nghỉ.

Tiết kiệm và ưu tiên cho nguồn năng lượng tái tạo

Tasco xác định tiết kiệm năng lượng và đầu tư vào năng lượng tái tạo là một trong những mục tiêu trọng tâm trong những năm qua.

Năm 2025, Tasco cũng thành lập Công ty Cổ phần Năng lượng Tasco (Tasco Energy) tập trung vào các giải pháp năng lượng tái tạo và hạ tầng điện cho xe điện. Taso Energy hoạt động trong lĩnh vực phát triển hệ thống điện mặt trời mái nhà, các giải pháp tích trữ năng lượng, phát triển trạm sạc xe điện nhằm hỗ trợ chiến lược di chuyển xanh. Tasco Energy được thành lập để hiện thực hóa tầm nhìn của Tasco trong việc xây dựng hệ sinh thái dịch vụ ô tô toàn diện và hạ tầng giao thông thông minh và dịch vụ thiết yếu.

Đối với hoạt động vận hành hàng ngày, Tasco cũng thực hiện việc tiết kiệm năng lượng thông qua các hành động cụ thể:

- 100% hệ thống chiếu sáng đã được thay thế bằng đèn LED, tiết kiệm điện năng đáng kể so với đèn sợi đốt và huỳnh quang.
- Thiết bị điện & điều hòa sử dụng công nghệ inverter, tối ưu hiệu suất tiêu thụ điện.
- Văn hóa tiết kiệm điện đã trở thành thói quen của CBCNV, giúp công ty tiết kiệm hàng chục triệu đồng mỗi năm.

Trong vòng 03 năm qua, kể từ khi khu phức hợp Ninh Van Greens ra đời và Six Senses được xem là khu nghỉ có hệ sinh thái năng lượng mặt trời đầu tiên tại Việt Nam, cung cấp năng lượng bền vững cho khu nghỉ như điện, rau sạch hữu cơ, và nước nóng. Hệ thống 800 tấm pin năng lượng mặt trời được lắp đặt từ trên các mái nhà và dựng dọc sườn đồi phía sau khu nghỉ dưỡng, một số ở khu vườn hữu cơ. Trung bình mỗi tháng, khu phức hợp Ninh Van Greens đã sản xuất được hơn 60.000 kWh điện, cung cấp 20% năng lượng điện cho toàn hệ thống vận hành của khu nghỉ.

Trong năm 2025, Six Senses Ninh Vân Bay cũng đã khảo sát và lắp đặt 18 đèn năng lượng mặt trời tại các khu vực Bắc Nha Trang, Tây Ninh Hòa và Đông Ninh Hòa, mang lại lợi ích cho hơn 500 người dân địa phương.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Tasco tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định về bảo vệ môi trường, hướng đến bảo vệ lợi ích cộng đồng, hạn chế biến đổi khí hậu và khắc phục tác động tiêu cực do con người gây ra.

- Áp dụng tiêu chuẩn ISO & hệ thống quản trị chất lượng, rủi ro chặt chẽ trên toàn hệ thống, đặc biệt trong thi công & giám sát công trình.
- Xử lý rác thải, chất thải theo quy định, đầu tư trang thiết bị thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải tại các công trình, dự án.
- Tham gia tích cực vào các hoạt động trồng cây, làm sạch môi trường, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho CBCNV.
- Hỗ trợ người dân miền Trung khắc phục hậu quả thiên tai, chung tay giảm thiểu tác động của bão lũ, hạn hán do biến đổi khí hậu.

Năm 2024, công ty hoàn thành đầy đủ thủ tục môi trường cho các dự án, không vi phạm hay bị xử phạt. Về dài hạn, Tasco tiếp tục theo đuổi chiến lược phát triển bền vững, kết hợp giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường nhằm tạo giá trị dài hạn cho xã hội.

Phát triển tổ chức & nguồn nhân lực



1

Kiến toàn kiến trúc tổ chức

Trong năm 2025, Tasco tiến hành rà soát mô hình tổ chức tại các đơn vị trọng điểm, từ đó hoàn thiện các quy chế phân quyền và cơ chế quản trị theo hướng làm rõ trách nhiệm và tăng tính chủ động cho từng đơn vị; giúp các đơn vị chủ động hơn trong vận hành kinh doanh, đồng thời vẫn đảm bảo sự thống nhất trong các nguyên tắc quản trị chung của hệ thống.

Hệ thống cấp bậc và chức danh được chuẩn hóa nhằm hình thành một khung tham chiếu chung cho quản trị nhân sự trong toàn hệ thống, tạo nền tảng cho công tác quy hoạch nhân sự, thiết kế chính sách đãi ngộ và triển khai các chương trình phát triển đội ngũ trong các năm tiếp theo. Trong năm 2025, khung này được triển khai theo lộ trình tại các đơn vị và dự kiến sẽ được áp dụng thống nhất trong năm 2026.

Các nền tảng quản trị dữ liệu nhân sự và báo cáo điều hành cũng được triển khai đồng bộ hơn thông qua việc chuyển đổi số các hệ thống quản trị nội bộ. Đến cuối năm 2025, phần lớn các đơn vị trong hệ thống đã được kết nối vào nền tảng quản trị dữ liệu tập trung, giúp chuẩn hóa báo cáo và cải thiện khả năng theo dõi vận hành của Tập đoàn.

Đến cuối năm 2025, phân hệ quản lý tổ chức trên nền tảng Tasco HROD đã vận hành ổn định tại 11/12 đơn vị lớn, tạo cơ sở dữ liệu nhân sự tập trung và đồng bộ mẫu báo cáo quản trị. Việc chuẩn hóa dữ liệu giúp công tác điều hành của HĐQT và Ban Điều hành có thông tin chính xác, kịp thời hơn.

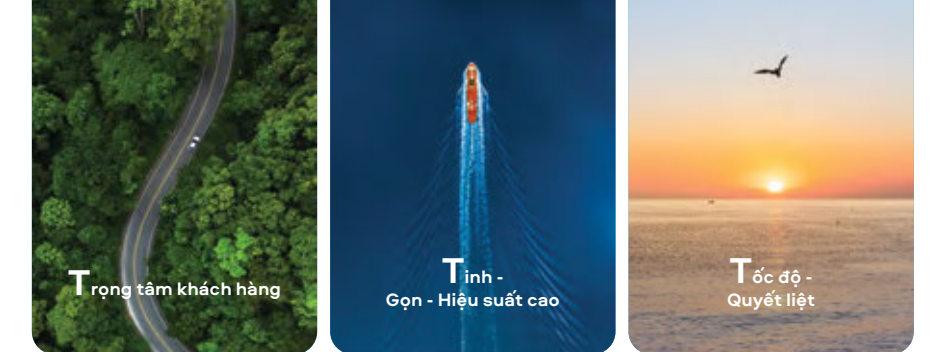


Phát triển tổ chức & nguồn nhân lực

2

Phát triển đội ngũ và văn hóa

Năm 2025, Tasco triển khai Tasco Academy như nền tảng đào tạo số tập trung cho toàn hệ thống. Trên cơ sở đó, hoạt động đào tạo được tổ chức lại theo ngành dọc và từng bước chuẩn hóa các chương trình đào tạo cốt lõi gắn với hoạt động kinh doanh, bao gồm dịch vụ khách hàng, kỹ năng bán hàng và năng lực quản lý vận hành tại đơn vị.



Hệ thống này cho phép triển khai các chương trình đào tạo trực tuyến, theo dõi quá trình học tập của nhân sự và xây dựng bộ chỉ tiêu đánh giá hiệu quả đào tạo. Các chương trình đào tạo được triển khai trên cùng một nền tảng với sự tham gia của các đơn vị trong hệ thống, tạo điều kiện chia sẻ nội dung đào tạo, hạn chế trùng lặp trong phát triển chương trình và từng bước hình thành môi trường học hỏi thống nhất trong toàn Tập đoàn.

Song song với công tác đào tạo, bộ giá trị cốt lõi 3T (T1- Trọng tâm khách hàng, T2 - Tinh - gọn - hiệu suất cao; T3 - Tốc độ, quyết liệt) được cụ thể hóa thành các nguyên tắc hành vi và triển khai thông qua các hoạt động đào tạo nội bộ và vận hành thực tế tại đơn vị.

Trong năm, Tasco bắt đầu triển khai khung quản trị hiệu suất thông qua hệ thống OKR/KPI tại một số đơn vị trong hệ thống. Việc triển khai bước đầu này nhằm chuẩn bị cho việc áp dụng rộng hơn trong năm 2026, qua đó từng bước chuyển các định hướng chiến lược của Tập đoàn thành các chỉ tiêu vận hành cụ thể và tăng cường khả năng theo dõi kết quả hoạt động theo định kỳ.



Phát triển tổ chức & nguồn nhân lực



3

Cải tiến vận hành và tái cấu trúc đơn vị

Song song với việc xây dựng nền tảng tổ chức, nhiều chương trình cải tiến và rà soát vận hành đã được triển khai trong năm 2025 nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động.

Các chương trình rà soát tổng thể được thực hiện tại nhiều đơn vị trong hệ thống nhằm đánh giá mô hình kinh doanh, cơ cấu tổ chức và hiệu quả sử dụng nguồn lực. Trên cơ sở đó, một số điều chỉnh được thực hiện liên quan đến cơ chế chi phí, cơ cấu nhân sự và quy trình vận hành tại đơn vị.

Hoạt động cải tiến theo hướng Kaizen được triển khai thông qua rà soát chi phí vận hành, tối ưu cơ cấu tổ chức tại một số bộ phận, đàm phán lại chi phí thuê mặt bằng và điều chỉnh quy trình làm việc. Những cải tiến này có sự phối hợp giữa các đơn vị trong hệ thống, giúp tận dụng tốt hơn nguồn lực sẵn có và từng bước nâng cao hiệu quả quản trị.

Bên cạnh các hoạt động cải tiến, các lĩnh vực kinh doanh đang được đầu tư phát triển tiếp tục được tăng cường nguồn lực về đội ngũ nhằm xây dựng năng lực vận hành cho các trụ cột kinh doanh mới của hệ thống.

4

Định hướng triển khai năm 2026

Năm 2026, Tasco tập trung đưa các nền tảng quản trị đã chuẩn bị vào vận hành rộng rãi, với trọng tâm tăng cường kỷ luật vận hành và nâng cao năng suất, hiệu suất tới từng đơn vị và cá nhân.

Ứng dụng My Tasco được triển khai như nền tảng quản trị và kết nối nội bộ, cho phép thiết lập hệ thống KPI đến từng đơn vị, cơ sở và cá nhân, hỗ trợ theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện và tăng cường hiệu quả quản trị.

Song song với hoàn thiện hệ thống quản trị hiệu suất, Tasco tiếp tục đẩy mạnh phát triển con người qua Tasco Academy, lan tỏa giá trị cốt lõi 3T và mở rộng triển khai OKR/KPI nhằm gắn kết chặt chẽ giữa định hướng chiến lược với kết quả vận hành tại các đơn vị.

06. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 114 Thông tin về công ty
- 115 Báo cáo của Ban Điều hành
- 116 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 117 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 120 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 121 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 123 Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất



Thông tin về Công ty

THÔNG TIN CHUNG CỦA CÔNG TY

Công ty cổ phần Tasco (dưới đây được gọi là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600264117 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 26/12/2007, thay đổi lần thứ 33 được cấp ngày 08/09/2025.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã giao dịch cổ phiếu là HUT.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Vũ Đình Độ	Chủ tịch	
- Ông Hồ Việt Hà	Phó Chủ tịch	
- Ông Nguyễn Danh Hiếu	Phó Chủ tịch	
- Ông Nguyễn Thế Minh	Phó Chủ tịch	
- Ông Trần Đức Huy	Phó Chủ tịch (thành viên độc lập)	Miễn nhiệm ngày 26/05/2025
- Ông Ngô Đức Vũ	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm TV HĐQT ngày 26/05/2025
- Bà Phan Thị Thu Thảo	Thành viên	
- Ông Đinh Đức Tùng	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 26/05/2025
- Bà Đàm Bích Thủy	Thành viên độc lập	
- Ông Bùi Quang Bách	Thành viên độc lập	

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Ban Điều hành đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Hồ Việt Hà	Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 20/06/2025
- Ông Hoàng Minh Hùng	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20/06/2025
- Ông Nguyễn Thế Minh	Phó Tổng Giám đốc	
- Bà Phan Thị Thu Thảo	Phó Tổng Giám đốc	
- Ông Phạm Đức Minh	Phó Tổng Giám đốc	
- Bà Phan Thùy Giang	Phó Tổng Giám đốc	
- Ông Nguyễn Hải Hà	Phó Tổng Giám đốc	
- Ông Nguyễn Văn Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 13/01/2026

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

- Ông Nguyễn Minh Hiếu	Trưởng Ban Kiểm soát
- Bà Hoàng Thị Soa	Thành viên
- Bà Trần Thị Linh	Thành viên

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty đến ngày 20/06/2025 là Ông Hồ Việt Hà - Chức danh: Tổng Giám đốc, từ ngày 20/06/2025 đến ngày lập báo cáo này là Ông Hoàng Minh Hùng - Chức danh: Tổng Giám đốc.

TRỤ SỞ ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 1 và tầng 20, tòa nhà Tasco, Lô HH2-2, đường Phạm Hùng, phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán BDO được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

Báo cáo của Ban Điều hành

Về báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Ban Điều hành Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đã được kiểm toán.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành Công ty được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp đã được tuân thủ, những sai lệch trọng yếu (nếu có) đã được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Điều hành Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành Công ty xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành chúng tôi phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đính kèm được trình bày từ trang 117 đến trang 187. Theo ý kiến của Ban Điều hành Báo cáo tài chính hợp nhất này đã phản ánh trung thực, hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Thay mặt Ban Điều hành,



Tổng Giám đốc
Hoàng Minh Hùng

Báo cáo Kiểm toán độc lập

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Tasco
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Số: BC/BDO/2026.305
Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Kính gửi: **CỔ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty cổ phần Tasco, được lập ngày 30 tháng 03 năm 2026, từ trang 117 đến trang 187, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần Tasco tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN BDO



Nguyễn Tuấn Anh
Phó Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán 1906-2023-038-1

Nguyễn Hương Giang
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán 5118-2026-038-1

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

B01-DN/HN

			Đơn vị tính: VND	
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		27.859.090.416.242	12.304.365.044.699
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	4.843.287.293.754	2.876.158.716.774
1. Tiền	111		2.764.761.087.606	2.287.981.707.808
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.078.526.206.148	588.177.008.966
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.724.948.605.821	567.615.627.606
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2.1	51.002.052.543	28.274.992.543
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2.1	(8.910.000.000)	(17.170.413.738)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2.2.1	1.682.856.553.278	556.511.048.801
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.752.255.721.049	5.493.836.857.775
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.1	4.016.280.804.006	1.618.813.796.668
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.1	2.359.269.827.404	759.717.289.768
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5.1	1.363.851.134.593	29.799.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6.1	7.398.921.841.371	3.241.928.490.359
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(386.167.436.373)	(156.421.719.020)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		99.550.048	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	5.935.906.215.498	3.177.372.538.020
1. Hàng tồn kho	141		5.969.632.091.127	3.180.337.280.522
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(33.725.875.629)	(2.964.742.502)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		602.692.580.120	189.381.304.524
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9.1	154.925.196.206	48.589.052.714
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		416.404.594.794	89.638.042.831
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.18.2	31.362.789.120	51.154.208.979

Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 (tiếp theo)

B01-DN/HN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		24.372.149.784.111	16.682.948.332.648
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.390.449.303.582	1.274.068.077.720
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3.2	6.250.000.000	6.250.000.000
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4.2	6.260.030.040	103.618.779.409
3. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5.2	199.138.000.000	30.216.000.000
4. Phải thu dài hạn khác	216	V.6.2	1.183.786.305.368	1.138.968.330.137
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	V.7	(4.985.031.826)	(4.985.031.826)
II. Tài sản cố định	220		13.091.378.197.609	7.095.559.464.254
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	11.856.936.682.297	6.227.417.965.201
Nguyên giá	222		20.726.282.076.714	9.619.775.166.416
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(8.869.345.394.417)	(3.392.357.201.215)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	332.598.684.495	24.103.295.454
Nguyên giá	225		393.176.051.869	29.712.955.440
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(60.577.367.374)	(5.609.659.986)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	901.842.830.817	844.038.203.599
Nguyên giá	228		1.114.867.580.412	983.509.956.972
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(213.024.749.595)	(139.471.753.373)
III Bất động sản đầu tư	230	V.13	1.350.088.176.993	1.390.646.940.652
Nguyên giá	231		1.842.479.365.027	1.820.235.913.219
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(492.391.188.034)	(429.588.972.567)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.891.900.079.299	2.279.204.614.118
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.14.1	437.533.717.685	416.704.860.195
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.14.2	2.454.366.361.614	1.862.499.753.923
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.217.476.398.694	998.620.149.845
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2.3	550.747.058.376	825.479.026.699
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2.4	662.300.335.184	172.517.579.924
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2.4	(11.670.994.866)	(376.456.778)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2.2.2	16.100.000.000	1.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.430.857.627.934	3.644.849.086.059
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9.2	1.953.322.797.892	1.466.737.636.849
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		85.575.724.894	29.578.166.543
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.15	6.015.972.540	-
4. Lợi thế thương mại	269		2.385.943.132.608	2.148.533.282.667
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		52.231.240.200.353	28.987.313.377.347

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		34.288.926.372.179	17.436.446.915.050
I. Nợ ngắn hạn	310		17.615.008.031.432	8.875.691.110.240
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.16	2.471.184.504.630	1.216.419.633.997
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.17.1	381.577.171.205	334.024.851.724
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.18.1	729.426.109.430	271.423.182.220
4. Phải trả người lao động	314		480.809.682.190	283.021.426.500
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.19.1	422.565.946.758	213.258.713.037
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.20.1	882.003.683.090	408.801.910.767
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.21.1	2.289.584.724.661	1.948.532.411.042
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.23.1	9.694.408.302.696	4.074.425.503.531
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.22.1	218.052.628.902	88.601.102.590
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		45.395.277.870	37.182.374.832
II. Nợ dài hạn	330		16.673.918.340.747	8.560.755.804.810
1. Phải trả người bán dài hạn	331		437.721.966	5.800.920.000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	V.17.2	37.275.349.942	42.703.951.553
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.19.2	105.212.955.394	1.808.699.047
4. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.20.2	41.665.156.596	47.698.778.169
5. Phải trả dài hạn khác	337	V.21.2	3.630.085.860.640	1.686.223.346.114
6. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.23.2	12.227.303.009.612	6.141.452.367.019
7. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		604.624.333.633	578.052.263.702
8. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.22.2	27.313.952.964	57.015.479.206
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU	410		17.942.313.828.174	11.550.866.462.297
I. Vốn chủ sở hữu	411	V.24	17.942.313.828.174	11.550.866.462.297
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411a		10.682.855.810.000	8.925.119.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	412		10.682.855.810.000	8.925.119.650.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	414		(790.748.531.426)	(790.435.631.426)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	418		167.254.910.558	7.688.472.567
4. Quỹ đầu tư phát triển	420		125.326.835.329	125.326.835.329
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	421		356.774.430	190.529.621
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421a		584.229.973.290	327.382.257.116
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421b		155.120.361.953	47.069.449.308
- LNST chưa phân phối kỳ này	429		429.109.611.337	280.312.807.808
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		7.173.038.055.993	2.955.594.349.090
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		52.231.240.200.353	28.987.313.377.347

Lập ngày 30 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Thị Trà My

Bùi Thị Bình

Hoàng Minh Hùng

Báo cáo kết quả
hoạt động kinh doanh hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B02-DN/HN

Đơn vị tính: VND				
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	36.380.231.520.433	30.248.751.019.243
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		62.793.992.370	19.865.959.759
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		36.317.437.528.063	30.228.885.059.484
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	32.943.734.827.517	27.554.726.149.903
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.373.702.700.546	2.674.158.909.581
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.269.229.335.104	874.739.630.652
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.144.856.298.192	706.004.285.205
Trong đó: chi phí lãi vay	23		932.240.531.785	623.497.739.767
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(36.110.054.093)	(25.147.933.571)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	1.377.370.990.474	1.128.818.122.835
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	1.567.253.558.240	1.393.438.088.958
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		517.341.134.651	295.490.109.664
12. Thu nhập khác	31		332.568.984.884	162.168.008.767
13. Chi phí khác	32		61.911.637.148	31.835.557.627
14. Lợi nhuận khác	40		270.657.347.736	130.332.451.140
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		787.998.482.387	425.822.560.804
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	385.255.634.208	114.171.611.453
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(227.520.641.777)	6.903.859.260
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		630.263.489.956	304.747.090.091
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		492.181.070.574	156.254.905.986
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		138.082.419.382	148.492.184.105
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	516,35	174,06
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	516,35	145,05

Lập ngày 30 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Trà My

Bùi Thị Bình

Hoàng Minh Hùng

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B03-DN/HN

Đơn vị tính: VND				
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		787.998.482.387	425.822.560.804
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		1.078.114.682.566	865.411.482.042
- Các khoản dự phòng	03		29.830.773.881	64.300.931.784
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		499.170.629	886.541.491
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.262.055.385.499)	(672.226.266.724)
- Chi phí lãi vay	06		932.240.531.785	623.497.739.767
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.566.628.255.749	1.307.692.989.164
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(831.097.225.146)	1.385.157.630.299
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.103.417.240.730)	(344.354.682.782)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		1.005.479.834.275	381.625.510.567
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(146.462.417.092)	(102.116.172.903)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(723.476.006.374)	(463.649.563.582)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(216.550.901.553)	(97.195.576.949)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(4.781.180.099)	(4.544.027.478)
- Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(453.676.880.970)	2.062.616.106.336
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.112.424.650.772)	(711.475.586.949)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		382.503.172.521	81.820.095.713
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(8.239.828.759.488)	(3.182.907.999.889)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		8.155.205.477.459	2.614.856.005.410
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.238.541.131.856)	(937.401.046.390)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		1.919.186.961.565	736.318.257.962
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		421.894.054.042	223.165.638.708
- Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.712.004.876.529)	(1.175.624.635.435)

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (theo phương pháp gián tiếp)

B03-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		1.762.648.160.000	330.200.500.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(1.895.000.000)	(970.200.000.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33	VII. 1	29.180.436.372.969	21.169.562.271.025
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VII.2	(25.713.869.745.310)	(20.090.767.668.493)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(12.922.935.732)	(20.163.817.610)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(81.684.574.270)	(131.098.429.530)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		5.132.712.277.657	287.532.855.392
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		1.967.030.520.158	1.174.524.326.293
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	2.876.158.716.774	1.701.723.734.047
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		98.056.822	(89.343.566)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	4.843.287.293.754	2.876.158.716.774

Lập ngày 30 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Thị Trà My

Bùi Thị Bình

Hoàng Minh Hùng

Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B09-DN/HN

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tasco (gọi tắt là “Công ty”) tiền thân là đội cầu Nam Hà, được thành lập năm 1971. Công ty chính thức được thành lập ngày 27/3/1976 với tên gọi Công ty Cầu Hà Nam Ninh, trên cơ sở sáp nhập đội cầu Nam Hà và Xí nghiệp Xây dựng Cầu đường Ninh Bình. Tháng 11 năm 2000, Công ty đã tiến hành cổ phần hoá, từ doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, theo Quyết định số 2616/2000/QĐ-UB ngày 20/11/2000 của UBND tỉnh Nam Định và mang tên Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông và Cơ sở Hạ tầng Nam Định.

Ngày 26/12/2007, Công ty đổi tên thành Công ty cổ phần Tasco. Năm 2008, Công ty chính thức chuyển đăng ký kinh doanh và trụ sở chính từ thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định đến thành phố Hà Nội.

Công ty cổ phần Tasco hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600264117 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội (nay là Sở Tài chính thành phố Hà Nội) cấp lần đầu ngày 26/12/2007, thay đổi lần 33 ngày 08/09/2025.

Cổ phiếu của Công ty được chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) kể từ ngày 11/04/2008 với mã chứng khoán là HUT.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 1 và tầng 20, tòa nhà Tasco, lô HH2-2, đường Phạm Hùng, phường Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

- Đại lý xe Ô tô;
- Kinh doanh Bất động sản;
- Dịch vụ;
- Xây lắp;
- Sản xuất.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm:

- Kinh doanh ô tô;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Sản xuất điện;
- Dịch vụ thu cước phí và quản lý trạm thu cước phí đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ (Dịch vụ thu phí tự động đường bộ ETC);
- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về nhựa, bao bì, nước sạch, đất sét.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) B09-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất

Trong năm, Công ty đã hoàn thành thủ tục để góp vốn, đầu tư 100% vốn tại Công ty TNHH Tasco Investment và đầu tư mua cổ phần chi phối tại Công ty cổ phần DNP Holding. Ngoài ra, theo đánh giá của Ban Điều hành Công ty không có sự kiện hay hoạt động nào khác có ảnh hưởng đáng kể đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2025, Công ty có các công ty con và công ty liên doanh, liên kết như sau:

Tên	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
<i>Công ty con trực tiếp</i>				
- Công ty TNHH MTV Tasco BOT	Hà Nội	Hạ tầng giao thông	100,00%	100,00%
- Công ty cổ phần VETC	Hà Nội	Dịch vụ	99,26%	99,26%
- Công ty TNHH Tasco Land	Hà Nội	Bất động sản	100,00%	100,00%
- Công ty TNHH Bảo hiểm Tasco	Hà Nội	Bảo hiểm phi nhân thọ	100,00%	100,00%
- Công ty cổ phần Tasco Auto	Hà Nội	Dịch vụ thương mại	94,87%	94,87%
- Công ty TNHH Tasco Investment	Hà Nội	Dịch vụ tài chính	100,00%	100,00%
<i>Công ty con gián tiếp</i>				
- Công ty cổ phần Tasco Nam Thái	Hưng Yên	Xây lắp	99,97%	99,97%
- Công ty TNHH MTV Tasco 6	Ninh Bình	Hạ tầng giao thông	100,00%	100,00%
- Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình	Quảng Trị	Hạ tầng giao thông	100,00%	100,00%
- Công ty TNHH MTV Tasco Hải Phòng	Hải Phòng	Hạ tầng giao thông	100,00%	100,00%
- Công ty TNHH thu phí tự động VETC	Hà Nội	Dịch vụ thu phí	99,35%	100,00%
- Công ty cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn	Hồ Chí Minh	Dịch vụ thương mại, bất động sản, dịch vụ tài chính	51,32%	54,09%
- Công ty TNHH New Energy Holdings	Hà Nội	Dịch vụ thương mại	93,58%	98,64%
- Công ty cổ phần Ô tô Bắc Âu	Hồ Chí Minh	Dịch vụ thương mại	51,83%	80,00%
- Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Sài Gòn	Hồ Chí Minh	Dịch vụ thương mại	51,83%	100,00%
- Công ty TNHH Ô tô Bắc Âu Hà Nội	Hà Nội	Dịch vụ thương mại	70,29%	100,00%
- Công ty cổ phần Dana	Đà Nẵng	Dịch vụ thương mại	32,77%	59,83%
- Công ty cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô	Hồ Chí Minh	Dịch vụ thương mại	27,38%	53,18%
- Công ty cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	Hồ Chí Minh	Dịch vụ thương mại	29,43%	57,35%
- Công ty cổ phần OtoS	Hồ Chí Minh	Dịch vụ thương mại	41,50%	80,86%
- Công ty cổ phần Ô tô Tây Bắc Sài Gòn	Hồ Chí Minh	Dịch vụ thương mại	51,26%	99,90%

Tên	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
- Công ty cổ phần Savico Hà Nội	Hà Nội	Dịch vụ thương mại, Bất động sản	64,29%	99,90%
- Công ty TNHH Toyota Giải Phóng	Hà Nội	Dịch vụ thương mại	51,32%	100,00%
- Công ty cổ phần Savico Đà Nẵng	Đà Nẵng	Dịch vụ thương mại, Bất động sản	35,92%	70,00%
- Công ty cổ phần Đầu tư Đà Nẵng Sơn Trà	Đà Nẵng	Bất động sản	50,44%	98,29%
- Công ty cổ phần Tasco Auto Bắc Sài Gòn	Hồ Chí Minh	Dịch vụ thương mại	47,50%	95,00%
- Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	Cần Thơ	Dịch vụ thương mại	32,84%	64,00%
- Công ty cổ phần Ô tô Sài Gòn Cửu Long	Cần Thơ	Dịch vụ thương mại	47,04%	92,08%
- Công ty cổ phần Ô tô Nam Sông Hậu	Cần Thơ	Dịch vụ thương mại	50,80%	99,00%
- Công ty TNHH Ô tô Lâm Đồng	Lâm Đồng	Dịch vụ thương mại	29,25%	57,00%
- Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ ô tô Đồng Hiệp	Tây Ninh	Dịch vụ thương mại	30,79%	60,00%
- Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Thành phố Mới Bình Dương	Hồ Chí Minh	Dịch vụ thương mại	42,97%	94,00%
- Công ty cổ phần Ô tô Sao Tây Nam	Cần Thơ	Dịch vụ thương mại	35,92%	70,00%
- Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Savico Miền Nam	Hồ Chí Minh	Kinh doanh BĐS	50,29%	98,00%
- Công ty cổ phần Ô tô New Energy	Hồ Chí Minh	Dịch vụ thương mại	26,17%	51,00%
- Công ty cổ phần Bến Thành Ô tô	Hồ Chí Minh	Dịch vụ thương mại	22,62%	77,20%
- Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Sài Gòn Ô tô Cần Thơ	Cần Thơ	Dịch vụ thương mại	25,40%	92,78%
- Công ty TNHH FX Auto	Hồ Chí Minh	Dịch vụ thương mại	15,43%	57,26%
- Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Tân Phú	Hồ Chí Minh	Dịch vụ thương mại	19,76%	81,05%
- Công ty TNHH Toyota Long Biên	Hà Nội	Dịch vụ thương mại	64,29%	100,00%
- Công ty TNHH Đầu tư và Dịch vụ Ô tô Hải Dương	Hải Phòng	Dịch vụ thương mại	32,79%	51,00%
- Công ty cổ phần Ô tô Sông Hàn	Đà Nẵng	Dịch vụ thương mại	18,32%	51,00%
- Công ty cổ phần Ô tô Bình Định	Gia Lai	Dịch vụ thương mại	37,29%	71,00%
- Công ty cổ phần Hưng Thịnh Ô tô	Đà Nẵng	Dịch vụ thương mại	19,76%	55,00%
- Công ty TNHH MTV Ô tô Gia Lai	Gia Lai	Dịch vụ thương mại	18,32%	100,00%
- Công ty cổ phần Ô tô Kon Tum	Quảng Ngãi	Dịch vụ thương mại	18,15%	99,09%
- Công ty TNHH MTV Ô tô Sơn Trà	Đà Nẵng	Dịch vụ thương mại	18,32%	100,00%
- Công ty cổ phần Ô tô Đại Thịnh	Đà Nẵng	Dịch vụ thương mại	28,74%	80,00%
- Công ty cổ phần Ô tô Sài Gòn Long An	Tây Ninh	Dịch vụ thương mại	33,87%	99,00%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

B09-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Tên	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
- Công ty cổ phần Ô tô Sài Gòn Tây Ninh	Tây Ninh	Dịch vụ thương mại	17,57%	72,40%
- Công ty TNHH Ô tô Đà Nẵng	Đà Nẵng	Dịch vụ thương mại	17,96%	55,00%
- Công ty TNHH Ô tô Quảng Nam	Đà Nẵng	Dịch vụ thương mại	17,96%	100,00%
- Công ty cổ phần Ô tô Âu Việt	Đà Nẵng	Dịch vụ thương mại	29,52%	65,00%
- Công ty TNHH MTV DVTM Đầu tư Ô tô Kiên Giang	An Giang	Dịch vụ thương mại	35,92%	100,00%
- Công ty cổ phần Savico Kỹ Nguyên Mới	Ninh Bình	Dịch vụ thương mại	64,29%	100,00%
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển SVC Miền Bắc	Hà Nội	Dịch vụ thương mại	58,52%	91,03%
- Công ty cổ phần Carpla	Hà Nội	Dịch vụ thương mại	65,79%	100,00%
- Công ty cổ phần G-Lynk	Hà Nội	Dịch vụ thương mại	58,51%	99,98%
- Công ty TNHH Đầu tư Savico	Hồ Chí Minh	Kinh doanh bất động sản	51,32%	100,00%
- Công ty cổ phần Ô tô Bến Thành Tây Ninh	Tây Ninh	Dịch vụ thương mại	13,15%	58,14%
- Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt	Hồ Chí Minh	Dịch vụ thương mại	66,56%	100,00%
- Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Bình Thuận	Lâm Đồng	Dịch vụ thương mại	22,65%	71,00%
- Công ty TNHH Phân phối Ô tô Tasco	Hà Nội	Dịch vụ thương mại	94,87%	100,00%
- Công ty TNHH Sweden Auto	Hồ Chí Minh	Dịch vụ thương mại	94,87%	100,00%
- Công ty TNHH Giải pháp Ô tô	Hồ Chí Minh	Dịch vụ thương mại	51,32%	100,00%
- Công ty cổ phần Ô tô Bình Thuận	Lâm Đồng	Dịch vụ thương mại	16,80%	70,00%
- Công ty TNHH MTV Premium EV	Hà Nội	Dịch vụ thương mại	94,87%	100,00%
- Công ty TNHH MTV Toyota Tây Ninh	Tây Ninh	Dịch vụ thương mại	66,56%	100,00%
- Công ty TNHH Kinh doanh Ô tô Tasco	Hà Nội	Dịch vụ thương mại	64,13%	100,00%
- Công ty TNHH Dịch vụ ô tô Carpla	Hà Nội	Dịch vụ thương mại	65,79%	100,00%
- Công ty TNHH G-Lynk Hà Nội	Hà Nội	Dịch vụ thương mại	58,51%	100,00%
- Công ty TNHH Stargo	Hà Nội	Dịch vụ thương mại	64,41%	100,00%
- Công ty TNHH Truyền thông Carpla	Hà Nội	Dịch vụ thương mại	65,79%	100,00%
- Công ty TNHH Carpla Services Đông Nam Bộ	Hồ Chí Minh	Dịch vụ thương mại	60,30%	100,00%
- Công ty cổ phần Tasco Auto Đà Nẵng	Đà Nẵng	Dịch vụ thương mại	89,34%	100,00%
- Công ty cổ phần Tasco Auto Tây Sài Gòn	Hồ Chí Minh	Dịch vụ thương mại	76,66%	97,50%
- Công ty TNHH VETC Digital	Hà Nội	Công nghệ thông tin	65,79%	100,00%
- Công ty cổ phần Tasco Auto Sài Gòn	Hồ Chí Minh	Dịch vụ thương mại	48,45%	86,00%
- Công ty TNHH Ô tô thể thao Anh Quốc	Hà Nội	Dịch vụ thương mại	94,87%	100,00%

Tên	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
- Công ty cổ phần G-Lynk Hải Dương	Hải Phòng	Dịch vụ thương mại	24,59%	75,00%
- Công ty TNHH MTV AG-25	An Giang	Dịch vụ thương mại	32,84%	100,00%
- Công ty cổ phần Geely An Giang	An Giang	Dịch vụ thương mại	24,63%	75,00%
- Công ty TNHH Tasco Auto Miền Nam	Hồ Chí Minh	Dịch vụ thương mại	94,87%	100,00%
- Công ty TNHH Tasco Auto Cần Thơ	Cần Thơ	Dịch vụ thương mại	73,94%	100,00%
- Công ty TNHH VETC RSA	Hà Nội	Dịch vụ thương mại	65,79%	100,00%
- Công ty TNHH Carpla Auto Parts	Hồ Chí Minh	Dịch vụ thương mại	65,79%	100,00%
- Công ty TNHH Tasco Auto An Giang	An Giang	Dịch vụ thương mại	71,53%	100,00%
- Công ty TNHH Tasco Auto Bình Thuận	Lâm Đồng	Dịch vụ thương mại	71,26%	100,00%
- Công ty TNHH Great Auto	Hồ Chí Minh	Dịch vụ thương mại	94,87%	100,00%
- Công ty cổ phần Sản xuất xe ô tô Tasco	Hưng Yên	Sản xuất xe có động cơ	94,78%	99,90%
- Công ty cổ phần DNP Holding	Đồng Nai	Dịch vụ thương mại	57,23%	57,23%
- Công ty cổ phần Nhựa Đồng Nai	Đà Nẵng	Sản xuất và kinh doanh ống nước	56,85%	99,33%
- Công ty cổ phần Tân Phú Việt Nam	Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh nhựa	30,15%	52,68%
- Công ty cổ phần Đầu tư ngành nước DNP	Bắc Ninh	Đầu tư ngành nước	29,27%	51,15%
- Công ty cổ phần CMC	Phú Thọ	Sản xuất, kinh doanh gạch	29,27%	51,14%
- Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại DNP	Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh nhựa	42,92%	100,00%
- Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng nước DNP - Bắc Giang	Bắc Ninh	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	27,20%	100,00%
- Công ty cổ phần Sản xuất Kinh doanh nước sạch số 3 Hà Nội	Hà Nội	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	25,99%	89,24%
- Công ty cổ phần Bình Hiệp	Lâm Đồng	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	25,73%	97,04%
- Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Thuận	Lâm Đồng	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	16,76%	57,26%
- Công ty cổ phần Nhà máy Nước Đồng Tâm	Đồng Tháp	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	15,42%	52,68%
- Công ty cổ phần Cấp thoát nước Tây Ninh	Tây Ninh	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	16,59%	59,47%
- Công ty cổ phần Quản lý và Vận hành hệ thống nước sạch	Đồng Tháp	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	29,26%	99,97%
- Công ty cổ phần Đầu tư nước Bình An	Lâm Đồng	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	23,08%	99,93%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

B09-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Tên	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
- Công ty cổ phần DNP Hawaco	Hà Nội	Kinh doanh vật tư ngành nước	28,43%	50,00%
- Công ty cổ phần DNP Hawaco Miền Nam	Hồ Chí Minh	Kinh doanh vật tư ngành cơ điện	28,14%	99,00%
- Công ty cổ phần Đô thị Ninh Hòa	Khánh Hòa	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	15,08%	51,51%
- Công ty TNHH Kiểm định Đo lường Ninh Hòa	Khánh Hòa	Vật tư ngành nước	15,08%	100,00%
- Công ty TNHH MTV Xây lắp Đô thị Ninh Hòa	Khánh Hoà	Thương mại dịch vụ sản xuất	15,08%	100,00%
- Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Phước	Đồng Nai	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	24,64%	84,32%
- Công ty TNHH Nước thô DNP - Sông Tiền	Đồng Tháp	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	27,02%	99,99%
- Công ty cổ phần Thiết bị và Công nghệ Eco Việt Nam	Hà Nội	Giải pháp và hạ tầng ngành nước	19,89%	70,00%
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển CVT	Phú Thọ	Hoạt động dịch vụ tài chính	29,26%	99,99%
- Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Cấp thoát nước Sơn Thành	Khánh Hoà	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	16,10%	55,00%
- Công ty cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	14,81%	50,61%
- Công ty cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	Hồ Chí Minh	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	14,81%	100,00%
- Công ty cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai	Gia Lai	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	7,55%	51,00%
- Công ty cổ phần cấp nước Sài Gòn - Đan Kìa	Lâm Đồng	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	13,34%	90,00%
- Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Công nghiệp PT	Phú Thọ	Bất động sản và Quyền sử dụng đất	29,27%	100,00%
- Viện Khoa học và Công nghệ nước	Hà Nội	Nghiên cứu và triển khai dự án nước	22,74%	80,00%
- Công ty cổ phần Nước Sài Gòn - An Khê	Gia Lai	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	11,46%	77,33%
- Công ty TNHH Giải pháp Ngành nước S&D	Hà Nội	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	29,26%	100,00%
- Công ty cổ phần Năng lượng Tasco	Hồ Chí Minh	Sản xuất điện	14,88%	50,90%

Tên	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty liên doanh, liên kết				
- Công ty cổ phần NVT Holdings	Hà Nội	Kinh doanh bất động sản	20,00%	50,00%
- Công ty TNHH BOT Hùng Thắng Phú Thọ	Phú Thọ	Hạ tầng giao thông	30,00%	30,00%
- Công ty TNHH Savico Quảng Nam	Đà Nẵng	Dịch vụ thương mại	18,26%	50,00%
- Công ty cổ phần GreenLynk Automotives	Hồ Chí Minh	Dịch vụ thương mại	18,93%	36,00%
- Công ty cổ phần Đầu tư Tri thức Tương Lai	Hà Nội	Kinh doanh BĐS và giáo dục	24,59%	47,13%
- Công ty TNHH Cấp thoát nước Đại Dương Xanh	Lâm Đồng	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	4,19%	25,01%
- Công ty cổ phần Nước và Môi trường Đồng Hải	Lâm Đồng	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	4,19%	25,00%
- Công ty cổ phần Kỹ thuật Hạ tầng Meta	Hà Nội	Dịch vụ thương mại	6,97%	24,50%
- Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Giang	Bắc Ninh	Sản xuất và kinh doanh nước sạch	7,10%	24,99%
- Công ty cổ phần cấp nước Sài Gòn - Pleiku	Gia Lai	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	7,26%	49,00%
- Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ TKT Land	Hà Nội	Bất động sản	40,10%	40,10%

7. Nhân viên

Tổng số cán bộ nhân viên của Công ty mẹ và các Công ty con tại ngày 31/12/2025 là 12.269 người (tại ngày 31/12/2024 là 7.652 người).

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Thông tin so sánh được trình bày theo số liệu từ Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm: Kỳ kế toán hàng năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

B09-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở của việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”), Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Điều hành đảm bảo đã lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các yêu cầu của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các tài liệu hướng dẫn có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Những chính sách kế toán này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính gần nhất.

1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con do Công ty nắm quyền kiểm soát tại ngày 31/12/2025, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo sự nhất quán về các chính sách kế toán đang áp dụng tại Công ty. Các giao dịch nội bộ, công nợ và các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ bị loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty, trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Lợi thế thương mại có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Lợi thế thương mại từ việc mua các công ty con được trình bày riêng như một loại tài sản có khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Hợp nhất kinh doanh theo phương pháp mua

Tài sản, công nợ và nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Hợp nhất kinh doanh liên quan đến các đơn vị chịu sự kiểm soát chung

Hợp nhất kinh doanh liên quan đến các doanh nghiệp chịu sự kiểm soát chung là hợp nhất kinh doanh trong đó tất cả các doanh nghiệp tham gia hợp nhất chịu sự kiểm soát lâu dài bởi cùng một bên hoặc nhiều bên kể cả trước hoặc sau khi hợp nhất kinh doanh và việc kiểm soát là lâu dài.

Công ty thực hiện hợp nhất kinh doanh liên quan đến các doanh nghiệp chịu sự kiểm soát chung bởi một nhóm cá nhân có quyền kiểm soát doanh nghiệp khi họ có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, theo thoả thuận hợp đồng.

Phương pháp hạch toán áp dụng cho hợp nhất kinh doanh liên quan đến các đơn vị chịu sự kiểm soát chung được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả của các đơn vị được hợp nhất theo giá trị ghi sổ tại ngày hợp nhất kinh doanh, không thực hiện đánh giá lại giá trị hợp lý;
- Không phát sinh lợi thế thương mại từ giao dịch hợp nhất kinh doanh;
- Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và giá trị tài sản thuần của bên bị hợp nhất được trình bày riêng biệt như một khoản phụ trội hay giảm trừ trong nguồn vốn chủ sở hữu;
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh tình hình tài chính và kết quả hoạt động của các đơn vị hợp nhất kể từ ngày phát sinh nghiệp vụ hợp nhất kinh doanh.

Sau ngày hợp nhất kinh doanh, nếu Công ty chuyển nhượng và mất quyền kiểm soát khoản đầu tư vào các đơn vị này, phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh và giá trị tài sản thuần của bên bị hợp nhất đã được ghi nhận vào chỉ tiêu “Vốn khác của chủ sở hữu” tại ngày hợp nhất kinh doanh sẽ được kết chuyển sang chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2. Các loại tỷ giá áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch bằng ngoại tệ.

Các loại tỷ giá áp dụng khi ghi nhận các giao dịch

- Tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch:

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán đối với các giao dịch ghi tăng: Doanh thu, Thu nhập khác, Chi phí sản xuất kinh doanh, Chi phí khác, Tài sản, vốn chủ sở hữu, Các khoản phải thu, vốn bằng tiền, Trả trước cho người bán, Các khoản phải trả, Nhận trước tiền của người mua.

Trường hợp bán hàng hoá, cung cấp dịch vụ có liên quan đến doanh thu nhận trước, hoặc nhận trước tiền của người mua: Doanh thu, thu nhập tương ứng với số tiền nhận trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm nhận trước của người mua.

Trường hợp mua tài sản có liên quan đến giao dịch trả trước cho người bán: Giá trị tài sản tương ứng với số tiền trả trước được áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm trả trước cho người bán.

- Tỷ giá ghi sổ bình quân gia quyền di động:

Được sử dụng để quy đổi ra đồng tiền ghi sổ kế toán ở bên Có các tài khoản tiền, khi thực hiện thanh toán bằng ngoại tệ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) B09-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Các loại tỷ giá áp dụng khi đánh giá tại cuối kỳ

Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo. Việc xác định các khoản tương đương tiền đảm bảo theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả các chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng) được mua để bán lại để tạo lợi nhuận.

Giá trị ghi sổ: Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Căn cứ trích lập dự phòng giảm giá: Cuối niên độ kế toán, Công ty thực hiện lập dự phòng giảm giá trong trường hợp giá trị thị trường của chứng khoán kinh doanh bị giảm xuống thấp hơn giá gốc.

b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban điều hành có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, nếu các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo các quy định khác thì các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và được giảm trừ trực tiếp vào giá trị khoản đầu tư.

c. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là tất cả các đơn vị mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở các đơn vị đó.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết trên Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng hoặc giảm tương ứng với phần sở hữu của nhà đầu tư trong lãi hoặc lỗ của bên được đầu tư sau ngày đầu tư. Phần sở hữu của nhà đầu tư trong kết quả kinh doanh của bên được đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của nhà đầu tư. Các khoản được chia từ bên được đầu tư phải hạch toán giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Việc điều chỉnh giá trị ghi sổ cũng phải thực hiện khi lợi ích của nhà đầu tư thay đổi phát sinh từ các khoản thu nhập được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của bên được đầu tư, như việc đánh giá lại TSCĐ, chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính.

d. Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi từ khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- *Phải thu khách hàng:* Gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua, bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- *Phải thu khác:* Gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán (như: phải thu về lãi tiền gửi, lãi cho vay, cổ tức, lợi nhuận được chia; các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; các khoản phải thu về cho mượn tài sản...).

Theo dõi khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải thu ngắn hạn, khoản phải thu có thời gian thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải thu dài hạn.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản nợ phải thu, căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc xác định được thực hiện theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 02 - "Hàng tồn kho", cụ thể: Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho tại địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được, được xác định bằng giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Thực tế đích danh đối với ô tô và Bình quân gia quyền đối với các mặt hàng tồn kho còn lại.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kế khai thường xuyên.

Phương pháp xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ được Công ty xác định bằng cách tập hợp toàn bộ các chi phí xây dựng theo từng công trình xây lắp đang thi công chưa hoàn thành hoặc các dịch vụ đang thực hiện chưa hoàn thành.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

Tại ngày 31/12/2024, Ban Điều hành Công ty đã thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với các mặt hàng hàng bị giảm giá, hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời...

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) B09-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

7. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định, Bất động sản đầu tư

a. Tài sản cố định hữu hình (TSCĐ HH)

TSCĐ HH được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá TSCĐ HH là toàn bộ các chi phí Công ty phải bỏ ra để có TSCĐ tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Việc xác định nguyên giá TSCĐ HH đối với từng loại phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 về tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu (chi phí nâng cấp, cải tạo, duy tu, sửa chữa...) được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng TSCĐ HH vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của TSCĐ.

Khi TSCĐ HH được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ khỏi Bảng cân đối kế toán và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý TSCĐ đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

TSCĐ HH được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính như sau:

Nhóm TSCĐ	số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	02 - 50 năm
Máy móc thiết bị	02 - 20 năm
Phương tiện vận tải	03 - 30 năm
Thiết bị quản lý	02 - 20 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	02 - 07 năm

TSCĐ khác là tài sản hình thành từ dự án đầu tư theo hình thức BOT được phản ánh ban đầu theo giá trị đầu tư và trích khấu hao theo tỷ trọng doanh thu theo thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

b. Tài sản cố định vô hình (TSCĐ VH)

TSCĐ VH được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là TSCĐ VH khi Công ty được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất không thời hạn không phải trích khấu hao.

Chương trình phần mềm

Nguyên giá TSCĐ của các chương tì ình phần mềm được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà Công ty đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ. Chương trình phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian ước tính hữu dụng.

Các quy định khác về quản lý, sử dụng, khấu hao TSCĐ

Các quy định khác về quản lý, sử dụng, khấu hao TSCĐ được Công ty thực hiện theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 45/2013/TT-BTC và thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 147/2016/TT-BTC.

c. Tài sản cố định thuê tài chính

TSCĐ thuê tài chính được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của TSCĐ thuê tài chính được ghi nhận bằng giá trị hợp lý của tài sản thuê cộng với các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính. Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ, giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu không bao gồm số thuế GTGT phải trả cho bên cho thuê.

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao trên cơ sở áp dụng chính sách khấu hao nhất quán với chính sách khấu hao của tài sản cùng loại thuộc sở hữu của Công ty.

d. Bất động sản đầu tư (BĐSĐT)

BĐSĐT gồm: Quyền sử dụng đất, nhà, cơ sở hạ tầng nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải để sử dụng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc sử dụng cho các mục đích quản lý; hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

BĐSĐT được phản ánli theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá BĐSĐT là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được BĐSĐT tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành BĐSĐT đó.

Các chi phí liên quan đến BĐSĐT phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho BĐSĐT tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá BĐSĐT.

BĐSĐT được trích khấu hao trên cơ sở áp dụng chính sách khấu hao nhất quán với chính sách kl khấu hao của tài sản cùng loại thuộc sở hữu của Công ty.

8. Nguyên tắc kế toán thuê tài sản

a) Trường hợp Công ty là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào bất động sản đầu tư của Công ty trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chi phí phát sinh trực tiếp trong quá trình cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản tiền cho thuê theo hợp đồng cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê của hợp đồng thuê.

b) Trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê theo hợp đồng thuê.

9. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Công ty ghi nhận phần vốn góp nhận được từ các bên đối tác của hợp đồng hợp tác kinh doanh là phải trả khác và phần vốn góp của Công ty vào các đối tác của hợp đồng hợp tác kinh doanh là phải thu khác. Đối với các hợp đồng chia sản phẩm và lợi nhuận mà Công ty không kiểm soát dự án, thu nhập phát sinh từ các hợp đồng này được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo hợp đồng thỏa thuận giữa các bên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) B09-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

10. Nguyên tắc kế toán thuế

a) Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành (20%).

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh điện áp mái: Công ty được miễn thuế 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi phát sinh thu nhập chịu thuế. Trường hợp 3 năm đầu không có thu nhập chịu thuế thì thời gian tính từ năm thứ 4 trở đi kể từ khi phát sinh doanh thu, hưởng ưu đãi thuế suất 10% trong thời hạn 15 năm. Năm 2025 là năm thứ 6 Công ty được hưởng ưu đãi thuế.

Ba dự án BOT (Dự án BOT Đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp đường 39B đoạn tuyến tránh thị trấn Thanh Nê, Huyện Kiến Xương và đoạn từ đường vào trung tâm điện lực Thái Bình đến cầu Diêm Điền huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; Dự án BOT đầu tư mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 1 đoạn Km597+549 - Km605+000 và đoạn Km617+000 - Km641+000 tỉnh Quảng Bình; Dự án BOT Cải tạo nâng cấp QL10 đoạn từ cầu Quán Toan đến cầu Nghìn, thành phố Hải Phòng) của Công ty đang được hưởng ưu đãi thuế hiện hành đối với dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực đầu tư phát triển đường bộ.

Đối với hoạt động sản xuất nhựa và kinh doanh nước sạch, Công ty được hưởng các ưu đãi thuế suất như sau:

- Công ty cổ phần Bình Hiệp được miễn thuế TNDN trong 4 năm (từ 2016 đến 2019), giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo (từ năm 2020 đến năm 2028) và chịu thuế suất phổ thông trên thu nhập chịu thuế của dự án đầu tư mở rộng;
- Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng Nước DNP - Bắc Giang được miễn thuế TNDN trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (năm 2020) và giảm 50% thuế TNDN phải nộp trong 5 năm tiếp theo tới năm 2025;
- Công ty TNHH MTV Xây lắp Đô thị Ninh Hòa được miễn thuế TNDN trong 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới trong lĩnh vực xã hội hóa thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn. Năm 2020 là năm đầu tiên công ty được giảm 50% thuế TNDN;
- Công ty TNHH Kiểm định Đo lường Ninh Hòa được miễn thuế TNDN trong 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư mới trong lĩnh vực xã hội thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn. Năm 2019 là năm đầu tiên công ty được giảm 50% số thuế TNDN.

b) Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp, hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại là khoản thuế TNDN sẽ được hoàn lại trong tương lai được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế, ưu đãi thuế chưa sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai có lợi nhuận tính thuế để sử dụng các chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xem xét lại và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được sử dụng. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây cũng được xem xét lại và được ghi nhận – nếu chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại này.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Thuế thu nhập

hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hoặc nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả

Thuế TNDN hoãn lại phải trả là khoản thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai, được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và thuế suất thuế TNDN.

Bù trừ

Khi lập và trình bày báo cáo tài chính, tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả chỉ được bù trừ với điều kiện các tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả này có liên quan đến việc tính thuế TNDN được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

c) Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

11. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm giá trị tiền thuê đất trả tiền một lần, công cụ, dụng cụ, chi phí lãi vay và các chi phí khác phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai của Công ty. Chi phí lãi vay được phân bổ vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo tỷ trọng doanh thu thực hiện/Tổng doanh thu từ Dự án. Các chi phí trả trước còn lại được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian sử dụng hoặc thời gian thu hồi chi phí ước tính của Công ty.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản chi phí trả trước có thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn, khoản chi phí trả trước có thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh kể từ thời điểm trả trước được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

12. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được trình bày theo giá gốc. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán:* Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản.
- Phải tra khác:* Gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ (như: phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả; phải trả do bên thứ ba chi hộ; phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...)

Theo dõi các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản phải trả có thời hạn trả nợ còn lại không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh được phân loại là phải trả ngắn hạn, khoản phải trả có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản phải trả dài hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) B09-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Các khoản phải trả thỏa mãn định nghĩa của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ: Được đánh giá lại tại thời điểm 31/12/2024 theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ (xem thêm Thuyết minh IV.2).

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn giá trị phải thanh toán.

13. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ, phải trả thuê tài chính

Nợ phải trả thuê tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, khoản vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng hoặc một chu kỳ kinh doanh tiếp theo được phân loại là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, các khoản có thời gian trả nợ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

14. Nguyên tắc ghi nhận trái phiếu phát hành

Công ty phát hành trái phiếu thường cho mục đích vay dài hạn.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) Chiết khấu trái phiếu cộng (+) Phụ trội trái phiếu.

Công ty phát hành trái phiếu ngang giá (giá phát hành bằng mệnh giá) do đó không phát sinh Chiết khấu trái phiếu hoặc Phụ trội trái phiếu

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí tài chính. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu được ghi giảm mệnh giá của trái phiếu. Định kỳ, kế toán phân bổ chi phí phát hành trái phiếu bằng cách ghi tăng giá trị mệnh giá trái phiếu và ghi nhận vào chi phí tài chính phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

15. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay gồm chi phí lãi vay và chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay (như chi phí thẩm định, kiểm toán, lập hồ sơ vay vốn...).

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ khi phát sinh (trừ các trường hợp vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”).

Chi phí đi vay được vốn hóa

Chi phí đi vay phát sinh từ khoản vay riêng có liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) sau khi đã trừ đi các khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vay này. Chi phí đi vay được vốn hóa khi doanh nghiệp chắc chắn thu được lợi ích trong tương lai do sử dụng tài sản đó và chi phí lãi vay có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

Việc vốn hóa các chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Trong năm, Công ty phát sinh 35.535.473.374 VND (năm trước phát sinh 449.866.667 VND) chi phí lãi vay được vốn hóa vào tài sản dở dang.

Chi phí lãi vay của Công ty đối với các khoản vay cho các Dự án BOT được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong năm theo tỷ trọng doanh thu thực hiện/Tổng doanh thu từ Dự án, riêng đối với 2 Dự án BOT: Đầu tư xây dựng trên quốc lộ 21 (trạm BOT Mỹ Lộc) và quốc lộ 10 (trạm BOT Đông Hưng) chi phí lãi vay được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm.

16. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận trong kỳ báo cáo dựa trên điều khoản ghi trong các hợp đồng tương ứng.

Cơ sở xác định các loại chi phí phải trả

- Trích trước chi phí tiền điện, nước, điện thoại, phí kiểm toán, phí tham gia hội nghị, học tập, chi phí truyền thông, cước dịch vụ vận tải: Căn cứ Giấy báo thanh toán của đơn vị cung cấp dịch vụ hoặc hợp đồng kinh tế đã ký với nhà cung cấp.
- Trích trước chi phí tiền lương nghỉ phép: Căn cứ Bảng theo dõi số ngày phép và đơn giá áp dụng.
- Trích trước chi phí lãi tiền vay, lãi trái phiếu phải trả trong trường hợp vay/phát hành trái phiếu trả lãi sau: Căn cứ số dư nợ gốc, thời hạn, lãi suất áp dụng.
- Trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng hóa, thành phẩm bất động sản đã bán: Căn cứ phần chênh lệch giữa chi phí theo đơn giá dự toán và chi phí thực tế tổng hợp.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; có sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó. Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận thỏa mãn các điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán số 18 “Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng”.

Phương pháp ghi nhận dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được lập thêm (hoặc hoàn nhập) theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa số dự phòng phải trả phải lập kỳ này so với số dự phòng phải trả đã lập kỳ trước chưa sử dụng đang ghi trên sổ kế toán.

Căn cứ trích lập dự phòng phải trả

Dự phòng chi phí đại tu Dự án BOT định kỳ (theo yêu cầu kỹ thuật): được trích lập căn cứ vào nhu cầu, kế hoạch sửa chữa TSCĐ định kỳ của Công ty.

Dự phòng chi phí bảo dưỡng: được trích lập căn cứ vào giá trị còn lại của gói bảo dưỡng khách hàng được tặng kèm khi ký hợp đồng mua bán xe ô tô.

Dự phòng nghiệp vụ của Công ty bao gồm: Dự phòng phí chưa được hưởng, Dự phòng bồi thường, Dự phòng dao động lớn (với nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ)/Dự phòng đảm bảo cân đối (với nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe dưới 01 năm): được trích lập theo quy định tại Thông tư số 67/2023/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 02 tháng 11 năm 2023 (“Thông tư 67”) Hướng dẫn một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm và Công văn phê duyệt số 13692/BTC-QLBH ngày 04 tháng 9 năm 2025.

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận khi Công ty nhận được tiền khách hàng trả trước liên quan đến các khoản sau: Khách hàng trả trước tiền thuê tài sản, phí quản lý vận hành, mua hóa đơn điện tử, phí hợp đồng bảo hiểm và khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện: Doanh thu chưa thực hiện được phân bổ và ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm, căn cứ thời gian, kỳ hạn của số tiền nhận trước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

B09-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

19. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

a) Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông. Vốn góp của các cổ đông được ghi theo giá thực tế phát hành cổ phiếu, nhưng được phản ánh chi tiết theo hai chỉ tiêu: vốn góp của chủ sở hữu và thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Khoản tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu vượt quá mệnh giá được ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ các ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu là số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản.

b) Nguyên tắc ghi nhận quỹ đầu tư phát triển

Theo quy định tại Điều lệ Công ty, việc trích và sử dụng Quỹ đầu tư phát triển như sau:

- Mục đích sử dụng: Đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- Thẩm quyền ra quyết định trích lập và sử dụng quỹ: Đại hội đồng cổ đông.

c) Nguyên tắc ghi nhận quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ khác của vốn chủ sở hữu là quỹ dự trữ bắt buộc, được trích lập theo quy định tại Luật Kinh doanh bảo hiểm.

d) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận chưa phân phối được theo dõi chi tiết theo kết quả hoạt động kinh doanh của từng năm tài chính (năm trước, năm nay), đồng thời theo dõi chi tiết theo từng nội dung phân chia lợi nhuận (trích lập các quỹ, bổ sung Vốn đầu tư của chủ sở hữu, chia cổ tức cho cổ đông).

20. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm bất động sản được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn những rủi ro và lợi ích về quyền sở hữu hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận khi có các yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi các khoản tiền bán hàng hoặc có khả năng bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ quản lý vận hành khu đô thị, dịch vụ thu phí đường bộ, dịch vụ thu phí tự động không dừng, dịch vụ cung cấp hóa đơn điện tử, dịch vụ cung cấp sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ, dịch vụ tư vấn quản lý và dịch vụ sửa chữa, bảo trì xe ô tô, xe gắn máy được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy.

Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Tỷ lệ hoàn thành giao dịch được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được xác định và ghi nhận dựa trên sản lượng và giá bán điện đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính gồm: Lãi tiền gửi, tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập từ hoạt động thanh lý các khoản đầu tư tài chính.

Lãi tiền gửi, lãi cho vay: Được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia: Được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

Thu nhập từ hoạt động thanh lý các khoản đầu tư tài chính: Được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu khoản đầu tư được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết). Thu nhập này được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn khoản đầu tư.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Trường hợp, hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng xây dựng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản

Doanh thu chuyển nhượng bất động sản được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua. Doanh thu chuyển nhượng bất động sản cũng bao gồm doanh thu chuyển nhượng các dự án bất động sản thông qua hình thức chuyển nhượng dự án.

Doanh thu cho thuê tài sản

Doanh thu cho thuê tài sản trong các hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản ưu đãi cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

21. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh khoản giảm trừ doanh thu, và sự kiện này phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: Công ty ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 23 “Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm”.

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính của kỳ sau mới phát sinh khoản giảm trừ doanh thu: Công ty ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) B09-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

22. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng, các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có), gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, hàng tồn kho hao hụt, mất mát...

Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán bao gồm: Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước); Khoản hoàn nhập chi phí trích trước đối với công trình xây lắp được xác định là đã hoàn thành, bàn giao (chênh lệch giữa số chi phí trích trước còn lại cao hơn chi phí thực tế phát sinh).

23. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí lãi vay, lỗ chênh lệch tỷ giá, lỗ thanh lý các khoản đầu tư tài chính, lỗ bán chứng khoán ngắn hạn, dự phòng các khoản đầu tư tài chính ...

Chi phí lãi vay (kể cả số trích trước), lỗ chênh lệch tỷ giá của kỳ báo cáo được ghi nhận đầy đủ trong kỳ.

24. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng: Là các khoản chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp).

Các khoản giảm trừ chi phí bán hàng trong năm bao gồm hoàn nhập dự phòng phải trả: chi phí bảo dưỡng xe ô tô.

Chi phí quản lý doanh nghiệp: Là các chi phí quản lý chung, gồm chi phí lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

Các khoản giảm trừ chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm bao gồm hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

25. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận là một phần của báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo bộ phận cung cấp các thông tin về các loại sản phẩm, dịch vụ tại các khu vực có địa lý khác nhau được gọi là thông tin bộ phận.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Ban Điều hành Công ty cho rằng, Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là: Đầu tư kinh doanh bất động sản, Dịch vụ thu phí đường bộ theo hình thức BOT, Dịch vụ thu phí theo hình thức điện tử không dừng, Kinh doanh ô tô, Sản xuất nước sạch, đồ gia dụng, vật liệu xây dựng và bao bì, Kinh doanh bảo hiểm và đầu tư khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận được trình bày ở Thuyết minh số VIII.3.

26. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của cá nhân được coi là liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch và số dư với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở Thuyết minh số VIII.2.

27. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được của chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang vượt quá một chu kỳ kinh doanh. Các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn tại ngày kết thúc năm tài chính bao gồm chi phí đầu tư xây dựng các dự án bất động sản để bán chưa hoàn thành.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm chi phí xây dựng TSCĐ hoặc bất động sản đầu tư. Các bất động sản xây dựng sử dụng cho nhiều mục đích (làm văn phòng, cho thuê hoặc để bán, ví dụ như tòa nhà chung cư hỗn hợp) được tập hợp chi phí đầu tư xây dựng trên khoản mục “Chi phí xây dựng cơ bản dở dang” và được kết chuyển phù hợp khi công trình, dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, căn cứ cách thức sử dụng tài sản trong thực tế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B09-DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm		Số đầu năm
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	
Tiền mặt			16.519.000.568
Tiền gửi ngân hàng (*)			2.271.394.436.319
Tiền đang chuyển			68.270.921
Cộng			2.287.981.707.808
Các khoản tương đương tiền (**)			588.177.008.966
Cộng tiền và các khoản tương đương tiền			2.876.158.716.774

(*): Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, số dư tiền gửi ngân hàng bao gồm 1.471.569.390.040 đồng là số dư các tài khoản thu phí và tài khoản ví điện tử. Tài khoản thu phí được quản lý, sử dụng tuân theo quy định trong hợp đồng BOO được ký với Bộ Giao thông vận tải và các quy định pháp lý liên quan và tài khoản ví điện tử được quản lý và sử dụng tuân theo quy định tại điều 8: Đảm bảo khả năng thanh toán, Thông tư số 47/VBHN-NHNN ngày 09 tháng 12 năm 2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về dịch vụ trung gian thanh toán (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 số dư là 1.267.838.272.462 đồng).

(**): Tương đương tiền là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính có kỳ hạn dưới 3 tháng, lãi suất từ 1,9% - 4,75%/năm.

2. Các khoản đầu tư tài chính

2.1 Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Cổ phiếu niêm yết	51.002.052.543	42.097.710.000 (8.910.000.000)	13.502.052.543	(8.259.545.455)
Công ty cổ phần cấp nước Thừa Thiên Huế - Mã HWS (2.500.000 CP)	37.500.000.000	37.500.000.000	-	-
Công ty cổ phần Đầu tư Kinh doanh Tổng hợp Điện Lực Thành phố Hồ Chí Minh - Mã HTE (1.350.000 CP)	13.500.000.000	4.590.000.000 (8.910.000.000)	13.500.000.000	(8.259.545.455)
Công ty cổ phần Chứng khoán Hải Phòng - Mã HAC (771 CP)	2.052.543	7.710.000	2.052.543	-
Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-	14.772.940.000 (*)	(8.910.868.283)
Công ty cổ phần Du lịch Bến Thành Non Nước (1.477.294 CP)	-	-	14.772.940.000	(8.910.868.283)
Cộng	51.002.052.543	(8.910.000.000)	28.274.992.543	(17.170.413.738)

Giá trị hợp lý của các cổ phiếu niêm yết được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu tại ngày 31/12.

(*): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý do các chứng khoán này chưa niêm yết trên thị trường. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản chứng khoán này có thể khác với giá trị ghi sổ.

2.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

2.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Tiền gửi có kỳ hạn	1.630.356.507.300	1.630.356.507.300	556.511.048.801	-
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại (*)	1.630.356.507.300	1.630.356.507.300	556.511.048.801	-
Trái phiếu	52.500.045.978	52.500.045.978	-	-
Trái phiếu doanh nghiệp	52.500.045.978	52.500.045.978	-	-
Cộng	1.682.856.553.278	1.682.856.553.278	556.511.048.801	-

(*): Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 1,8% - 7,3%/năm.

2.2.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Trái phiếu dài hạn	16.100.000.000	16.100.000.000	1.000.000.000	-
Cộng	16.100.000.000	16.100.000.000	1.000.000.000	-

2.3 Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B09-DN/HN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Công ty cổ phần NVT Holdings	267.240.000.000	226.750.594.865	-	-
Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ TKT Land	110.323.500.000	110.323.500.000	-	-
Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Giang	72.568.000.000	72.568.000.000	-	-
Công ty TNHH BOT Hùng Thắng Phú Thọ	69.000.000.000	84.478.257.018	-	-
Công ty cổ phần cấp nước Sài Gòn - Pleiku	44.100.000.000	-	-	-
Công ty cổ phần Đầu tư Trí Thức Tương Lai	37.703.000.000	39.309.149.894	-	-
Công ty cổ phần GreenLynk Automotives	18.000.000.000	5.719.924.703	-	-
Công ty TNHH Savico Quảng Nam	6.500.000.000	6.035.131.896	-	-
Công ty cổ phần Kỹ thuật Hạ tầng Meta	3.062.500.000	3.062.500.000	-	-
Công ty cổ phần Nước và Môi trường Đồng Hới	2.500.000.000	2.500.000.000	-	-
Công ty TNHH Cấp thoát nước Đại Dương Xanh	750.000.000	-	-	-
Công ty cổ phần Toyota Đồng Sài Gòn	-	-	-	-
Công ty cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô Gia Định	-	-	-	-
Công ty cổ phần Tasco Auto Sài Gòn	-	-	-	-
Cộng	631.747.000.000	550.747.058.376	-	-

2.4 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng TNG	295.500.000.000	-	85.500.000.000	-
Công ty cổ phần B.O.O Nước Thủ Đức	143.153.395.000	-	-	-
Công ty cổ phần Du lịch Bến Thành Non Nước	132.772.940.000	(9.274.117.828)	-	-
Công ty cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Dược phẩm Việt Nam	40.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Môi trường Tasco Củ Chi	18.000.000.000	-	18.000.000.000	-
Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Thái Bình Dương	14.000.000.000	-	14.000.000.000	-
Công ty Bảo hiểm Toàn Cầu	6.300.000.000	-	6.300.000.000	-
Công ty cổ phần Đầu tư phát triển nhà và đô thị HUD 8	4.500.000.000	-	4.500.000.000	-
Công ty cổ phần vật liệu xây dựng và khoáng sản Bình Thuận	2.020.420.260	(2.020.420.260)	-	-
Công ty cổ phần Auto Online	1.836.000.000	-	1.836.000.000	-
Tổng Công ty Đầu tư nước và Môi trường Việt Nam - CTCP	1.836.000.000	-	-	-
Công ty cổ phần Bất động sản Quảng Phú	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
Công ty cổ phần Du thuyền SVC	500.000.000	-	2.500.000.000	-
Công ty cổ phần Cơ khí Vinh	488.800.000	(376.456.778)	488.800.000	(376.456.778)
Công ty cổ phần COTABIG	300.000.000	-	300.000.000	-
Công ty cổ phần Kim khí Thăng Long	92.779.924	-	92.779.924	-
Công ty cổ phần Tư vấn Nền tảng ETC	-	-	38.000.000.000	-
Cộng	662.300.335.184	(11.670.994.866)	172.517.579.924	(376.456.778)

(*): Công ty chưa xác định giá trị hợp lý do các khoản đầu tư này chưa niêm yết trên thị trường, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Thông tin chi tiết của các Công ty liên doanh, liên kết, bao gồm ngành nghề kinh doanh, tỷ lệ quyền biểu quyết, tỷ lệ lợi ích được trình bày tại Phần I, mục 6 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất này.

Các giao dịch giữa Công ty và các Công ty liên doanh, liên kết được trình bày tại Phần VII, mục 2 - Giao dịch với các bên liên quan của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

B09-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

3. Phải thu khách hàng

3.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng là bên thứ ba	3.667.449.842.400	1.600.308.363.189
Phải thu hoạt động xây lắp	456.096.468.183	501.836.224.166
Ủy ban nhân dân Phường Từ Liêm (trước đây là Ủy ban nhân dân Quận Nam Từ Liêm)	244.883.010.283	244.883.010.283
Sở GTVT tỉnh Hưng Yên (trước đây là Sở GTVT tỉnh Thái Bình)	89.903.800.000	89.903.800.000
Ban quản lý dự án điện 2 - Chi nhánh Tập đoàn Điện lực Việt Nam	105.687.234.019	145.843.910.147
Các đối tượng khác	15.622.423.881	21.205.503.736
Phải thu kinh doanh Bất động sản	71.538.328.183	74.494.706.452
Phải thu hoạt động bán hàng hóa, thành phẩm	2.489.005.713.848	797.168.350.750
Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ Kinh doanh Phúc Gia Khang	252.378.237.729	-
Các đối tượng khác	2.236.627.476.119	797.168.350.750
Phải thu hoạt động khác	650.809.332.186	226.809.081.821
Phải thu khách hàng là bên liên quan	348.830.961.606	18.505.433.479
Phải thu kinh doanh Bất động sản	3.593.319.700	3.393.400.000
Phải thu hoạt động bán hàng hóa	345.102.851.213	14.800.738.537
Phải thu hoạt động khác (Chi tiết phải thu khách hàng là bên liên quan được thuyết minh tại thuyết minh số VIII.2)	134.790.693	311.294.942
Cộng	4.016.280.804.006	1.618.813.796.668

3.2 Phải thu dài hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng là bên thứ ba	6.250.000.000	6.250.000.000
Phải thu kinh doanh Bất động sản	6.250.000.000	6.250.000.000
Cộng	6.250.000.000	6.250.000.000

4. Trả trước cho người bán

4.1 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	số đầu năm
Trả trước cho người bán là bên thứ ba	2.208.788.102.280	685.396.131.276
Trả trước hoạt động xây lắp	14.041.165.395	19.249.099.812
Trả trước hoạt động dự án	1.374.893.893.588	429.701.952.001
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng TNG	679.357.970.769	-
Các đối tượng khác	695.535.922.819	429.701.952.001
Trả trước hoạt động bán hàng hóa, thành phẩm	320.903.966.114	129.543.461.713
Trả trước hoạt động khác	498.949.077.183	106.901.617.750
Công ty cổ phần Tư vấn Nền tảng ETC	256.500.000.000	-
Các đối tượng khác	242.449.077.183	106.901.617.750
Trả trước cho người bán là bên liên quan	150.481.725.124	74.321.158.492
Trả trước hoạt động bán hàng hóa (Chi tiết trả trước cho người bán là bên liên quan được thuyết minh tại thuyết minh số VIII.2)	150.481.725.124	74.321.158.492
Cộng	2.359.269.827.404	759.717.289.768

4.2 Trả trước cho người bán dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán là bên thứ ba	6.260.030.040	103.618.779.409
Công ty cổ phần VII Land (*)	-	98.334.779.409
Đối tượng khác	6.260.030.040	5.284.000.000
Cộng	6.260.030.040	103.618.779.409

(*) Khoản tạm ứng cho bên cho thuê tài sản theo hợp đồng nguyên tắc thuê tài sản để thuê lại quyền sử dụng đất, tài sản trên đất, kho bãi, nhà xưởng, thiết bị, máy móc tại các vị trí Công ty có thể thực hiện hoạt động kinh doanh showroom ô tô.

5. Phải thu về cho vay

5.1 Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho vay bên thứ ba	1.243.200.000.000	17.059.000.000
Công ty cổ phần Đầu tư T&D Việt Nam	513.000.000.000	-
Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Ana	345.000.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Bình An An	128.000.000.000	-
Các đối tượng khác	257.200.000.000	17.059.000.000
Cho vay hên liên quan (Chi tiết cho vay bên liên quan được thuyết minh tại thuyết minh số VIII.2)	120.651.134.593	12.740.000.000
Cộng	1.363.851.134.593	29.799.000.000

5.2 Phải thu về cho vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cho vay bên thứ ba	199.138.000.000	216.000.000
Cho vay cá nhân	138.000.000	216.000.000
Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	199.000.000.000	-
Cho vay bên liên quan (Chi tiết cho vay bên liên quan được thuyết minh tại thuyết minh số VIII.2)	-	30.000.000.000
Cộng	199.138.000.000	30.216.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B09-DN/HN

6. Phải thu khác

6.1 Phải thu khác ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác từ bên thứ ba	7.385.390.447.759	(30.087053.276)	3.200.291.972.702	(28.142.327.216)
Tạm ứng	318.557.664.388	(3.350.000.000)	131.547.731.321	(7123.997047)
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn (*)	355.105.494.218	-	206.255.311.593	-
Phải thu giá trị hoàn trả suất đầu tư	123.315.692.170	-	123.315.692.170	-
Hợp tác đầu tư mảng NVL xây dựng	834.993.850.000	-	-	-
Hợp tác đầu tư, phát triển nước sạch	887662.000.000	-	-	-
Hợp tác phát triển showroom	844.750.000.000	-	343.100.000.000	-
Hợp tác bất động sản	1.017.450.000.000	-	210.000.000.000	-
Các khoản hợp tác đầu tư khác	1.925.542.304.300	-	972.565.410.060	-
Phải thu gốc hợp đồng hợp tác kinh doanh	25.000.000.000	-	448.530.000.000	-
Phải thu tiền đặt cọc cho kinh doanh xe ô tô đã qua sử dụng hộ khách hàng	167.928.526.347	-	327.373.050.297	-
Phải thu khác	885.084.916.336	(26.737053.276)	437.604.777.261	(21.018.330.169)
Phải thu khác từ bên liên quan	13.531.393.612	-	41.636.517.657	-
Phải thu khác (Chi tiết phải thu khác từ bên liên quan được thuyết minh tại thuyết minh số VIII. 2)	13.531.393.612	-	41.636.517.657	-
Cộng	7.398.921.841.371	(30.087053.276)	3.241.928.490.359	(28.142.327.216)

6.2 Phải thu khác dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu khác từ bên thứ ba	934.286.305.368	(4.985.031.826)	1.138.718.330.137	(4.985.031.826)
Ký cược, ký quỹ dài hạn (*)	575.058.141.274	(3.150.000.000)	222.866.855.721	(3.150.000.000)
Phải thu hợp đồng hợp tác đầu tư	337.936.986.812	-	878.899.162.769	-
Phải thu khác	21.291.177.282	(1.835.031.826)	36.952.311.647	(1.835.031.826)
Phải thu khác từ bên liên quan (Chi tiết phải thu khác từ bên liên quan được thuyết minh tại thuyết minh số VII 1.2)	249.500.000.000	-	250.000.000	-
Cộng	1.183.786.305.368	(4.985.031.826)	1.138.968.330.137	(4.985.031.826)

(*): Bao gồm ký cược, ký quỹ tại ngân hàng và các bên khác. Công ty thực hiện ký quỹ tại Ngân hàng bằng các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn phục vụ bảo lãnh cho các hợp đồng vay và bảo lãnh thực hiện dự án.

7. Nợ xấu

a. Các khoản phải thu quá hạn thanh toán, hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi

	Số cuối năm		Số đầu năm		Giá trị có thể thu hồi
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	
Các khoản phải thu ngắn hạn					
Sở GTVT tỉnh Hưng Yên (trước đây là Sở GTVT tỉnh Thái Bình)	89.903.800.000	89.903.800.000	-	89.903.800.000	-
Ông Bùi Văn Khoa	19.800.000.000	18.666.359.328	1.133.640.672	19.800.000.000	-
Công ty cổ phần Xây dựng số 5	21.401.610.384	21.401.610.384	-	-	-
Công ty cổ phần Sông Đà 12	10.452.613.946	10.452.613.946	-	-	-
Công ty cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku	112.661.134.593	61.478.672.501	51.182.462.092	-	-
Các đối tượng khác	651.693.018.714	184.264.380.214	467.428.638.500	49.923.612.800	3.205.693.780
Các khoản phải thu dài hạn					
Công ty IT Fusion	3.150.000.000	3.150.000.000	-	3.150.000.000	-
Các đối tượng khác	1.835.031.826	1.835.031.826	-	1.835.031.826	-
Cộng	910.897.209.463	391.152.468.199	519.744.741.264	164.612.444.626	3.205.693.780

b. Đánh giá của Công ty về khả năng thu hồi nợ quá hạn

Công ty đã đánh giá và trích lập dự phòng đối với các khoản nợ quá hạn, nợ khó có khả năng thu hồi với sự thận trọng phù hợp. Công ty sẽ tiếp tục thực hiện các biện pháp để đảm bảo thu hồi được số nợ quá hạn.

c. Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Năm nay		Năm trước	
Số dư đầu năm	161.406.750.846		158.727.455.108	
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	11169.545.839		2.690.238.352	
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(24.666.700.528)		(10.942.614)	
Tăng do hợp nhất	255.147.336.945		-	
Xóa nợ trong năm	(11.904.464.903)		-	
Số dư cuối năm	391.152.468.199		161.406.750.846	

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 B09-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	469.557.974.147	-	315.582.513.429	-
Nguyên liệu, vật liệu	929.629.995.866	(8.008.678.183)	41.733.868.399	(512.388.092)
Công cụ, dụng cụ	48.021.631.643	(22.099.946)	24.598.317.693	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	857.987.888.852	-	836.582.753.706	-
Hàng hóa	3.103.769.125.655	(4.389.351.532)	1.943.901.951.176	(1.901.410.039)
Hàng gửi đi bán	20.038.070.886	-	15.940.308.582	-
Thành phẩm	540.627.404.078	(21.305.745.968)	1.997.567.537	(550.944.371)
Cộng	5.969.632.091.127	(33.725.875.629)	3.180.337.280.522	(2.964.742.502)

(*) Chi tiết số dư Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Khu dân cư Nam Cầu Cẩm Lệ	586.033.011.686	585.889.349.048
Dự án Khu nhà ở Tam Bình - Hiệp Bình Phước	41.268.261.307	41.268.261.307
Dự án điện mặt trời	28.503.551.981	142.119.679.444
Hệ thống showroom	121.957.389.538	29.370.589.117
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang khác	80.225.674.340	37.934.874.790
Cộng	857.987.888.852	836.582.753.706

Thông tin về hàng tồn kho được dùng thế chấp, cầm cố cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng xem tại Thuyết minh V.23

Chi tiết tình hình tăng, giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	Năm nay	Năm trước
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho đầu năm	2.964.742.502	2.457.430.625
Dự phòng trích lập trong năm	4.545.506.381	1.418.561.104
Dự phòng tăng do hợp nhất	55.398.186.540	259.185.023
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(29.156.070.454)	(1.170.434.250)
Dự phòng giảm do thoái vốn tại Công ty con	(26.489.340)	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm	33.725.875.629	2.964.742.502

9. Chi phí trả trước

9.1 Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	27.854.461.072	9.892.129.660
Chi phí thuê đất, thuê kho, thuê văn phòng	14.444.270.036	10.393.997.734
Hoa hồng bảo hiểm chờ phân bổ	33.678.224.104	6.739.777.752
Chi phí mua buôn nước	8.195.321.048	-
Chi phí mua hỗ trợ đại lý bảo hiểm	21.423.545.560	-
Chi phí trả trước khác	49.329.374.386	21.563.147.568
Cộng	154.925.196.206	48.589.052.714

9.2 Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	62.708.125.700	38.773.663.019
Chi phí thuê đất, thuê mặt bằng	126.819.529.468	107.228.120.987
Quyền thuê đất	344.020.175.549	-
Chi phí lãi vay các dự án BOT	1.129.365.261.518	1.154.400.817.063
Chi phí lắp đặt và thay đồng hồ đo nước	33.272.346.015	-
Chi phí trung tu dự án BOT	45.756.985.676	60.969.659.668
Chi phí cải tạo, sửa chữa, di dời tài sản	63.852.111.779	69.390.107.873
Chi phí quảng cáo, truyền thông, xây dựng thương hiệu	74.199.554.701	-
Chi phí trả trước khác	73.328.707.486	35.975.268.239
Cộng	1.953.322.797.892	1.466.737.636.849

10. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu năm	14.351.114.987	15.361.840.453	29.712.955.440
Thuê trong năm	21.796.312.999	65.232.054.217	87.028.367.216
Tăng do hợp nhất kinh doanh	327.051.593.496	14.425.133.159	341.476.726.655
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(34.853.485.098)	(14.957.767.727)	(49.811.252.825)
Giảm do thoái vốn tại Công ty con	(15.230.744.617)	-	(15.230.744.617)
Số cuối năm	313.114.791.767	80.061.260.102	393.176.051.869
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số đầu năm	1.816.322.022	3.793.337.964	5.609.659.986
Khấu hao trong năm	6.018.351.041	3.142.296.303	9.160.647.344
Tăng do hợp nhất kinh doanh	62.115.027.675	2.593.963.946	64.708.991.621
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	(10.459.184.237)	(5.185.739.130)	(15.644.923.367)
Giảm do thoái vốn tại Công ty con	(3.257.008.210)	-	(3.257.008.210)
Số cuối năm	56.233.508.291	4.343.859.083	60.577.367.374
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số đầu năm	12.534.792.965	11.568.502.489	24.103.295.454
Số cuối năm	256.881.283.476	75.717.401.019	332.598.684.495

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B09-DN/HN

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
NGUYÊN GIÁ						
Số đầu năm	1.287.553.015.766	405.327.079.782	361.613.841.908	39.201.773.335	7.526.079.455.625	9.619.775.166.416
Mua sắm mới	354.046.349.084	62.447.412.137	518.780.759.570	2.474.140.753	8.288.972.719	946.037.634.263
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	73.798.315.530	55.148.566.293	27.258.574.701	-	7.814.442.637	164.019.899.161
Tăng do hợp nhất kinh doanh	1.907.160.399.796	3.522.819.980.338	5.589.972.713.773	44.254.311.103	4.177.642.299	11.068.385.047.309
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	34.853.485.098	8.778.952.728	-	-	43.632.437.826
Tăng khác	-	-	69.808.135	-	3.502.902.204	3.572.710.339
Thanh lý, nhượng bán	(38.965.240.718)	(560.210.274.016)	(177.695.612.192)	(2.369.275.505)	(845.412.962)	(780.085.815.393)
Giảm do thoái vốn tại Công ty con	(248.125.728.143)	(47.324.284.939)	(15.619.407.384)	-	(7.564.887.933)	(318.634.308.399)
Giảm khác	(11.229.727.196)	(426.490.000)	(72.11.392.780)	-	(1.553.084.832)	(20.420.694.808)
Phân loại lại	(593.274.218)	(676.199.993)	611.320.749	-	658.153.462	-
Số cuối năm	3.323.644.109.901	3.471.959.274.700	6.306.559.559.208	83.560.949.686	7.540.558.183.219	20.726.282.076.714
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số đầu năm	525.689.112.354	283.473.125.321	96.815.376.558	26.244.083.646	2.460.135.503.336	3.392.357.201.215
Khấu hao trong năm	108.898.011.998	56.737.725.056	97.645.616.455	2.209.247.047	382.245.434.806	647.736.035.362
Tăng do hợp nhất kinh doanh	1.020.932.293.317	2.125.926.096.509	2.284.941.808.402	24.045.761.346	2.576.883.746	5.458.422.843.320
Mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	10.459.184.237	3.072.920.322	-	-	13.532.104.559
Tăng khác	-	676.79.054	-	-	-	67.679.054
Thanh lý, nhượng bán	(15.863.278.419)	(370.543.188.606)	(70.925.955.331)	(2.069.100.209)	(201.744.041)	(459.603.266.606)
Giảm do thoái vốn tại Công ty con	(128.007.787.494)	(34.368.130.606)	(4.766.222.456)	-	(2.887.935.565)	(170.030.076.121)
Giảm khác	(11.229.727.196)	(323.160.078)	(1.551.562.012)	-	(32.677.080)	(13.137.126.366)
Phân loại lại	645.806.314	(193.171.995)	(941.546.159)	-	488.911.840	-
Số cuối năm	1.501.064.430.874	2.071.236.158.892	2.404.290.435.779	50.429.991.830	2.842.324.377.042	8.869.345.394.417
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số đầu năm	761.863.903.412	121.853.954.461	264.798.465.350	12.957.689.689	5.065.943.952.289	6.227.417.965.201
Số cuối năm	1.822.579.679.027	1.400.723.115.808	3.902.269.123.429	33.130.957.856	4.698.233.806.177	11.856.936.682.297

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại ngày 31/12/2025 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 2.219.397.488.773 VND (tại ngày 31/12/2024 là 923.029.055.963 VND).

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình tại ngày 31/12/2025 đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo khoản vay là 9.032.713.422.152 VND (tại ngày 31/12/2024 là 5.495.729.840.310 VND).

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hìnhkhác	Cộng
NGUYÊN GIÁ				
Số đầu năm	701.580.662.300	281.929.294.672	-	983.509.956.972
Mua trong năm	-	47.299.691.089	-	47.299.691.089
Tăng do hợp nhất kinh doanh	115.214.082.395	33.500.794.060	7.453.230.064	156.168.106.519
Giảm do thoái vốn tại công ty con	-	(3.292.105.419)	-	(3.292.105.419)
Thanh lý, nhượng bán	(67.598.843.294)	(419.465.617)	-	(68.018.308.911)
Xóa bỏ tài sản	-	(799.759.838	-	(799.759.838)
Số cuối năm	749.195.901.401	358.218.448.947	7.453.230.064	1.114.867.580.412
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số đầu năm	38.780.466.433	100.691.286.940	-	139.471.753.373
Khấu hao trong năm	14.815.284.807	25.157.354.345	63.341.270	40.035.980.422
Tăng do hợp nhất kinh doanh	10.832.945.270	20.012.412.551	5.521.040.978	36.366.398.799
Giảm do thoái vốn tại công ty con	-	(1.865.348.016)	-	(1.865.348.016)
Thanh lý, nhượng bán	-	(184.275.145)	-	(184.275.145)
Xóa bỏ tài sản	-	(799.759.838)	-	(799.759.838)
Số cuối năm	64.428.696.510	143.011.670.837	5.584.382.248	213.024.749.595
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số đầu năm	662.800.195.867	181.238.007.732	-	844.038.203.599
Số cuối năm	684.767.204.891	215.206.778.110	1.868.847.816	901.842.830.817

(*): Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất không xác định thời hạn và quyền sử dụng đất có thời hạn 18 năm và 48 năm.

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ vô hình tại ngày 31/12/2025 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 37.561.976.103 VND (tại ngày 31/12/2024 là 18.175.761.987 VND).

Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình tại ngày 31/12/2025 đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo khoản vay là 550.520.677.705 VND (tại ngày 31/12/2024 là 783.574.302.283 VND).

13. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Quyền sử dụng đất (*)	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	159.362.332.080	1.130.332.081.139	530.541.500.000	1.820.235.913.219
Tăng trong năm	-	22.243.451.808	-	22.243.451.808
Số cuối năm	159.362.332.080	1.152.575.532.947	530.541.500.000	1.842.479.365.027
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số đầu năm	25.483.284.016	357.407.647.888	46.698.040.663	429.588.972.567
Khấu hao trong năm	5.288.015.640	41.948.186.275	15.566.013.552	62.802.215.467
Số cuối năm	30.771.299.656	399.355.834.163	62.264.054.215	492.391.188.034
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	133.879.048.064	772.924.433.251	483.843.459.337	1.390.646.940.652
Số cuối năm	128.591.032.424	753.219.698.784	468.277.445.785	1.350.088.176.993

(*): Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất không xác định thời hạn và quyền sử dụng đất có thời hạn 48 năm.

Trong đó:

Nguyên giá Bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2025 đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê là 61.663.261.195 VND (tại ngày 31/12/2024 là 64.070.515.740 VND).

Giá trị còn lại của Bất động sản đầu tư tại ngày 31/12/2025 đã dùng thế chấp, cầm cố, đảm bảo khoản vay là 982.968.558.010 VND (tại ngày 31/12/2024 là 1.064.661.424.385 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

B09-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

14. Tài sản dở dang dài hạn

14.1 Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị cỏ thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Dự án khu đô thị mới (*)	205.140.582.795	205.140.582.795	216.870.533.498	216.870.533.498
Dự án khu nhà ở sinh thái	98.147.790.796	98.147.790.796	158.559.571.533	158.559.571.533
Dự án khu nhà ở đô thị	134.172.854.094	134.172.854.094	41.274.755.164	41.274.755.164
Các dự án khác	72.490.000	72.490.000	-	-
Cộng	437.533.717.685	437.533.717.685	416.704.860.195	416.704.860.195

(*): Theo quyết định của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tại bản án số 108/KDTM-PT ngày 30/06/2022 về việc tranh chấp hợp đồng kinh tế, theo đó: Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị phải bàn giao cho Công ty cổ phần Tasco diện tích đất còn thiếu tại dự án là 12.870 m2 hoán đổi phần diện tích chênh lệch do điều chỉnh quy hoạch của các lô đất BT01, LK03, LK24, LK25 theo cam kết tại Biên bản cuộc họp ngày 28/12/2017 sang các lô LKM3, LKM5', LKM6, LKM7, LKM8 và một phần diện tích của lô LKM5 với các chỉ tiêu theo quy hoạch điều chỉnh được phê duyệt tại Quyết định số 5092/QĐ-UBND ngày 31/07/2017 của UBND thành phố Hà Nội.

14.2 Xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án Long Hoà - Cần Giờ	-	715.354.171.944
Dự án Mercure, Sơn Trà, Đà Nẵng	506.751.790.864	504.734.696.066
Dự án 104 Phổ Quang	267.400.650.953	267.400.650.953
Dự án nhà máy CKD	381.487.345.575	29.012.053.765
Dự án Nhà máy nước sạch DNP Bắc Giang – Giai đoạn 2	305.375.110.529	-
Dự án Nhà máy tại KCN Đất Đỏ I	459.363.967.921	-
Dự án xây dựng tuyến đường BT	189.143.448.611	189.143.448.611
Dự án khu chức năng đô thị	54.410.953.846	54.410.953.846
Dự án tòa nhà văn phòng	30.801.527.855	30.791.935.255
Các dự án khác	259.631.565.460	71.651.843.483
Cộng	2.454.366.361.614	1.862.499.753.923

15. Lợi thế thương mại

	Công ty cổ phần Tasco Auto (*)	Công ty TNHH Bảo hiểm Tasco	Công ty TNHH Tasco Investment	Công ty cổ phần DNP Holding	Cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu năm	2.914.536.523.666	99.678.880.326	-	-	3.014.215.403.992
Tăng trong năm	13.058.339.165	-	23.240.451.757	510.646.246.216	546.945.037.138
Số cuối năm	2.927.594.862.831	99.678.880.326	23.240.451.757	510.646.246.216	3.561.160.441.130
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu năm	843.254.373.251	22.427.748.074	-	-	865.682.121.325
Khấu hao trong năm	302.541.477.535	9.967.888.033	1.697.844.114	4.255.385.385	318.462.595.067
Điều chỉnh hợp nhất	(8.927.407.870)	-	-	-	(8.927.407.870)
Số cuối năm	1.136.868.442.916	32.395.636.107	1.697.844.114	4.255.385.385	1.175.217.308.522
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số đầu năm	2.071.282.150.415	77.251.132.252	-	-	2.148.533.282.667
Số cuối năm	1.790.726.419.915	67.283.244.219	21.542.607.643	506.390.860.831	2.385.943.132.608

(*): Lợi thế thương mại không phát sinh khi Công ty phát hành cổ phiếu để hoán đổi 100% cổ phần của Công ty cổ phần SVC Holdings (hiện tại là Công ty cổ phần Tasco Auto) do việc hợp nhất BCTC của Công ty cổ phần Tasco Auto được thực hiện theo nguyên tắc Hợp nhất kinh doanh liên quan đến các đơn vị chịu sự kiểm soát chung (Chi tiết xem tại thuyết minh IV/1) . Giá trị Lợi thế thương mại phát sinh khi Công ty cổ phần Tasco Auto và các Công ty con đầu tư thêm và mua các công ty con.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

B09-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán là bên thứ ba	2.071.693.110.558	2.071.693.110.558	1.200.498.290.074	1.200.498.290.074
Phải trả hoạt động kinh doanh BDS	88.314.956.696	88.314.956.696	65.214.106.519	65.214.106.519
Phải trả hoạt động xây lắp	193.896.033.597	193.896.033.597	294.399.380.258	294.399.380.258
Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn Thông ELCOM	21.688.184.347	21.688.184.347	37.563.715.175	37.563.715.175
Công ty cổ phần Công nghệ Tiên Phong	-	-	54.174.512.852	54.174.512.852
Các đối tượng khác	172.207.849.250	172.207.849.250	202.661.152.231	202.661.152.231
Phải trả hoạt động bán hàng hóa	1.578.020.236.778	1.578.020.236.778	692.852.881.565	692.852.881.565
Công ty TNHH Ô Tô Isuzu Việt Nam	61.086.560.757	61.086.560.757	87.894.847.113	87.894.847.113
Công ty TNHH Ford Việt Nam	85.993.723.699	85.993.723.699	70.304.307.244	70.304.307.244
Volvo Car Corporation	274.571.618.893	274.571.618.893	249.864.572.786	249.864.572.786
Công ty Cổ phần Liên doanh Ô tô Hyundai Thành Công Việt Nam	108.519.803.152	108.519.803.152	31.824.191.462	31.824.191.462
Các đối tượng khác	1.047.848.530.277	1.047.848.530.277	252.964.962.960	252.964.962.960
Phải trả hoạt động khác	211.461.883.487	211.461.883.487	148.031.921.732	148.031.921.732
Công ty TNHH Giải pháp thẻ vàng	18.673.573.000	18.673.573.000	65.673.573.000	65.673.573.000
Các đối tượng khác	192.788.310.487	192.788.310.487	82.358.348.732	82.358.348.732
Phải trả người bán là bên liên quan	399.491.394.072	399.491.394.072	15.921.343.923	15.921.343.923
Phải trả hoạt động bán hàng hóa	399.069.229.332	399.069.229.332	13.985.908.402	13.985.908.402
Phải trả hoạt động khác (Chi tiết phải trả người bán là bên liên quan được thuyết minh tại thuyết minh số VIII.2)	422.164.740	422.164.740	1.935.435.521	1.935.435.521
Cộng	2.471.184.504.630	2.471.184.504.630	1.216.419.633.997	1.216.419.633.997

17. Người mua trả tiền trước

17.1 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước là bên thứ ba	379.111.037.205	334.024.851.724
Người mua trả tiền trước hoạt động xây lắp	708.280.068	12.994.364.265
Ban quản lý dự án điện 2 - Chi nhánh Tập đoàn điện lực Việt Nam	-	12.286.084.197
Các đối tượng khác	708.280.068	708.280.068
Người mua trả tiền trước hoạt động đầu tư	31.961.737.557	30.699.304.107
Người mua trả tiền trước hoạt động cho thuê Trung tâm Thương mại	16.496.619.977	16.236.538.800
Người mua trả tiền trước hoạt động bán hàng hóa	246.430.641.763	185.449.609.867
Người mua trả tiền trước hoạt động khác	83.513.757.840	88.645.034.685
Tổng công ty đầu tư phát triển đường Cao tốc Việt Nam - Công ty TNHH MTV	31.739.424.381	36.215.897.510
Các đối tượng khác	51.774.333.459	52.429.137.175
Người mua trả tiền trước là bên liên quan	2.466.134.000	-
Người mua trả tiền trước hoạt động bán hàng hóa	2.466.014.000	-
Người mua trả tiền trước hoạt động khác (Chi tiết người mua trả tiền trước là bên liên quan được thuyết minh tại thuyết minh số VIII.2)	120.000	-
Cộng	381.577.171.205	334.024.851.724

17.2 Người mua trả tiền trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước là bên thứ ba	37.275.349.942	42.703.951.553
Tổng công ty đầu tư phát triển đường Cao tốc Việt Nam - Côngty TNHH MTV	-	28.021.114.817
Công ty TNHH Delta Valley Bình Thuận	20.334.585.950	-
Các đối tượng khác	16.940.763.992	14.682.836.736
Người mua trả tiền trước là bên liên quan	-	-
Cộng	37.275.349.942	42.703.951.553

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

B09-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

18. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

18.1 Thuế phải nộp

	Số đầu năm	Số phải nộp/tăng, giảm do hợp nhất trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	68.193.894.875	851.935.785.261	772.832.916.568	147.296.763.568
Thuế thu nhập doanh nghiệp (i)	179.844.272.935	506.779.518.538	205.947.940.597	480.675.850.876
Thuế thu nhập cá nhân	15.766.701.755	118.134.028.109	110.897.528.244	23.003.201.620
Các loại thuế khác	7.618.312.655	1.207.972.108.215	1.137.140.127.504	78.450.293.366
Cộng	271.423.182.220	2.684.821.440.123	2.226.818.512.913	729.426.109.430

(i): Phần thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp trong năm bao gồm cả thuế TNDN nộp thay cho đối tác liên doanh tương ứng với các sản phẩm thuộc dự án khu nhà ở sinh thái Xuân Phương đã bán theo uỷ quyền trong hợp đồng liên doanh và các phụ lục hợp đồng kèm theo.

18.2 Thuế phải thu

	Số đầu năm	Số phải thu/tăng, giảm do hợp nhất trong năm	Số đã thu/cán trừ trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	10.657.188.173	7.275.238.600	9.649.750.859	8.282.675.914
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.085.323.345	10.602.960.956	774.427.258	17.913.857.043
Thuế thu nhập cá nhân	172.899.960	1.364.881.943	95.794.437	1.441.987.466
Các loại thuế khác	32.238.797.501	(1.243.491.047)	27.271.037.757	3.724.268.697
Cộng	51.154.208.979	17.999.590.452	37.791.010.311	31.362.789.120

19. Chi phí phải trả

19.1 Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước chi phí lãi vay, lãi trái phiếu phải trả	106.161.375.148	25.380.185.701
Trích trước chi phí lãi hợp đồng hợp tác đầu tư	29.397.678.082	-
Trích trước giá vốn bất động sản	58.236.323.217	59.913.797.529
Trích trước giá vốn dịch vụ thu phí tự động không dừng	-	12.276.871.185
Trích trước lương và các chi phí có liên quan	32.061.238.269	23.683.146.887
Trích trước chi phí theo chính sách bán hàng	48.978.680.590	19.258.754.966
Trích trước chi phí các dự án Showroom	41.429.690.253	-
Chi phí phải trả khác	106.300.961.199	72.745.956.769
Cộng	422.565.946.758	213.258.713.037

19.2 Chi phí phải trả dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước chi phí lãi vay, lãi trái phiếu phải trả	101.700.095.167	-
Chi phí phải trả khác	3.512.860.227	1.808.699.047
Cộng	105.212.955.394	1.808.699.047

20. Doanh thu chưa thực hiện

20.1 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu cho thuê bất động sản nhận trước	18.924.624.888	9.315.903.808
Doanh thu chưa thực hiện từ hoạt động bán hàng có điều kiện	8.297.169.141	8.880.549.974
Doanh thu chưa thực hiện từ hoạt động bán bảo hiểm	843.728.920.328	388.865.462.299
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	11.052.968.733	1.739.994.686
Cộng	882.003.683.090	408.801.910.767

20.2 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu cho thuê bất động sản nhận trước	32.082.399.995	38.552.799.995
Doanh thu chưa thực hiện từ hoạt động bán hàng có điều kiện	7.281.636.539	7.129.985.838
Doanh thu chưa thực hiện từ hoạt động bán bảo hiểm	-	1.031.298.935
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	2.301.120.062	984.693.401
Cộng	41.665.156.596	47.698.778.169

21. Phải trả khác

21.1 Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả khác là bên thứ ba	2.288.116.027.369	1.947.354.861.750
BHXX, BHYT, BHTN	693.556.362	195.318.521
Kinh phí công đoàn	8.520.049.166	896.759.083
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	28.273.744.916	57.309.629.504
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	11.790.858.272	9.485.062.740
Phải trả đối tác liên doanh	75.858.379.146	208.025.614.337
Phải trả khách hàng Ví điện tử	586.082.580.235	138.264.612.921
Phải trả khách hàng ETC	747.330.973.038	997.475.610.470
Lãi phải trả theo điều khoản hợp đồng	-	39.894.965.585
Phải trả tiền mua cổ phần	106.000.000.000	50.000.000.000
Phải trả đối tác theo hợp đồng hợp tác đầu tư	112.000.000.000	-
Phải trả, phải nộp khác	611.565.886.234	445.807.288.589
Phải trả khác là bên liên quan (Chi tiết phải trả khác là bên liên quan được thuyết minh tại thuyết minh số VIII. 2)	1.468.697.292	1.177.549.292
Cộng	2.289.584.724.661	1.948.532.411.042

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

B09-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

21.2 Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả khác là bên thứ ba	3.630.085.860.640	1.685.244.167.914
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	149.046.712.973	56.461.453.668
Phải trả đối tác theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	942.028.469.846	979.161.068.277
Phải trả đối tác theo hợp đồng hợp tác đầu tư	1.234.750.000.000	-
Phải trả về chuyển nhượng cổ phần	319.754.988.504	-
Phải trả, phải nộp khác	984.505.689.317	649.621.645.969
Phải trả khác là bên liên quan (Chi tiết phải trả khác là bên liên quan được thuyết minh tại thuyết minh số VII 1.2)	-	979.178.200
Cộng	3.630.085.860.640	1.686.223.346.114

22. Dự phòng phải trả

22.1 Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm	203.634.520.207	71.758.744.785
Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa	14.418.108.695	16.842.357.805
Cộng	218.052.628.902	88.601.102.590

22.2 Dự phòng phải trả dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa	27.313.952.964	18.554.733.747
Dự phòng chi phí đại tu Dự án BOT định kỳ	-	38.460.745.459
Cộng	27.313.952.964	57.015.479.206

23. Vay và nợ thuê tài chính

23.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
			Vay mới	Do hợp nhất kinh doanh		
Vay ngắn hạn	3.559.193.157.589	3.559.193.157.589	25.920.243.915.934	4.353.535.051.938	25.332.361.502.342	8.500.610.623.119
Vay ngân hàng	3.414.691.032.767	3.414.691.032.767	25.197.803.102.171	4.327.824.725.395	24.903.525.139.802	8.036.793.720.531
Vay tổ chức tài chính	139.863.308.822	139.863.308.822	698.940.813.763	-	404.137.219.997	434.666.902.588
Vay đối tượng khác	4.638.816.000	4.638.816.000	23.500.000.000	25.710.326.543	24.699.142.543	29.150.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	515.232.345.942	515.232.345.942	492.906.163.183	587.275.267.621	401.616.097.169	1.193.797.679.577
Vay ngân hàng	512.659.444.498	512.659.444.498	424.526.055.212	277.118.113.849	377.774.029.793	836.529.584.216
Vay tổ chức tài chính	2.572.900.994	2.572.900.994	58.144.883.114	34.981.027.646	10.282.921.318	85.415.890.436
Vay đối tượng khác	-	-	10.235.224.857	76.426.126.126	13.709.146.058	72.952.204.925
Trái phiếu	-	-	-	198.750.000.000	(150.000.000)	198.900.000.000
Mệnh giá trái phiếu	-	-	-	200.000.000.000	-	200.000.000.000
Chi phí phát hành	-	-	-	1.250.000.000	150.000.000	1.100.000.000
Cộng	4.074.425.503.531	4.074.425.503.531	26.413.150.079.117	4.940.810.319.559	25.733.977.599.511	9.694.408.302.696

23.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
			Vay mới	Do hợp nhất kinh doanh		
Vay ngân hàng	5.413.419.279.713	5.413.419.279.713	2.514.956.367.771	1.907.501.694.349	941.925.057.080	8.893.952.284.753
Vay tổ chức tài chính	10.767.973.151	10.767.973.151	87.659.528.275	249.160.225.178	78.784.408.580	268.803.318.024
Vay đối tượng khác	239.700.000.000	239.700.000.000	56.000.000.000	862.206.982.112	40.300.000.000	1.117.606.982.112
Trái phiếu	477.565.114.155	477.565.114.155	829.621.000.000	630.992.973.599	(8.761.336.969)	1.946.940.424.723
Mệnh giá trái phiếu	500.000.000.000	500.000.000.000	835.000.000.000	640.000.000.000	-	1.975.000.000.000
Chi phí phát hành	22.434.885.845	22.434.885.845	5.379.000.000	9.007.026.401	8.761.336.969	28.059.575.277
Cộng vay dài hạn	6.141.452.367.019	6.141.452.367.019	3.488.236.896.046	3.649.861.875.238	1.052.248.128.691	12.227.303.009.612

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

B09-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

23.3 Thông tin chi tiết về các khoản vay ngắn hạn, dài hạn còn số dư cuối năm

Các bên cho vay	Vay ngắn hạn		Vay dài hạn				
	Số dư	Lãi suất/năm (gồm lãi suất vay dài hạn đến hạn trả)	Số dư vay dài hạn đến hạn trả	Số dư vay dài hạn	Tổng số dư	Lãi suất/năm	Kỳ hạn
Ngân hàng	8.036.793.720.531		836.529.584.216	8.893.952.284.753	9.730.481.868.969		
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	2.424.146.165.703	3% - 8%	246.442.391.589	2.356.728.526.908	2.603.170.918.497	5,8% - 10%	36 - 180 tháng
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	10.000.000.000	6,92%	231.935.264.646	135.614.008.906	367.549.273.552	6,5% - 9%	107 - 300 tháng
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	1.468.445.260.881	4,1% - 71%	149.413.149.474	1.762.575.896.247	1.911.989.045.721	6,2% - 9,1%	48 - 234 tháng
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	1.491.113.578.466	3% - 6,8%	73.949.026.781	2.213.249.662.684	2.287.198.689.465	5,8% - 8,8%	36 - 216 tháng
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	231.495.117.403	6,5% - 9,5%	4.392.300.000	13.285.133.334	17.677.433.334	71% - 9,9%	48 - 120 tháng
Ngân hàng TMCP Quân đội	326.799.297.366	5,2% - 10%	7.467.054.542	545.514.389.487	552.981.444.029	9,5% - 10,17%	48 - 120 tháng
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	502.253.675.667	6,15% - 8,8%	21.625.000.000	102.718.750.000	124.343.750.000	11,00%	96 tháng
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	301.124.759.290	5,5% - 7,8%	-	-	-	-	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	5.142.214.000	4,68%	10.589.834.484	7.222.917.187	17.812.751.671	6,68% - 8,2%	48 - 60 tháng
Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển	85.983.395.750	5,3% - 7%	-	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Á Châu	391.260.119.500	5% - 7%	-	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	75.230.834.223	6,5% - 11,9%	45.733.000.000	1.757.043.000.000	1.802.776.000.000	10,3% - 11,2%	120 tháng
Ngân hàng TNHH MTV United Overseas Bank (Việt Nam)	201.742.181.446	5,4% - 6,25%	-	-	-	-	-

Các bên cho vay	Vay ngắn hạn		Vay dài hạn				
	Số dư	Lãi suất/năm (gồm lãi suất vay dài hạn đến hạn trả)	Số dư vay dài hạn đến hạn trả	Số dư vay dài hạn	Tổng số dư	Lãi suất/năm	Kỳ hạn
Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh (HDB)	73.453.368.540	5,7% - 5,9%	-	-	-	-	-
Ngân hàng Sinopac	65.087528.616	73% - 8,2%	-	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Việt Á (VietABank)	134.540.000.000	79% - 9,5%	44.982.562.700	-	44.982.562.700	9,82%	24 tháng
Ngân hàng TM TNHH E.sun	144.652.028.207	6,8% - 9,1%	-	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	12.000.155.000	5,5% - 8%	-	-	-	-	-
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam	25.995.060.000	4,8% - 5,25%	-	-	-	-	-
Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered Việt Nam	66.328.980.473	5% - 7%	-	-	-	-	-
Tổ chức tài chính	434.666.902.588		85.415.890.436	268.803.318.024	354.219.208.460		
Công ty Cho thuê tài chính TNHH BIDV-SUMI TRUST	-		40.504.735.296	109.459.646.952	149.964.382.248	7,9% - 8,4%	36 - 61 tháng
Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	58.780.766.715	10,5% - 11%	-	-	-	-	-
Quý Đầu tư Phát triển Khánh Hòa	-		7860.000.000	86127000.000	93.987000.000	79% - 8,29%	49 - 120 tháng
Công ty TNHH Một thành viên cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-		13.480.649.721	22.108.048.038	35.588.697759	4% - 8,2%	36 - 63 tháng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B09-DN/HN

Các bên cho vay	Vay ngắn hạn		Vay dài hạn				
	Số dư	Lãi suất/năm (gồm lãi suất vay dài hạn đến hạn trả)	Số dư vay dài hạn đến hạn trả	Số dư vay dài hạn	Tổng số dư	Lãi suất/năm	Kỳ hạn
Công ty cổ phần Chứng khoán VNDirect	177290.227.241	12,5%	-	-	-		
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn Thương	-		278.943.600	4.461.876.882	4.740.820.482	8,3%	60 tháng
Công ty cổ phần Chứng khoán BIDV	12.120104.435	11,5%	-	-	-		
Công ty TNHH cho thuê Tài Chính Quốc Tế Chailease	-		12.163.089.939	3.491.551.003	15.654.640.942	7,86% - 9,66%	42 - 60 tháng
Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt	32.182.639.383	9% - 12%	-	-	-		
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-		1.726.099.880	-	1.726.099.880	11,2%	48 tháng
Công ty cổ phần Chứng khoán DNSE	12.406.886.860	11,5%	-	-	-		
Công ty TNHH MTV Tài chính Toyota Việt Nam	13.898.340.000	5,5%	-	-	-		
Công ty TNHH Chứng khoán JB Việt Nam	28.987.000.000	9,3%	-	-	-		
Quỹ Đầu tư Phát triển Bình Phước	-		2.423.200.000	5.451.256.496	7.874.456.496	6,7% - 7%	48 tháng
Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí	17.424.366.880	12%	-	-	-		
Quỹ Đầu tư Phát triển Tây Ninh	-		5.704.000.000	29.102.104.119	34.806.104.119	5,8% - 71%	120 tháng

Các bên cho vay	Vay ngắn hạn		Vay dài hạn				
	Số dư	Lãi suất/năm (gồm lãi suất vay dài hạn đến hạn trả)	Số dư vay dài hạn đến hạn trả	Số dư vay dài hạn	Tổng số dư	Lãi suất/năm	Kỳ hạn
Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội	71.978.571.074	11%	-	-	-		
Quỹ Đầu tư Phát triển Tiền Giang	-		1.275.172.000	8.601.834.534	9.877.006.534	6,8% - 7,2%	240 tháng
Công ty cổ phần Chứng khoán Nhất Việt	9.598.000.000	10,5%	-	-	-		
Đối tượng khác	29.150.000.000		72.952.204.925	1.117.606.982.112	1.190.559.187.037		
Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Việt Nam	3.300.000.000	12%	-	-	-		
Công ty cổ phần Đầu tư T và D Việt Nam	12.400.000.000	7%	-	-	-		
Công ty cổ phần Atis	-		54.118.954.925	611.858.583.199	665.977.538.124		120 tháng
Công ty cổ phần Đầu tư Kinh doanh Nhà Bình Phước	-		133.250.000	266.500.000	399.750.000	0%	60 tháng
Bộ Tài chính	-		13.500.000.000	172.309.901.757	185.809.901.757	6,75%	300 tháng
UBND tỉnh Bình Thuận	-		5.200.000.000	26.380.383.862	31.580.383.862	0%	180 tháng
Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận	-		-	6.091.613.294	6.091.613.294	0%	180 tháng
Công ty TNHH TM dịch vụ sản xuất Bình An An	-		-	61.000.000.000	61.000.000.000	6,25%	24 tháng
Đối tượng khác	-		-	239.700.000.000	239.700.000.000	11,5%	36 tháng
Vay cá nhân	13.450.000.000	0%	-	-	-		
Cộng	8.500.610.623.119		994.897.679.577	10.280.362.584.889	11.275.260.264.466		

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

B09-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

23.4 Thông tin chi tiết về trái phiếu phát hành

Đơn vị tư vấn và bảo lãnh phát hành	Số lượng trái phiếu	Số dư cuối năm	Kỳ hạn trả gốc, lãi	Lãi suất	Mục đích phát hành	Tài sản đảm bảo	Bảo lãnh thanh toán
Công ty cổ phần Chứng khoán VNDirect	5.000	500.000.000.000	Kỳ hạn: 3 năm. Tiền gốc và lãi trái phiếu được trả một lần vào cuối kỳ hạn trái phiếu	Lãi suất năm đầu cố định 10,5%/năm; các năm tiếp theo lãi suất thả nổi biên độ dao động 4% nhưng không thấp hơn 10,5%/năm	Tái cơ cấu nợ	Một phần cổ phần phổ thông của Công ty con được nắm giữ bởi Công ty	Trái phiếu được cam kết bảo lãnh thanh toán bởi một Công ty con của Công ty.
Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam	3.350	335.000.000.000	Kỳ hạn: 4 năm. Tiền gốc được trả một lần vào ngày đáo hạn. Tiền lãi được thanh toán định kỳ 6 tháng/lần.	Lãi suất năm đầu cố định 10%/năm; các năm tiếp theo lãi suất thả nổi biên độ dao động 4% nhưng không thấp hơn 10%/năm	Tăng vốn điều lệ cho Công ty con	Một phần cổ phần của Công ty con được nắm giữ bởi Công ty TNHH Tasco Investment.	
Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí	500	500.000.000.000	Kỳ hạn: 4 năm. Tiền lãi được thanh toán định kỳ 6 tháng/lần. Trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu, giá chuyển đổi chưa xác định tại thời điểm phát hành	Lãi suất danh nghĩa 5%/năm	Mở rộng phạm vi triển khai hệ thống thu phí điện tử không dừng và cung cấp giải pháp thanh toán số khác trong lĩnh vực giao thông	Không có tài sản đảm bảo	
Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	60	60.000.000.000	Kỳ hạn: 10 năm. Tiền gốc được trả một lần vào ngày đáo hạn. Tiền lãi được thanh toán định kỳ 6 tháng/lần.	Lãi suất 02 kỳ đầu cố định 8,5%/năm; các kỳ sau lãi suất thả nổi biên độ dao động 3,7% (04 kỳ) và 5% (các kỳ còn lại)	Tái cơ cấu nợ	Một phần cổ phần của Công ty con được nắm giữ bởi Công ty cổ phần DNP Holding	
Công ty cổ phần Chứng khoán VNDirect	2.500	250.000.000.000	Kỳ hạn 26 - 38 tháng. Gốc trả cuối kỳ, lãi thanh toán định kỳ 12 tháng/lần	Lãi suất năm đầu cố định 11%/năm; các năm tiếp theo lãi suất thả nổi biên độ dao động 4% nhưng không thấp hơn 11%/năm	Tái cơ cấu nợ và thực hiện đầu tư vào các dự án ngành nước	Cổ phần của Công ty tại một số Công ty con và cổ phiếu của các bên thứ ba	
Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam	1.300	130.000.000.000	Kỳ hạn 48 tháng. Gốc trả cuối kỳ, lãi thanh toán định kỳ 3 tháng/lần	Lãi suất kỳ (3 tháng) đầu cố định 10,5%/năm; các kỳ tiếp theo lãi suất thả nổi biên độ dao động 4% nhưng không thấp hơn 11%/năm	Tái cơ cấu nợ	Một phần cổ phần của Công ty con được nắm giữ bởi Công ty TNHH Tasco Investment	
Công ty cổ phần Chứng khoán VNDirect	200.000.000	200.000.000.000	Kỳ hạn 60 tháng. Ngày trả gốc là ngày 11/8/2026, lãi thanh toán định kỳ 6 tháng/lần	Lãi suất cố định 10,6%/năm	Bổ sung vốn lưu động, bù đắp vốn lưu động đã dùng để tắt toán các khoản vay đến hạn và thanh toán các khoản nợ với các tổ chức tín dụng	Một phần cổ phiếu tại Công ty con và Công ty liên kết; Tiền gửi, số dư, chứng khoán và quyền tài sản phát sinh trên các tài khoản mở tại VNDirect	Trái phiếu được cam kết bảo lãnh thanh toán bởi một Công ty con khác của Công ty
Công ty cổ phần Chứng khoán VNDirect	200.000.000	200.000.000.000	Kỳ hạn 60 tháng. Ngày trả gốc là ngày 10/02/2027, lãi thanh toán định kỳ 6 tháng/lần	Lãi suất cố định 10,6%/năm			
Cộng		2.175.000.000.000					

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

B09-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

23.5 Thông tin chi tiết về giá trị tài sản dùng đảm bảo khoản vay ngắn hạn, dài hạn như sau:

Khoản mục đảm bảo vay ngắn hạn, dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	205.319.275.169	180.201.820.419
Phải thu khách hàng	1.083.761.177.418	297.361.264.820
Hàng tồn kho	1.589.648.964.769	1.474.812.553.190
Ký quỹ, ký cược	47.557.309.110	40.819.995.927
Tài sản cố định hữu hình	9.032.713.422.152	5.495.729.840.310
Tài sản cố định vô hình	550.520.677.705	783.574.302.283
Tiền thuê đất trả trước	-	58.196.208.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18.151.087.603	-
Bất động sản đầu tư	982.968.558.010	1.064.661.424.385
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	444.986.382.795	248.277.785.971
Khoản đầu tư vào Công ty con trong tập đoàn	8.830.604.281.460	6.444.257.020.000
Cổ phần nắm giữ	2.568.740.254.000	809.530.516.320
Cộng giá trị tài sản đảm bảo	25.354.971.390.191	16.897.422.731.625

24. Vốn chủ sở hữu

24.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quý đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	8.925.119.650.000	(790.282.631.426)	125.326.835.329	-	-	239.587173.906	2.813.549.757.286	11.313.300.785.095
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	28.153.918.039	85.553.927.247	113.707.845.286
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	156.254.905.986	148.492.184.105	304.747.090.091
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(136.352.285.055)	(136.352.285.055)
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-	(1.239.440.360)	(3.892.185.994)	(5.035.489.212)
Tăng vốn vào Công ty con từ lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	-	-	(1.463.945.600)	(8.536.054.400)	(4.800.000.000)
Góp vốn từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	96.137.142	332.907.500.000	332.907.500.000
Thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con	-	-	-	-	-	-	(291.918.292.736)	(340.049.344.000)
Phân chia lợi nhuận sau thuế (*)	-	-	-	-	-	(37.825.839.198)	-	(37.825.839.198)
Tăng/Giảm khác	-	(153.000.000)	-	2.488.472.567	94.392.479	(7.953.464.393)	15.789.798.637	10.266.199.290
Số dư cuối Năm trước/đầu năm nay	8.925.119.650.000	(790.435.631.426)	125.326.835.329	7.688.472.567	190.529.621	327.382.257.116	2.955.594.349.090	11.550.866.462.297
Tăng vốn trong năm (**)	1.757.736.160.000	-	-	-	-	-	-	1.757.736.160.000
Tăng/Giảm do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	397.322.173	4.164.570.164.933	4.164.967.487.106
Tăng vốn điều lệ tại Công ty con	-	-	-	-	-	(8.541.397.889)	11.558.397.889	3.017.000.000
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	492.181.070.574	138.082.419.382	630.263.489.956
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(84.358.314.193)	(84.358.314.193)
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-	(1.074.427.359)	(1.091.930.450)	(2.000.113.000)
Tăng vốn vào Công ty con từ lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	160.070.250.659	-	(160.070.250.659)	-	-
Thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con	-	-	-	-	-	443.857.784	(3.305.999.817)	(2.862.142.033)
Phân chia lợi nhuận sau thuế (*)	-	-	-	-	-	(62.905.214.428)	-	(62.905.214.428)
Tăng/Giảm khác	-	(312.900.000)	-	(503.812.668)	-	(3.583.244.022)	(8.011.030.841)	(12.410.987.531)
Số dư cuối năm nay	10.682.855.810.000	(790.748.531.426)	125.326.835.329	167.254.910.558	356.774.430	584.229.973.290	7.173.038.055.993	17.942.313.828.174

(*): Phân chia lợi nhuận sau thuế theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 15/5/2024 và phụ lục 01 Hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 30/5/2024.

(**): Ngày 28/08/2025, Công ty đã hoàn thành đợt phát hành thêm 175.773.616 cổ phiếu phổ thông cho cổ đông hiện hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) B09-DN/HN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

24.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
vốn góp của các cổ đông	10.682.855.810.000	8.925.119.650.000
Cộng	10.682.855.810.000	8.925.119.650.000

24.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận.

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	8.925.119.650.000	8.925.119.650.000
+ Vốn góp tăng trong năm	1.757.736.160.000	-
+ Vốn góp cuối năm	10.682.855.810.000	8.925.119.650.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu	số cuối năm	số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.068.285.581	892.511.965
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	1.068.285.581	892.511.965
- Cổ phiếu phổ thông	1.068.285.581	892.511.965
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.068.285.581	892.511.965
- Cổ phiếu phổ thông	1.068.285.581	892.511.965
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND		

25. Tài sản thuê ngoài

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:

	Năm nay	Năm trước
Từ 1 năm trở xuống	386.629.058.072	263.384.269.021
Trên 1 năm đến 5 năm	1.342.136.248.534	952.590.466.928
Trên 5 năm	2.199.047.163.225	1.984.248.372.662
Cộng	3.927.812.469.831	3.200.223.108.611

26. Tài sản nhận giữ hộ

Tại thời điểm 31/12/2025, Công ty đang có các tài sản nhận giữ hộ, bao gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	1.552.719.368.237	716.678.215.975
Cộng	1.552.719.368.237	716.678.215.975

27. Ngoại tệ các loại

Chi tiết số lượng từng loại ngoại tệ mà Công ty nắm giữ theo nguyên tệ như sau:

Nội dung	Số cuối năm	số đầu năm
USD	721.718,11	2.966,40
EUR	2.604,67	-
SEK	256,00	866.615,00

28. Nợ khó đòi đã xử lý

Chi tiết các khoản nợ khó đòi đã xử lý trong 10 năm như sau:

Nội dung	Số nợ (VND)	Nguyên nhân xóa nợ
Công ty cổ phần TIC	30.853.699.510	Nợ không có khả năng thu hồi.
Các đối tượng khác	18.511.827.713	Nợ không có khả năng thu hồi.
Tổng	49.365.527.223	

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động bán hàng hóa	30.097.698.281.453	25.730.534.372.540
Doanh thu hoạt động thu phí	1.222.545.563.255	1.190.927.528.152
Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.315.080.629.748	2.885.463.996.907
Doanh thu hoạt động kinh doanh bất động sản	546.050.244.832	285.640.030.564
Doanh thu khác	198.856.801.145	156.185.091.080
Cộng	36.380.231.520.433	30.248.751.019.243
Trong đó		
Doanh thu bán cho bên thứ ba	35.962.447.989.768	30.142.645.237.127
Doanh thu bán cho bên liên quan (chi tiết tại thuyết minh số VIII. 2)	417.783.530.665	106.105.782.116
Cộng	36.380.231.520.433	30.248.751.019.243

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

B09-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

2. Giá vốn hàng bán

	Năm trước	Năm nay
Giá vốn hoạt động bán hàng hóa	28.409.834.492.650	24.435.947183.917
Giá vốn hoạt động thu phí	595.894.728.001	630.753.126.675
Giá vốn cung cấp dịch vụ	3.287151.714.835	2.176.220.794.642
Giá vốn hoạt động kinh doanh bất động sản	457.838.380.163	158.234.409.612
Giá vốn khác	193.015.511.868	153.570.635.057
Cộng	32.943.734.827.517	27.554.726.149.903

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm trước	Năm nay
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	427.212.423.679	235.492.294.544
Lãi từ hoạt động chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính	811.887.956.386	467.737.598.923
Doanh thu hoạt động tài chính khác	30.128.955.039	171.509.737185
Cộng	1.269.229.335.104	874.739.630.652

4. Chi phí tài chính

	Năm trước	Năm nay
Lãi tiền vay	932.240.531.785	623.497.739.767
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	191.810.387.721	1.808.724.112
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(36.139.733.524)	1.414.315.157
Chi phí tài chính khác	56.945.112.210	79.283.506.169
Cộng	1.144.856.298.192	706.004.285.205

5. Chi phí bán hàng

	Năm trước	Năm nay
Chi phí nhân viên	682.591.375.104	567.084.548.274
Chi phí vật liệu, bao bì	69.601.556.957	44.217.985.762
Chi phí khấu hao TSCĐ	132.084.184.391	97.836.475.181
Chi phí dịch vụ mua ngoài	357.123.685.260	270.689.172.150
Chi phí bằng tiền khác	135.970.188.762	148.989.941.468
Cộng	1.377.370.990.474	1.128.818.122.835

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm trước	Năm nay
Chi phí nhân viên quản lý	665.295.503.516	562.161.313.427
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	32.740.648.370	20.446.076.383
Chi phí khấu hao TSCĐ và LTTM	366.816.081.840	352.006.469.168
Chi phí dự phòng	(13.497154.689)	2.679.295.738
Chi phí dịch vụ mua ngoài	387.391.716.222	354.719.646.005
Chi phí bằng tiền khác	128.506.762.981	101.425.288.237
Cộng	1.567.253.558.240	1.393.438.088.958

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm trước	Năm nay
Giá vốn hàng hóa đã bán	28.409.852.506.930	8.409.291.253.451
Chi phí nhân công	2.225.322.192.138	652.645.949.531
Chi phí nguyên liệu, công cụ, dụng cụ	2.422.101.802.781	394.808.400.928
Chi phí khấu hao TSCĐ và phân bổ LTTM	1.078.114.682.566	494.962.414.253
Chi phí dự phòng	65.970.464.791	44.296.085.159
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.668.795.496.502	582.169.356.177
Chi phí bằng tiền khác	934.139.796.728	149.356.859.190
Cộng	36.804.296.942.436	10.727.530.318.689

8. Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm trước	Năm nay
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	375.621.390.289	118.791.810.804
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	9.634.243.919	(4.620.199.351)
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	385.255.634.208	114.171.611.453

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) B09-DN/HN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	Năm trước	Năm nay
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	630.263.489.956	304.747.090.091
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	492.181.070.574	156.254.905.986
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm (*)	-	908.182.550
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (**)	953.189.980	892.511.965
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	516,35	174,06

(*) Công ty chưa có cơ sở để xác định số tiền trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm nay; Số liệu trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm trước đã được điều chỉnh theo số liệu thực trích.

(**) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được xác định như sau:

	Năm trước	Năm nay
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	892.511.965	892.511.965
Cộng: Số lượng cổ phiếu phát hành thêm lưu hành bình quân trong năm	60.678.015	-
Trừ: Số lượng cổ phiếu quỹ mua lại bình quân trong năm	-	-
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	953.189.980	892.511.965

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Chỉ tiêu này phản ánh lãi suy giảm trên cổ phiếu, có tính đến sự tác động của các công cụ trong tương lai có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định như sau:

	Năm trước	Năm nay
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	630.263.489.956	304.747.090.091
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty	492.181.070.574	156.254.905.986
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm (*)	-	908.182.550
Số BQGQ của CP phổ thông đang lưu hành trong năm	953.189.980	892.511.965
Số BQGQ của CP phổ thông sẽ được phát hành thêm trong năm (**)	-	178.502.393

Lãi suy giảm trên cổ phiếu	516,35	145,05
----------------------------	--------	--------

(*) Công ty chưa có cơ sở để xác định số tiền trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm nay; Số liệu trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm trước đã được điều chỉnh theo số liệu thực trích.

(**) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 31/05/2024 về việc thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ Công ty, số lượng cổ phiếu đăng ký chào bán là 178.502.393 cổ phiếu. Ngày 12/06/2025 Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số 146/GCN-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước, theo đó, Công ty được chào bán thêm ra công chúng 178.502.393 cổ phiếu. Ngày 28/08/2025, Công ty đã hoàn thành đợt phát hành thêm 175.773.616 cổ phiếu phổ thông cho cổ đông hiện hữu.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Tiền thu từ đi vay

	Năm trước	Năm nay
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	28.494.245.887.755	21.252.330.993.073
Tiền thu từ phát hành trái phiếu thường	835.000.000.000	500.000.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu đã thanh toán	(5.379.000.000)	11.300.000.000)
Bù trừ tiền thu các khoản vay có thời hạn dưới 3 tháng	(143.430.514.786)	(571.468.722.048)
Cộng	29.180.436.372.969	21.169.562.271.025

2. Tiền trả nợ gốc vay

	Năm trước	Năm nay
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	25.857.300.260.096	20.090.767.668.493
Bù trừ nợ gốc các khoản vay có thời hạn dưới 3 tháng	(143.430.514.786)	-
Cộng	25.713.869.745.310	20.090.767.668.493

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Điều hành Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Điều hành, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo) B09-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

2. Giao dịch với các bên liên quan

2.1 Danh sách bên liên quan

Danh sách các bên liên quan của Công ty có số dư và giao dịch chủ yếu trong năm, bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH BOT Hùng Thắng Phú Thọ	Công ty liên kết
Công ty cổ phần NVT Holdings	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	Công ty liên kết đến ngày 21/04/2025
Công ty cổ phần Tasco Auto Sài Gòn (Trước đó: Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Nam Sài Gòn)	Công ty liên kết, trở thành Công ty con từ ngày 28/02/2025
Công ty TNHH Savico Quảng Nam	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô Gia Định	Công ty liên kết đến ngày 29/12/2025
Công ty cổ phần Đầu tư Tri Thức Tương Lai	Công ty liên kết
Công ty cổ phần GreenLynk Automotives	Công ty liên kết
Công ty TNHH Cấp thoát nước Đại Dương Xanh	Công ty liên kết từ ngày 01/12/2025
Công ty cổ phần Nước và Môi trường Đông Hải	Công ty liên kết từ ngày 01/12/2025
Công ty cổ phần cấp nước Sài Gòn - Pleiku	Công ty liên kết từ ngày 01/12/2025
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Hạ tầng Meta	Công ty liên kết từ ngày 01/12/2025
Công ty Cổ phần Nước sạch Bắc Giang	Công ty liên kết từ ngày 01/12/2025
Công ty cổ phần Du lịch Hồng Hải	Đơn vị có liên quan của thành viên HĐQT
Công ty cổ phần Đầu tư Y tế - Dược phẩm Việt Nam (Trước đó: Công ty cổ phần Đầu tư và Phát triển Y tế Việt Nhật)	Đơn vị có liên quan của thành viên HĐQT
Công ty cổ phần CMC	Đơn vị có liên quan của thành viên HĐQT và trở thành Công ty con từ ngày 01/12/2025
Công ty cổ phần DNP Holding	Đơn vị có liên quan của thành viên HĐQT và trở thành Công ty con từ ngày 01/12/2025
Công ty cổ phần Đầu tư ngành nước DNP	Đơn vị có liên quan của thành viên HĐQT và trở thành Công ty con từ ngày 01/12/2025
Công ty cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	Đơn vị có liên quan của thành viên HĐQT và trở thành Công ty con từ ngày 01/12/2025
Công ty cổ phần Tasco Holding	Đơn vị có liên quan của thành viên HĐQT và trở thành cổ đông lớn từ ngày 10/09/2025
Công ty cổ phần Du thuyền SVC	Đơn vị có liên quan của thành viên Ban Điều hành
Công ty cổ phần Du lịch Bến Thành Non Nước	Đơn vị có liên quan của thành viên HĐQT từ ngày 26/05/2025
Công ty TNHH Ana Services	Đơn vị có liên quan của thành viên Ban Điều hành đến ngày 04/04/2025

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ông Vũ Đình Độ	Chủ tịch HĐQT
Ông Hồ Việt Hà	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Danh Hiếu	Phó Chủ tịch HĐQT
Ông Nguyễn Thế Minh	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đức Huy	Phó Chủ tịch HĐQT (Thành viên độc lập HĐQT) đến ngày 26/5/2025
Ông Ngô Đức Vũ	Phó Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm Thành viên HĐQT ngày 26/5/2025)
Bà Phan Thị Thu Thảo	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Ông Đinh Đức Tùng	Thành viên HĐQT đến ngày 26/5/2025
Bà Đàm Bích Thủy	Thành viên độc lập HĐQT
Ông Bùi Quang Bách	Thành viên độc lập HĐQT
Ông Hoàng Minh Hùng	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 20/6/2025)
Ông Phạm Đức Minh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phan Thùy Giang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hải Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Hiếu	Trưởng ban Kiểm soát
Bà Hoàng Thị Soa	Thành viên BKS
Bà Trần Thị Linh	Thành viên BKS

2.2 Giao dịch với bên liên quan

a. Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt

	Thu nhập (*)	
	Năm nay	Năm trước
Hội đồng quản trị	4.596.800.000	4.240.700.000
Ông Vũ Đình Độ - Chủ tịch	-	-
Ông Nguyễn Thế Minh - Phó Chủ tịch (**)	2.011.700.000	1.741.700.000
Bà Phan Thị Thu Thảo - Thành viên (**)	1.801.500.000	1.741.900.000
Bà Đàm Bích Thủy - Thành viên độc lập	783.600.000	757.100.000
Các thành viên khác	-	-
Ban Kiểm soát	-	-
Ban Điều hành	-	-
Ông Hồ Việt Hà - Tổng Giám đốc (Từ nhiệm ngày 20/06/2025)	-	-
Ông Hoàng Minh Hùng - Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 20/06/2025)	-	-
Các thành viên điều hành khác (***)	-	-
Cộng	4.596.800.000	4.240.700.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 B09-DN/HN
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

- (*) Chỉ bao gồm thu nhập được trả cho chức danh vị trí tại Công ty (không tính đến thu nhập nếu có tại các đơn vị khác).
- (**) Các thành viên Hội đồng quản trị kiêm chức vụ điều hành trong Ban Điều hành có thu nhập từ Lương và phụ cấp chức vụ trong năm được trình bày tổng thu nhập tại mục thu nhập của Hội đồng quản trị.
- (***) Các thành viên khác trong Ban Điều hành (trừ các thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm).

b. Giao dịch và số dư với bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
<i>Bán hàng hóa, Cung cấp dịch vụ</i>		
Công ty TNHH BOT Hùng Thắng Phú Thọ	1.079.682.406	635.040.269
Công ty cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô Gia Định (*)	41.043.233.052	42.677.291.604
Công ty cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (*)	1.499.542.636	1.104.185.914
Công ty TNHH Toyota Bình Thuận (*)	118.500	1.498.786.214
Công ty TNHH Savico Quảng Nam	-	90.000.000
Công ty cổ phần Greenlynk Automotives	367.176.814.137	12.234.989.269
Công ty cổ phần Ô tô Bến Thành Tây Ninh (**)		14.843.800.142
Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Sài Gòn Phú Lâm (**)		2.692.811.396
Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Bình Thuận (**)		15.257.493.731
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt (**)		2.878.469.728
Công ty TNHH MTV Toyota Tây Ninh (**)		1.706.600.000
Công ty cổ phần Tasco Holding	5.000.000.000	-
Công ty cổ phần phát triển Du lịch Tân An (*)	-	3.146.153.755
Công ty cổ phần Du lịch Hồng Hải	124.402.525	336.317.730
Công ty cổ phần DNP Holding (***)	946.873.000	570.206.000
Công ty cổ phần CMC (***)	277.290.000	4.713.636.364
Công ty cổ phần Đầu tư Y tế - Dược phẩm Việt Nam	9.000.000	-
Công ty cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (***)	623.902.500	350.000.000
Công ty cổ phần Du thuyền SVC	2.671.909	1.370.000.000
Công ty cổ phần Nước và Môi trường Đông Hải (****)	13.468.370	
Công ty cổ phần Kỹ thuật Hạ tầng Meta (****)	5.394.768.584	
Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Giang (****)	4.994.620.062	
Cộng	417.783.530.665	106.105.782.116

	Năm nay	Năm trước
<i>Mua hàng hóa, dịch vụ, TSCĐ</i>		
Công ty TNHH BOT Hùng Thắng Phú Thọ	49.550.000	37.925.000
Công ty cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô Gia Định (*)	37.915.517.167	44.136.618.133
Công ty cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (*)	26.504.250	95.361.900
Công ty TNHH Toyota Bình Thuận (*)	5.142.000	685.231.903
Công ty cổ phần Tasco Auto Sài Gòn (***)	4.712.347	2.769.343
Công ty cổ phần Greenlynk Automotives	1.086.067.132.271	300.995.974.168
Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Sài Gòn Phú Lâm (**)	-	45.995.200
Công ty cổ phần Ô tô Bến Thành Tây Ninh (**)		26.949.475.952
Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Bình Thuận (**)		18.382.937.838
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt (**)		1.450.309.164
Công ty TNHH Đầu tư Savico (**)		2.250.988.051
Công ty TNHH Ana Services (*)	1.254.905.918	-
Công ty cổ phần du lịch Hồng Hải	1.357.728.236	1.284.137.118
Công ty cổ phần phát triển Du lịch Tân An (*)	-	1.283.955.593
Công ty cổ phần Đầu tư Y tế - Dược phẩm Việt Nam	236.732.800	437.142.690
Công ty cổ phần Du thuyền SVC	627.755.231	1.647.643.244
Công ty cổ phần CMC (***)	91.199.560.000	38.518.518.518
Công ty cổ phần DNP Holding (***)	-	100.000.000
Công ty cổ phần Du lịch Bến Thành Non Nước (****)	173.103.537	
Công ty cổ phần Nước và Môi trường Đông Hải (****)	319.814.286	
Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Giang (****)	13.977.600	
Công ty cổ phần cấp nước Sài Gòn - Pleiku (****)	1.125.721.590	
Cộng	1.220.377.857.233	438.304.983.815
<i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>		
Công ty cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (*)	-	6.060.497.000
Công ty cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô Gia Định (*)	1.225.000.000	2.450.000.000
Công ty TNHH Toyota Lý Thường Kiệt (**)		6.300.000.000
Công ty cổ phần Ô tô Bến Thành Tây Ninh (**)		1.250.000.000
Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Dịch vụ Ô tô Sài Gòn Phú Lâm (**)		500.000.000
Công ty cổ phần Dịch vụ Ô tô Bình Thuận (**)		4.400.000.000
Công ty cổ phần Nước và Môi trường Đông Hải (****)	275.000.000	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

B09-DN/HN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Cộng	1.225.000.000	20.960.497.000
	Năm nay	Năm trước
Lãi cho vay, lãi hợp tác đầu tư		
Công ty TNHH BOT Hùng Thắng Phú Thọ	602.700.000	604.351.233
Công ty cổ phần Tasco Holding	123.287.673	-
Công ty TNHH Đầu tư Savico (**)		1.609.643.836
Công ty TNHH Ana Services (*)	591.780.821	-
Công ty cổ phần Greenlynk Automotives	93.186.301	-
Công ty cổ phần Du lịch Bến Thành Non Nước (****)	381.369.863	-
Công ty cổ phần CMC (***)	745.068.493	-
Cộng	2.537.393.151	2.213.995.069
Thu nhập khác		
Công ty cổ phần Greenlynk Automotives	2.214.126.913	229.840.000
Công ty cổ phần Du thuyền SVC	890.636	-
Cộng	2.215.017.549	229.840.000
Cho vay		
Công ty cổ phần Greenlynk Automotives	-	7.000.000.000
Công ty cổ phần CMC (***)	105.000.000.000	-
Cộng	105.000.000.000	7.000.000.000
Thu hồi gốc cho vay		
Công ty cổ phần Greenlynk Automotives	7.000.000.000	-
Công ty cổ phần CMC (***)	105.000.000.000	-
Cộng	112.000.000.000	-
Hợp tác đầu tư		
Công ty TNHH Đầu tư Savico (**)		136.000.000.000
Cộng	-	136.000.000.000

- (*): Các đơn vị này không còn là bên liên quan của Công ty trong năm. Giao dịch với các đơn vị này trong năm nay được xác định từ thời điểm đầu năm đến thời điểm không còn là bên liên quan.
- (**): Các đơn vị này là Công ty liên kết và trở thành Công ty con trong năm trước. Giao dịch với các đơn vị này trong năm trước được xác định từ đầu năm đến thời điểm các đơn vị này trở thành Công ty con. Giao dịch với các đơn vị này trong năm nay không được coi là giao dịch với bên liên quan.
- (***): Các đơn vị này là Công ty liên kết/bên liên quan và trở thành Công ty con trong năm nay. Giao dịch với các đơn vị này trong năm nay được xác định từ đầu năm đến thời điểm các đơn vị này trở thành Công ty con.
- (****): Các đơn vị này trở thành bên liên quan của Công ty trong năm. Giao dịch với các đơn vị này trong năm nay được xác định từ thời điểm trở thành bên liên quan.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư phải thu, phải trả với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty cổ phần du lịch Hồng Hải	156.370.500	4.775.375
Công ty TNHH BOT Hùng Thắng Phú Thọ	134.790.693	91.294.942
Công ty cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô Gia Định		13.314.283.181
Công ty cổ phần Greenlynk Automotives	342.169.488.311	4.128.330.800
Công ty cổ phần DNP Holding (**)		264.000.000
Công ty cổ phần CMC (**)		265.000.000
Công ty cổ phần Du thuyền SVC		431.749.181
Công ty TNHH Ana Services (*)		6.000.000
Công ty cổ phần Kỹ thuật Hạ tầng Meta (***)	2.042.870.601	
Công ty cổ phần Nước sạch Bắc Giang (***)	4.327.441.501	
Cộng	348.830.961.606	18.505.433.479
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Công ty TNHH BOT Hùng Thắng	120.000	-
Công ty cổ phần Đầu tư Y tế - Dược phẩm Việt Nam	1.277.880.000	-
Công ty cổ phần Kỹ thuật Hạ tầng Meta (***)	1.188.134.000	-
Cộng	2.466.134.000	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Công ty cổ phần Greenlynk Automotives	-	7.000.000.000
Công ty TNHH BOT Hùng Thắng Phú Thọ	5.740.000.000	5.740.000.000
Công ty cổ phần Du lịch Bến Thành - Non Nước (***)	2.250.000.000	
Công ty cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku (***)	112.661.134.593	
Cộng	120.651.134.593	12.740.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn		
Công ty TNHH Ana Services (*)		30.000.000.000
Cộng	-	30.000.000.000
Phải thu khác ngắn hạn		
Công ty TNHH BOT Hùng Thắng Phú Thọ	3.949.398.659	3.346.698.659
Công ty cổ phần Greenlynk Automotives	9.277.885.362	9.289.818.998
Công ty cổ phần Tasco Holding	123.287.673	-
Công ty cổ phần Tasco Auto Sài Gòn (**)		4.000.000.000
Công ty cổ phần Du lịch Bến Thành - Non Nước (***)	180.821.918	
Công ty TNHH Ana Services (*)		25.000.000.000
Cộng	13.531.393.612	41.636.517.657

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B09-DN/HN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khác dài hạn		
Công ty TNHH Ana Services (*)		250.000.000
Công ty cổ phần Tasco Holding	249.500.000.000	
Cộng	249.500.000.000	250.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty cổ phần du lịch Hồng Hải	255.252.000	-
Công ty TNHH BOT Hùng Thắng Phú Thọ	53.394.000	17.554.200
Công ty cổ phần Toyota Đông Sài Gòn (*)		9.156.780
Công ty cổ phần Dịch vụ Sài Gòn Ô tô Gia Định (*)		13.287.153.422
Công ty cổ phần Greenlynk Automotives	383.055.583.135	-
Công ty cổ phần Kỹ thuật Hạ tầng Meta (***)	14.763.328.127	
Công ty cổ phần cấp nước Sài Gòn - Pleiku (***)	1.182.007.670	
Công ty cổ phần Đầu tư Y tế - Dược phẩm Việt Nam	54.567.040	25.391.520
Công ty TNHH Ana Services (*)		2.509.636.001
Công ty cổ phần Du thuyền SVC	127.262.100	72.452.000
Cộng	399.491.394.072	15.921.343.923
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty cổ phần Greenlynk Automotives	150.481.725.124	73.972.558.492
Công ty cổ phần phát triển Du lịch Tân An (*)		348.600.000
Cộng	150.481.725.124	74.321.158.492
Phải trả khác ngắn hạn		
Công ty TNHH BOT Hùng Thắng Phú Thọ	211.202.000	154.054.000
Công ty cổ phần Greenlynk Automotives	1.257.495.292	1.023.495.292
Cộng	1.468.697.292	1.177.549.292
Phải trả khác dài hạn		
Công ty cổ phần Greenlynk Automotives	-	138.886.200
Công ty TNHH Ana Services (*)		300.000.000
Công ty cổ phần Du thuyền SVC	-	540.292.000
Cộng	-	979.178.200

- (*): Các đơn vị này không còn là bên liên quan của Công ty tại thời điểm 31/12/2025.
- (**): Các đơn vị này trở thành Công ty con của Công ty trong năm do đó tại thời điểm cuối năm các đơn vị này không phải là bên liên quan.
- (***): Các đơn vị này trở thành bên liên quan của Công ty trong năm, tại thời điểm đầu năm các đơn vị này không phải là bên liên quan.

Chính sách giá cả đối với các giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan khác

Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường. Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

4. Báo cáo kết quả bộ phận

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản, công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty tại ngày 31/12/2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày như sau:

	Kinh doanh ô tô	Sản xuất nước sạch, đồ gia dụng, vật liệu xây dựng và bao bì	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Dịch vụ thu phí đường bộ theo hình thức BOT	Dịch vụ thu phí theo hình thức điện tử không dừng	Hoạt động kinh doanh bảo hiểm và đầu tư khác	Tổng
DOANH THU							
Tổng doanh thu	32.065.948.009.466	1.138.595.560.646	546.050.244.832	718.842.462.035	503.703.101.220	1.407.092.142.234	36.380.231.520.433
Giảm trừ doanh thu	41.471.738.416	20.391.540.183	-	-	-	930.713.771	62.793.992.370
Doanh thu thuần	32.024.476.271.050	1.118.204.020.463	546.050.244.832	718.842.462.035	503.703.101.220	1.406.161.428.463	36.317.437.528.063
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	(7.351.057.668)	-	(31.190.350.655)	2.431.354.230	-	-	(36.110.054.093)
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG							
Kết quả bộ phận	147.461.678.016	260.387.080.096	31.595.188.748	121.030.562.678	139.503.413.063	88.020.559.786	787.998.482.387
Thuế thu nhập doanh nghiệp	24.739.906.499	65.170.221.693	13.551.547.643	9.846.191.170	-	44.427.125.426	157.734.992.431
Lợi nhuận trong năm	122.721.771.517	195.216.858.403	18.043.641.105	111.184.371.508	139.503.413.063	43.593.434.360	630.263.489.956
TÀI SẢN							
Tài sản cố định	1.978.882.128.757	5.722.366.688.433	1.580.152.421.387	3.933.822.901.217	886.885.677.492	319.370.791.820	14.421.480.609.106
TSCĐ không thể phân bổ							19.985.765.496
Tài sản dở dang dài hạn	427.740.289.746	928.389.836.293	1.310.409.074.221	-	716.152.000	224.644.727.039	2.891.900.079.299
Các khoản phải thu	2.603.945.254.803	3.379.042.878.290	201.104.020.353	10.145.497.797	314.559.463.222	9.633.907.910.166	16.142.705.024.631
Hàng tồn kho	3.864.488.869.752	1.975.656.667.611	-	-	29.875.568.491	65.885.109.644	5.935.906.215.498
Tài sản ngắn hạn, dài hạn khác	1.838.537.609.481	2.366.815.984.663	-	1.262.590.203.127	1.479.443.090.838	3.340.547.983.388	10.287.934.871.497
Tài sản không thể phân bổ							2.531.327.634.826
Tổng tài sản	10.713.594.152.539	14.372.272.055.290	3.091.665.515.961	5.206.558.602.141	2.711.479.952.043	13.584.356.522.057	52.231.240.200.353
NỢ PHẢI TRẢ							
Các khoản phải trả	2.398.968.327.131	2.373.676.349.994	594.622.020.384	515.808.675.682	1.790.882.322.403	3.934.798.071.235	11.608.755.766.829
Phải trả tiền vay	7.885.630.993.932	8.704.149.199.295	-	3.184.633.530.026	1.572.499.843.025	574.797.746.030	21.921.711.312.308
Nợ phải trả không phân bổ							758.459.293.042
Tổng nợ phải trả	10.284.599.321.063	11.077.825.549.289	594.622.020.384	3.700.442.205.708	3.363.382.165.428	4.509.595.817.265	34.288.926.372.179

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

B09-DN/HN

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản, công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty tại ngày 31/12/2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày như sau:

	Kinh doanh ô tô	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Dịch vụ thu phí đường bộ theo hình thức BOT	Dịch vụ thu phí theo hình thức điện tử không dừng	Hoạt động kinh doanh bảo hiểm và đầu tư khác	Tổng
DOANH THU						
Tổng doanh thu	28.225.344.945.350	285.640.030.564	738.751.611.109	452.175.917.043	546.838.515.177	30.248.751.019.243
Giảm trừ doanh thu	12.889.934.475	-	6.759.916.975	-	216.108.309	19.865.959.759
Doanh thu thuần	28.212.455.010.875	285.640.030.564	731.991.694.134	452.175.917.043	546.622.406.868	30.228.885.059.484
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	16.537.729.464	(42.287.411.718)	601.748.683	-	-	(25.147.933.571)
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG						
Kết quả bộ phận	269.318.833.146	(59.264.621.660)	124.851.912.986	32.945.197.603	579.71.238.729	425.822.560.804
Thuế thu nhập doanh nghiệp	89.576.884.173	10.973.702.755	11.801.501.180	-	8.723.382.605	121.075.470.713
Lợi nhuận trong kỳ	179.741.948.973	(70.238.324.415)	113.050.411.806	32.945.197.603	49.247.856.124	304.747.090.091
TÀI SẢN						
Tài sản cố định	1.855.887.096.841	1.398.357.499.865	4.209.426.432.859	993.738.129.735	11.422.551.455	8.468.831.710.755
Tài sản cố định không thể phân bổ						17.374.694.151
Tài sản dở dang dài hạn	67.258.106.323	2.002.922.238.684	-	496.152.000	208.528.117.111	2.279.204.614.118
Các khoản phải thu	1.795.056.045.299	675.989.197.289	9.364.121.898	387.566.996.296	3.899.928.574.713	6.767.904.935.495
Hàng tồn kho	2.979.862.541.731	-	-	37.319.215.748	160.190.780.541	3.177.372.538.020
Tài sản ngắn hạn, dài hạn khác	1.257.291.451.791	140.634.864.278	1.409.311.031.463	1.282.104.640.193	1.881.262.802.214	5.970.604.789.939
Tài sản không thể phân bổ						2.306.020.094.869
Tổng tài sản	7.955.355.241.985	4.217.903.800.116	5.628.101.586.220	2.701.225.133.972	6.161.332.826.034	28.987.313.377.347
NỢ PHẢI TRẢ						
Các khoản phải trả	1.496.317.039.215	1.373.053.911.971	491.995.802.376	1.853.427.776.458	1.277.088.584.654	6.491.883.114.674
Phải trả tiến vay	4.480.521.722.582	1.124.115.112.859	3.571.033.530.026	790.326.582.106	249.880.922.977	10.215.877.870.550
Nợ phải trả không phân bổ						728.685.929.826
Tổng nợ phải trả	5.976.838.761.797	2.497.169.024.830	4.063.029.332.402	2.643.754.358.564	1.526.969.507.631	17.436.446.915.050

4. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh được trình bày theo số liệu từ Báo cáo tài chính hợp nliất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán BDO.

Lập ngày 30 tháng 03 năm 2026

Người lập biểu



Trần Thị Trà My

Kế toán trưởng



Bùi Thị Bình

Tổng Giám đốc



Hoàng Minh Hùng

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



Hoàng Minh Hùng